

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

-----o0o-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN PHÚ LƯƠNG**

Địa chỉ: thị trấn Đu, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên

CHỦ DỰ ÁN
TRUNG TÂM Y TẾ
HUYỆN PHÚ LƯƠNG




GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tuấn Trung

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	3
DANH MỤC CÁC BẢNG	4
DANH MỤC HÌNH	5
Chương I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	6
1. Tên chủ cơ sở:	6
2. Tên cơ sở:	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	9
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	10
5. Các thông tin khác liên quan	17
.....	19
Chương II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	24
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	24
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	25
Chương III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA TRUNG TÂM	26
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	26
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	39
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	40
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại (CTNH)	43
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	48
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	48
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: Không có	51
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Trung tâm:	51
9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp: Không có.	54
Chương IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	55
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	55
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	57
Chương V: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	58
1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường.....	58
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ.....	60
Chương VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ.....	66

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG.....	66
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	66
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	66
Chương VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	69

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Tên ký hiệu
1	CB	Cán bộ
2	CS	Công suất
3	CTNH	Chất thải nguy hại
4	CTR	Chất thải rắn
5	Ng.đ	Ngày đêm
6	NTSH	Nước thải sinh hoạt
7	PCCC	Phòng cháy chữa cháy

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. Chỉ tiêu giao khám chữa bệnh năm 2024 và kết quả các năm 2022, 2023	10
Bảng 2. Nguyên, nhiên liệu sử dụng cho hoạt động của Trung tâm	14
Bảng 3. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ khám chữa bệnh.....	14
Bảng 4. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ khám chữa bệnh đã được đầu tư mới so với báo cáo đề án bảo vệ môi trường	15
Bảng 5. Khối lượng hạng mục thu gom nước mưa của Trung tâm.....	27
Bảng 6. Khối lượng hạng mục thu gom nước thải y tế	29
Bảng 7. Khối lượng hạng mục thu gom nước thải sinh hoạt.....	31
Bảng 8. Hệ thống thoát nước thải.....	31
Bảng 9. Kích thước các bể của hệ thống xử lý nước thải.....	36
Bảng 10. Các danh mục thiết bị chính của Trạm xử lý nước thải	37
Bảng 11. Bảng tổng hợp chất thải rắn phát sinh.....	41
Bảng 12. Bảng tổng hợp CTNH phát sinh.....	44
Bảng 13. Hướng dẫn phân loại một số chất thải rắn y tế nguy hại	47
Bảng 14. Tổng hợp các nội dung thay đổi so với Đề án đã phê duyệt.....	53
Bảng 15. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải xin cấp phép	56
Bảng 16. Giá trị giới hạn xin cấp phép tiếng ồn.....	57
Bảng 17. Giá trị giới hạn xin cấp phép độ rung	57
Bảng 18. Tổng hợp các phương pháp lấy mẫu.....	60
Bảng 19. Kết quả quan trắc định kỳ chất lượng nước thải năm 2022, 2023	62
Bảng 20. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải.....	66
Bảng 21. Kế hoạch dự kiến thời gian đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải giai đoạn vận hành ổn định.....	67

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Sơ đồ quy trình hoạt động khám, chữa bệnh.....	9
Hình 2. Sơ đồ cân bằng nước tại Trung tâm.....	13
Hình 3. Sơ đồ thu gom nước mưa	26
Hình 4. Vị trí xả nước thải và khoảng cách tới sông Đu	32
Hình 5. Sơ đồ thu gom nước thải	32
Hình 6. Bể tự hoại.....	33
Hình 7. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải	34

Chương I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở:

Trung tâm y tế huyện Phú Lương

- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ dân phố Cầu Trắng, thị trấn Đu, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Tuấn Trung - Giám đốc

- Điện thoại: 0208 3874205

- Hồ sơ pháp lý thành lập Trung tâm:

Trung tâm Y tế huyện Phú Lương được thành lập trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Y tế huyện Phú Lương và Bệnh viện đa khoa huyện Phú Lương theo Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

Trung tâm là đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc Sở y tế tỉnh Thái Nguyên, là đơn vị xếp hạng III, theo quy định tại Thông tư số 23/2005/BYT ngày 25/8/2005 của Bộ Y tế (thay thế bằng Thông tư số 06/2024/BYT ngày 16/5/2024 của Bộ Y tế). Hiện nay, Trung tâm được tổ chức gồm 14 khoa, phòng chức năng nhiệm vụ; thực hiện công tác quản lý 15 trạm y tế cấp xã, thị trấn.

2. Tên cơ sở:

Trung tâm y tế huyện Phú Lương

- Người đại diện: ông Nguyễn Tấn Trung - Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ dân phố Cầu Trắng, thị trấn Đu, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- Điện thoại: 0208 3874205

*** Các văn bản có liên quan:**

- Trung tâm y tế huyện Phú Lương (sau đây gọi là Trung tâm) được cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 109/TD-PCCC ngày 08/06/2018 của Cảnh sát PC&CC tỉnh Thái Nguyên (nay là Công an tỉnh Thái Nguyên) cho hạng mục cấp nước chữa cháy của Bệnh viện đa khoa huyện Phú Lương (nay là Trung tâm y tế huyện Phú Lương).

- Đề án bảo vệ môi trường chi tiết được phê duyệt tại Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 25/10/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên cho Bệnh viện đa khoa Phú Lương (nay là Trung tâm y tế huyện Phú Lương).

- Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 486/GP-UBND ngày 12/02/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên cho phép Bệnh viện đa khoa huyện Phú Lương (nay là Trung tâm y tế huyện Phú Lương) được xả nước thải vào nguồn nước.

- Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 3209/GP-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên cho phép Trung tâm được khai thác, sử dụng nước dưới đất.

- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại Mã số quản lý chất thải nguy hại: 19.000099T ngày 27/9/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường cấp.

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công): Dự án nhóm C phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Yếu tố nhạy cảm về môi trường: Nước thải của Trung tâm sau xử lý xả ra nguồn tiếp nhận là hệ thống thoát nước hiện trạng của thị trấn Đu chảy dọc theo đường quốc lộ 3, nhưng có chức năng tiêu thoát nước mưa và nước thải trong khu vực và xả ra nguồn tiếp nhận là sông Đu cách điểm tiếp nhận nước thải của Trung tâm khoảng 1,2km về phía Tây Bắc.

+ Tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP quy định: “*Dự án có xả nước thải vào nguồn nước mặt được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước...*” được xác định là yếu tố nhạy cảm về môi trường.

+ Tại mục 26 khoản 1 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP quy định: “*Nguồn tiếp nhận nước thải (còn gọi là nguồn nước tiếp nhận) là các dạng tích tụ nước tự nhiên, nhân tạo có mục đích sử dụng xác định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định... Trường hợp nguồn nước tại vị trí xả nước thải chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định mục đích sử dụng thì nguồn tiếp nhận nước thải là nguồn nước liên thông gần nhất đã được xác định mục đích sử dụng*”.

+ Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-TTg1 (tại mục 1 phần IX); Quyết định số 50/QĐ-TTg ngày 06/02/20232 (tại mục 63.2 và mục 65 Phụ lục I), đoạn sông Thái Bình 2 (Sông Cầu đoạn chảy qua tỉnh Thái Nguyên); sông Công và hồ Núi Cốc đều có chức năng cấp nước cho sinh hoạt.

Sông Đu là phụ lưu cấp 1 của Sông Cầu, hiện nay chưa được xác định mục đích sử dụng nước, do đó xác định dựa trên nguồn liên thông gần nhất là sông Cầu, có chức năng cấp nước cho sinh hoạt.

Căn cứ các nội dung nêu trên, Trung tâm có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định của Luật bảo vệ môi trường.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.

- Phân nhóm dự án đầu tư: nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

*** Tình hình hoạt động:**

Trung tâm Y tế huyện Phú Lương thành lập trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Y tế huyện Phú Lương và Bệnh viện đa khoa huyện Phú Lương theo Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Với bề dày lịch sử gần 70 năm hoạt động (từ năm 1957 đến nay), trải qua nhiều thay đổi, biến động gắn liền với quá trình phát triển của huyện Phú Lương và công tác chăm lo, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn huyện Phú Lương.

Hình thành từ một phòng Y tế gắn với phòng khám với 07 cán bộ, trong đó có 1 y sỹ, còn lại là y tá với cơ sở vật chất có 1 nhà 3 gian bằng tranh tre nứa lá, cán bộ chủ yếu làm nhiệm vụ chống dịch, dập dịch.

Tháng 12 năm 1991 Trung tâm y tế huyện được thành lập, tập trung sự chỉ đạo điều hành của Trung tâm y tế đến các cơ sở y tế. Tổng biên chế cán bộ từ 90 – 100 người, trong đó Bác sĩ là 24 người với 70 giường bệnh được chia ra làm 3 cơ sở điều trị. Năm 2000 Trung tâm y tế huyện Phú Lương được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt Dự án nghiên cứu khả thi công trình Trung tâm y tế huyện Phú Lương theo Quyết định số 3997/QĐ-UBND ngày 27/11/2000 để đầu tư xây dựng cải tạo và nâng cấp Trung tâm y tế huyện Phú Lương hoàn chỉnh và hiện đại đảm bảo cơ sở vật chất kỹ thuật của Trung tâm y tế huyện với quy mô 70 giường bệnh nội trú.

Mô hình trung tâm y tế được duy trì đến tháng 10/2008 thì được UBND tỉnh Thái Nguyên ra quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 2/10/2008 về việc thành lập bệnh viện đa khoa các huyện Đại Từ, Đồng Hỷ, Phú Lương, Phú Bình, Phổ Yên, Định Hóa, Võ Nhai thuộc Sở y tế tỉnh Thái Nguyên. Để đảm bảo các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, Bệnh viện đa khoa huyện Phú Lương đã thực hiện lập đề án bảo vệ môi trường với và được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt tại Quyết định phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết số 2749/QĐ-UBND ngày 15/10/2015) quy mô hoạt động 130 giường bệnh và 06 khoa khám chữa bệnh.

Năm 2018, thực hiện chủ trương sáp nhập, Trung tâm Y tế huyện Phú Lương và Bệnh viện đa khoa huyện Phú Lương sáp nhập theo Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên tổ chức lại Trung tâm y tế huyện Phú Lương trên cơ sở sáp nhập trung tâm Y tế huyện Phú Lương và Bệnh viện đa khoa huyện Phú Lương trực thuộc Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên. Trung tâm Y tế huyện tiếp tục thực hiện nhiệm vụ khám chữa bệnh trên cơ sở hạ tầng của Bệnh viện đa khoa huyện Phú Lương tại Tiểu khu Cầu Trắng, thị trấn Đu, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên với quy mô 130 giường bệnh, cơ cấu tổ chức gồm 4 phòng chuyên môn và 9 khoa khám chữa bệnh.

Tại thời điểm lập báo cáo Đề xuất cấp giấy phép môi trường, Trung tâm hiện có 02 trụ sở làm việc gồm cơ sở 1 tại: Tổ dân phố Cầu Trắng, thị trấn Đu và cơ sở 2 tại: Tổ dân phố Trảng Học, thị trấn Đu. Tuy nhiên cơ sở 2 nằm tách biệt với cơ sở 1, hiện nay có 13 y bác sĩ làm nhiệm vụ phát thuốc và thực hiện y tế dự phòng, không có hoạt động khám chữa bệnh, không có các công trình bảo vệ môi trường dùng chung với cơ sở 1. Do đó báo cáo này không bao gồm các hoạt động bảo vệ môi trường và đề xuất cấp phép môi trường của Cơ sở 2.

Phạm vi của báo cáo chỉ bao gồm lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, các công trình bảo vệ môi trường và đề xuất cấp phép đối với trụ sở Y tế huyện Phú Lương tại địa chỉ: tổ dân phố Cầu Trắng, thị trấn Đu, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Đối chiếu với các quy định pháp luật có liên quan, Trung tâm thuộc đối tượng:

- Trung tâm thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường, Trung tâm có phát sinh nước thải xả ra môi trường phải được xử lý và chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định. Do đó thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường.

- Trung tâm được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết tại Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 25/10/2015 cho Bệnh viện đa khoa Phú Lương (nay là Trung tâm y tế huyện Phú Lương). Căn cứ theo điểm c khoản 3 điều 41 của Luật Bảo vệ môi trường, Trung tâm thuộc đối tượng thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường của UBND tỉnh Thái Nguyên.

Báo cáo được lập theo mẫu tại phụ lục X, phụ lục kèm theo Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Thủ tướng Chính Phủ.

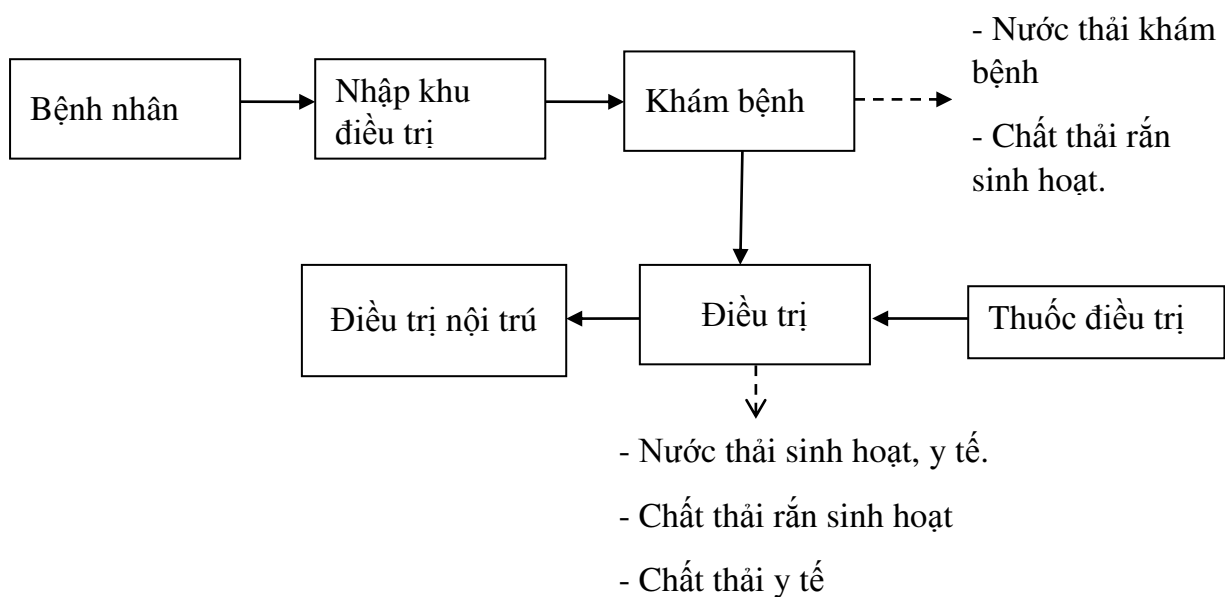
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

Căn cứ theo kế hoạch chỉ tiêu sự nghiệp năm 2025 của Sở Y tế giao và Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt, Trung tâm Y tế huyện Phú Lương thực hiện khám chữa bệnh hàng năm:

- + Điều trị nội trú: 9.150 lượt người
- + Số giường bệnh theo Đề án được phê duyệt: 130 giường bệnh.
- + Số giường bệnh theo kế hoạch: 170 giường bệnh.

3.2. Quy trình hoạt động khám chữa bệnh



Hình 1. Sơ đồ quy trình hoạt động khám, chữa bệnh

Thuyết minh quy trình:

Trung tâm tiếp nhận các bệnh nhân. Tùy theo tình trạng bệnh, thầy thuốc có thể chỉ định xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng hoặc chẩn đoán xác định và kê đơn điều trị mà không cần chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng. Nếu có các xét nghiệm cận lâm sàng, bệnh nhân đến bàn hướng dẫn có hộ lý khoa khám bệnh và hướng dẫn viên hướng dẫn cụ thể đến các khoa X-quang, phòng xét nghiệm... Sau khi có kết quả cận lâm sàng, người bệnh trở lại phòng khám để bác sĩ kết luận và giải quyết cho vào điều trị hoặc khám chuyên khoa, kê đơn thuốc. Trong quá trình hoạt

động khám chữa bệnh làm phát sinh các loại chất thải như: CTR sinh hoạt, CTR y tế, nước thải sinh hoạt, nước thải y tế...

Máy móc phục vụ cho quá trình khám bệnh đều là các máy móc hiện đại, tự động kết nối với máy tính, tivi. Đặc biệt máy chụp X-Quang kỹ thuật số, truyền hình ảnh sang máy tính sau đó in trực tiếp hình ảnh, không phải rửa phim như máy X-Quang trước đây nên không phát sinh nước thải rửa phim cũng như các tia phóng xạ.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của Trung tâm là kết quả khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe của nhân dân trong vùng, theo đó sản phẩm của năm 2024 như sau:

Bảng 1. Chỉ tiêu giao khám chữa bệnh năm 2024 và kết quả các năm 2022, 2023

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Giao năm 2024	Chỉ tiêu thực hiện năm 2024	Chỉ tiêu thực hiện năm 2023
1	Tổng số bệnh nhân nội trú	Lượt	9.150	7.294	6.788
2	Tổng số lượt khám bệnh	Lượt	94.000	91.564	87.597
3	Tổng số ngày điều trị nội trú	Lượt	62.220	48.284	44.000
4	Ngày điều trị trung bình	Ngày	6,8	6,6	6,5
5	Chuẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng	Cas	27.400	29.150	19.595
6	Xét nghiệm	T.bản	150.320	156.186	146.453
7	Công suất sử dụng giường bệnh	%	100%	77,8	70,9%

(Nguồn: Quyết định số 52/QĐ-TTYYT ngày 29/01/2024 của Trung tâm Y tế huyện và báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2024, nhiệm vụ trọng tâm năm 2025)

Trong năm 2024, Trung tâm đã thực hiện khám chữa bệnh với công suất đáp ứng 77,8% chỉ tiêu theo Kế hoạch giường bệnh được giao năm 2024, tương đương với quy mô công suất 132 giường bệnh/năm.

Theo Quyết định 592/QĐ-SYT ngày 22/03/2024 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch giường bệnh, chỉ tiêu chuyên môn năm 2024 của Sở Y tế, giao chỉ tiêu kế hoạch giường bệnh, chỉ tiêu chuyên môn cho Trung tâm Y tế huyện Phú Lương là 170 giường Kế hoạch bệnh viện/năm.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

a. Nhu cầu sử dụng nước:

Hoạt động sản xuất của Trung tâm sử dụng nước chủ yếu cho sinh hoạt của công nhân cán bộ, nhân viên, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân, ngoài ra nước còn sử dụng cho nhu cầu dự phòng cứu hỏa, sử dụng cho nhà ăn của căng tin, nhà giặt là và một lượng nhỏ sử dụng cho hoạt động khám chữa bệnh. Hiện Trung tâm đang sử dụng

02 máy bơm nước sạch phục vụ cho hoạt động của toàn Trung tâm với công suất lần lượt là 1,5kW (lưu lượng 4 m³/giờ) và 250W (lưu lượng 30 l/phút). Tổng lượng nước sử dụng trung bình khoảng 44,75m³/ngày đêm (*Theo sổ nhật ký bơm nước đầu vào và nhật ký đồng hồ đo lưu lượng đầu ra của Trung tâm*).

Nguồn cấp nước cho Trung tâm từ 03 giếng khơi (xây kiên cố, có nắp đậy) tại các khu vực: Khu khám bệnh; khu khoa nội; khu khoa Lây (Truyền nhiễm) bơm về các bể chứa, téc nước tại các khu nhà sử dụng nước gồm bể chứa nước khoa nội nhi, khoa Ngoại, khu nhà hành chính, thể tích bể khoảng 6m³/bể và các téc nước đặt trên mái của các khoa, phòng gồm các téc thể tích 1,2m³ đến 2,5m³ gồm khu khám bệnh (2,5m³), nhà tắm cán bộ (1,2m³), khu giặt là (2,5m³), nhà tắm bệnh nhân (1,2m³), khu nhà dinh dưỡng (1,2m³) và khu vực khoa Sản (2,5m³). Nước từ bể mái này cấp xuống cho các khu vệ sinh và các đối tượng sử dụng nước khác ở tầng dưới.

Việc khai thác nước đã được cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 3209/GP-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên cấp, tổng lượng nước khai thác: 45m³/ngày đêm. Vị trí tọa độ, lưu lượng và các thông số của công trình cụ thể như sau:

Số hiệu	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trực 106 ⁰ 30', múi chiều 3 ⁰)		Lưu lượng (m ³ /ngày đêm)	Chiều sâu đoạn thu nước		Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y		Từ	Đến		
G1	2.403.045	418.014	32	3,5	6,5	5,0	d ₁
G2	2.402.976	417.972	8	3,75	8,0	5,97	O _{3-s}
G3	2.403.025	417.953	5	3,25	7,2	5,22	O _{3-s}

- Tình trạng hoạt động: 02 giếng hoạt động, 01 giếng dừng hoạt động.

Nhu cầu sử dụng nước thực tế

Trong những năm qua, Trung tâm thực hiện theo dõi số liệu cấp nước đầu vào của đơn vị, nhận thấy lưu lượng khá ổn định, lưu lượng nước cấp trung bình các tháng thống kê như sau:

Bảng tổng hợp lưu lượng khai thác nước trung bình của đơn vị:

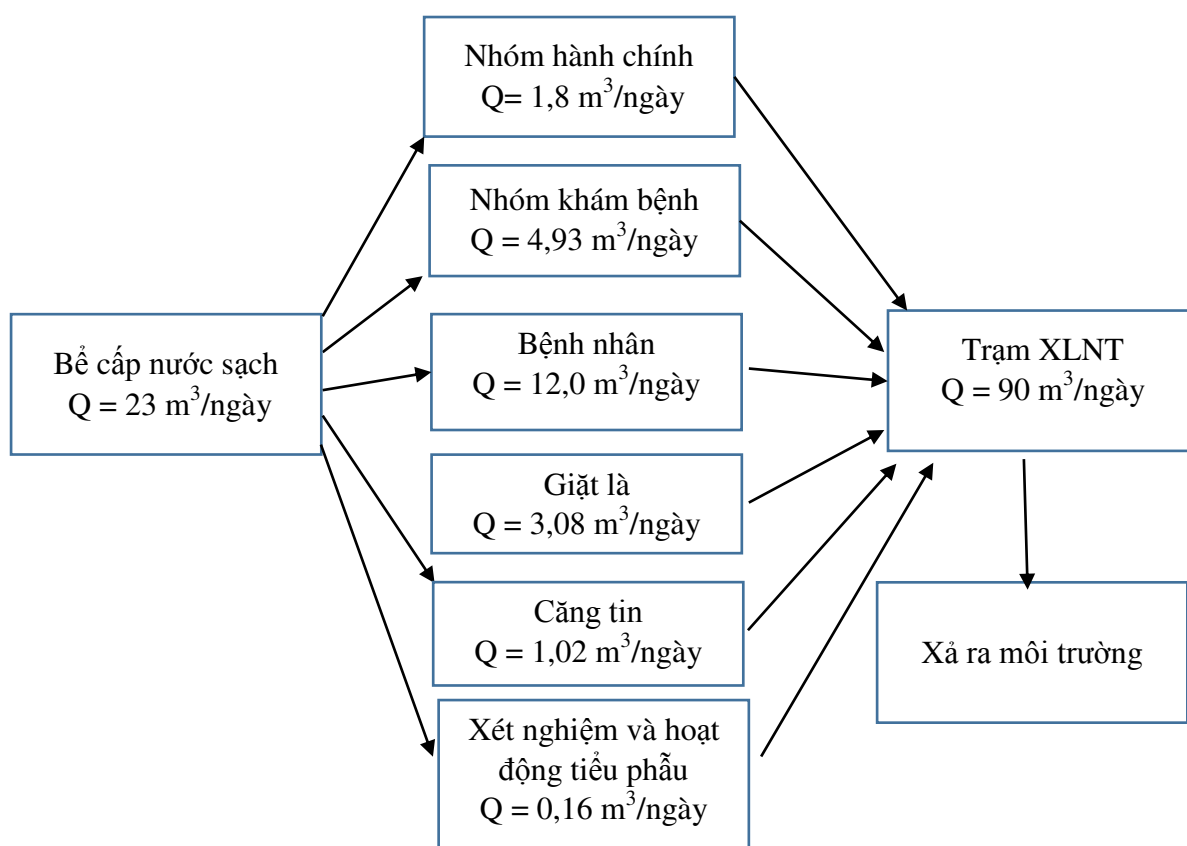
Nguồn cấp	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6
Lưu lượng khai thác trung bình (m ³ /ngày đêm)	22	23	22	23	22	23
	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
	22	22	23	23	23	22
Trung bình theo ngày	23					

Lượng nước sử dụng trung bình trong năm của Trung tâm khoảng 23m³/ngày đêm. Mục đích sử dụng nước bao gồm các hoạt động khám chữa bệnh, sinh hoạt và một số nhu cầu khác. Lượng nước sử dụng bao gồm:

STT	Mục đích sử dụng nước	Tỷ lệ (%)	Lưu lượng (m ³)
I	Mục đích sử dụng cho sinh hoạt		
1	Nước thải sinh hoạt khu vực văn phòng	7,82	1,80
2	Nước cấp cho hoạt động của các y, bác sỹ khám chữa bệnh	21,45	4,93
3	Nước cấp sinh hoạt của bệnh nhân và người nhà chăm sóc bệnh nhân	52,18	12,00
4	Nước khu vực canteen (khoa dinh dưỡng)	4,45	1,02
II	Nước cho mục đích khác		
1	Nước cấp cho giặt là	13,40	3,08
2	Nước phục vụ xét nghiệm	0,7	0,16
	TỔNG (I + II)	100%	23

Lượng nước thải phát sinh từ các hoạt động của Trung tâm bằng 100% lượng nước sử dụng nên lượng thải trung bình là 23m³/ngày đêm ~ 180l/giường bệnh/ngày.

Nước thải từ khu xét nghiệm bao gồm dung dịch thuốc, hoá chất thải bỏ không thuộc nhóm gây độc tế bào, không có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất (theo quy định tại Thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế, nước thải không chứa thành phần nguy hại được coi là nước thải không nguy hại) được thu gom theo đường ống sau đó đưa về trạm xử lý nước thải tập trung. Dưới đây là sơ đồ cân bằng nước của Trung tâm:



Hình 2. Sơ đồ cân bằng nước tại Trung tâm

Nhu cầu sử dụng nước dự báo

Theo Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch giường bệnh, Trung tâm được giao quy mô 170 giường bệnh/năm. Nhu cầu sử dụng nước như sau:

+ Theo định mức thực tế sử dụng hiện nay khoảng 180l/giường bệnh, với quy mô giường kế hoạch 170 giường, nhu cầu sử dụng nước khoảng:

$$180 \text{ (l/giường/ngày)} * 170 \text{ (giường)} = 30.600 \text{ lít/ngày} \sim 30,6 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

+ Theo định mức lý thuyết TCVN 4513:1988, nhu cầu sử dụng nước 300l/giường/ngày, có tính thêm hệ số dự phòng $k=1,2$, nhu cầu sử dụng nước sẽ là:

$$300 \text{ (lít/giường/ngày)} * 170 \text{ (giường)} * 1,2 = 61.200 \text{ lít/ngày} \sim 61,2 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

b. Nhu cầu vật tư y tế gồm các loại:

Nhu cầu thuốc sử dụng cho điều trị y tế khoảng 167 danh mục thuốc chia ra làm 26 nhóm thuốc khác nhau, điển hình một số nhóm:

+ Thuốc kháng sinh các loại: Clamogentin 0,5/0,1 500mg + 100mg; Ama-Power 1g + 0,5g; Axuka 1g + 0,2g; Tenamyd-Cefotaxime 1000 1g; Zoliicef 1g,...

+ Thuốc tiêm: Calci clorid 500mg/ 5ml 100mg/ml x 5ml; Dimedrol 10mg/ml x 1ml; Lidocain 20mg/ml x 2ml; Atropin Sulphat 0,25mg/ml x 1ml; Nước cất pha tiêm 10ml; Nước cất ống nhựa 5ml,...

+ Thuốc các loại: Panactol 500mg; Hapacol 150 150mg; Agimol 150 150mg; Colchicin 1mg; Paracetamol 10mg/ml 10mg/ml x 100ml;Methylsolon 16 16mg; Vinsolon 40mg;...

+ Dịch truyền: Glucose 5% 5% x 500ml; Lactated Ringer's 500ml; Natri clorid 0,9% 0,9% x 100ml; Natri clorid 0,9% 0,9% x 500ml; Natri bicarbonat 1,4% 14mg/ml x 250ml;...

+ Thuốc khác: Dacolfort 450mg + 50mg; Aciclovir 800mg 800mg; Vinzix 40mg; Lucitromyl 4mg 4mg;...

+ Nhóm thuốc hao phí: Dung dịch khử khuẩn Povidone iodine 10%; Dung dịch rửa vết thương Natri clorid 0,9% 0,9% x 500ml; Povidon-Iod HD 10% x 125ml;...

c. Nhu cầu sử dụng điện: Trung tâm sử dụng điện chủ yếu cho hoạt động chiếu sáng, cho sinh hoạt, bảo vệ và máy móc thiết bị. Tổng lượng điện sử dụng: Khoảng 15.500KW/tháng (tính trung bình theo hóa đơn tiền điện hàng tháng) ~ 517kW/ngày.

Bảng 2. Nguyên, nhiên liệu sử dụng cho hoạt động của Trung tâm

Stt	Nguyên, nhiên liệu	Đơn vị	Số lượng	Nguồn cung ứng
1	Nước	m ³ /ngày	23	Nước giếng khoan
2	Điện	KWh/tháng	15.500	Công ty Điện lực Thái Nguyên
3	Vật tư y tế			
3.1	Bông băng, gạc	Kg/tháng	5	Công ty Dược Thái Nguyên
3.2	Cồn	Lít/tháng	15	
3.3	Thuốc	Theo từng nhóm hoạt chất		

- Nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động khám chữa bệnh của Trung tâm gồm:

d. Máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động khám chữa bệnh

Một số máy móc thiết bị phục vụ khám chữa bệnh tiếp tục sử dụng so với đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt:

Bảng 3. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ khám chữa bệnh

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu	Năm sử dụng	Số lượng
1	Bộ dây soi trực tràng ống mềm (Hãng Pentax)	ES-3870K	2011	1
2	Bộ nội soi thực quản dạ dày ống mềm (video-monitor)	EPA-P	2011	1
3	Lồng ấp trẻ sơ sinh	Care Plus 2000	2010	1
4	Máy phân tích nước tiểu tự động 10TS-TP	CLINITEK STATUS	2009	1

5	Máy siêu âm màu 4D, 3 đầu dò kèm máy in màu, máy in đen trắng, xe đẩy	SSA-580A	2009	1
6	Máy XQ cao tần 500MA-TP	RaDSPeeDMF	2009	1
7	Máy điều trị điện xung	ES-420	2010	1
8	Máy sóng ngắn điều trị	SW-201	2010	1

Bảng 4. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ khám chữa bệnh đã được đầu tư mới so với báo cáo đề án bảo vệ môi trường

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng
1	Bộ khám điều trị nội soi TMH	INV-250	2014	1
2	Bộ máy điện não vi tính (kèm máy tính, phần mềm điện não chuyên dụng, hộp điện cực đầu vào, đèn kích thích ánh sáng..)	EEG 1200K	2016	1
3	Máy điện tim	ECG-1250K	2016	1
4	Sinh hiển vi khám mắt	L 0187	2018	1
5	Ghế răng	KLT6210-N1	2021	1
6	Bộ lấy cao răng	UDS-J	2021	1
7	Bàn mổ đa năng	CHS-790 II	2018	1
8	Bộ thiết bị dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng	Karl Storz	2017	1
9	Bồn tắm trẻ sơ sinh	BTSS-01	2018	1
10	Dao mổ điện cao tần	ESU-X300NT	2016	1
11	Đèn mổ treo trần	HoneyLux LED ECO 130/90	2018	1
12	Máy đốt cổ tử cung (Model: ST-511)	ST-511	2014	1
13	Máy gây mê kèm thở + máy nén khí	Fabiusplus	2016	1
14	Máy soi cổ tử cung (Model: AL-106)	AL-106	2014	1
15	Monitor theo dõi bệnh nhân	BSM-3562	2016	1
16	Monitor theo dõi bệnh nhân	PVM 2701	2018	2
17	Monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số	BSM-3562	2014	1
18	Nồi hấp	SA-600A	2018	1
19	Nồi hấp MC-40LDP, ALP	MC-40LDP	2014	1
20	Tủ sấy tiệt trùng 110 lít	YCO-N01	2018	1
21	Đèn mổ di động	Honey Lux LED 120RK Mobile	2020	1
22	Monitor theo dõi BN	PVM-2701	2020	1
23	Monitor sản khoa 2 chức năng	MT-610	2020	1
24	Máy siêu âm (đen trắng xách tay)	Prosound 2	2020	1

27	Bộ nội soi dạ dày, tá tràng, đại tràng (Bộ dây soi dạ dày, tá tràng, đại tràng)	EC-380FKp	2020	1
29	Máy đo chức năng hô hấp	HI 801	2018	1
30	Máy điện tim (Model ECG-1250K)	ECG-1250K	2014	1
31	Máy hút dịch cho trẻ sơ sinh chạy điện	1616-THOMAS	2017	1
32	Máy xông khí dung siêu âm	Comfort 2000Ku400	2014	2
33	Monitor theo dõi bệnh nhân	PVM 2701	2018	1
34	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	PVM 2701	2014	1
35	Máy theo dõi bệnh nhân PMS8000D	PMS8000D	2022	1
36	Hệ thống máy chụp X-quang kỹ thuật số	UD150L-40E/BK-12HK	2016	1
37	Máy đông máu bán tự động (Model: CA104)	CA104	2014	1
38	Máy in phim khô	5302	2016	1
39	Máy li tâm đa năng	2420	2018	1
40	Máy phân tích huyết học tự động	Micros ES60	2014	1
41	Máy phân tích huyết học tự động (2016)	XP-100	2016	1
42	Máy phân tích nước tiểu 10 thông số CLINITEK STATUS	CLINITEK STATUS	2014	1
44	Máy phân tích sinh hóa tự động - GLOBAL; BPC-ITALIA	GLOBAL 240	2014	1
46	Máy xét nghiệm HbA1C	MH 200	2018	1
47	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động (2016)	Autolyser	2016	1
49	Tủ an toàn sinh học cấp 2 (VN) - TVS60-100	TVS60-100	2015	1
50	Máy phân tích sinh hóa tự động	BT-4500	2020	1
51	Bồn nung chảy Paraffin	Heating Bath 30-1	2016	1
52	Hệ thống kéo dẫn cột sống	TM400-1F	2014	1
53	Máy điện từ trường điều trị	Magnetomed 7200	2014	1
55	Máy sắc thuốc và đóng gói	SCA2000	2017	1
56	Máy siêu âm điều trị đa tần	HC Sound	2016	1
58	Máy sóng ngắn điều trị đồng bộ	DX500	2018	1
59	Máy kéo giãn cột sống	HC ALFATRAC	2020	1
60	Máy điện châm	KWD-808I	2020	10
61	Máy điện châm	SDZ-II	2023	15
62	Máy monitor theo dõi bệnh nhân	C50	2024	8
63	Máy bơm tiêm điện	BeneFusion SP1	2024	3

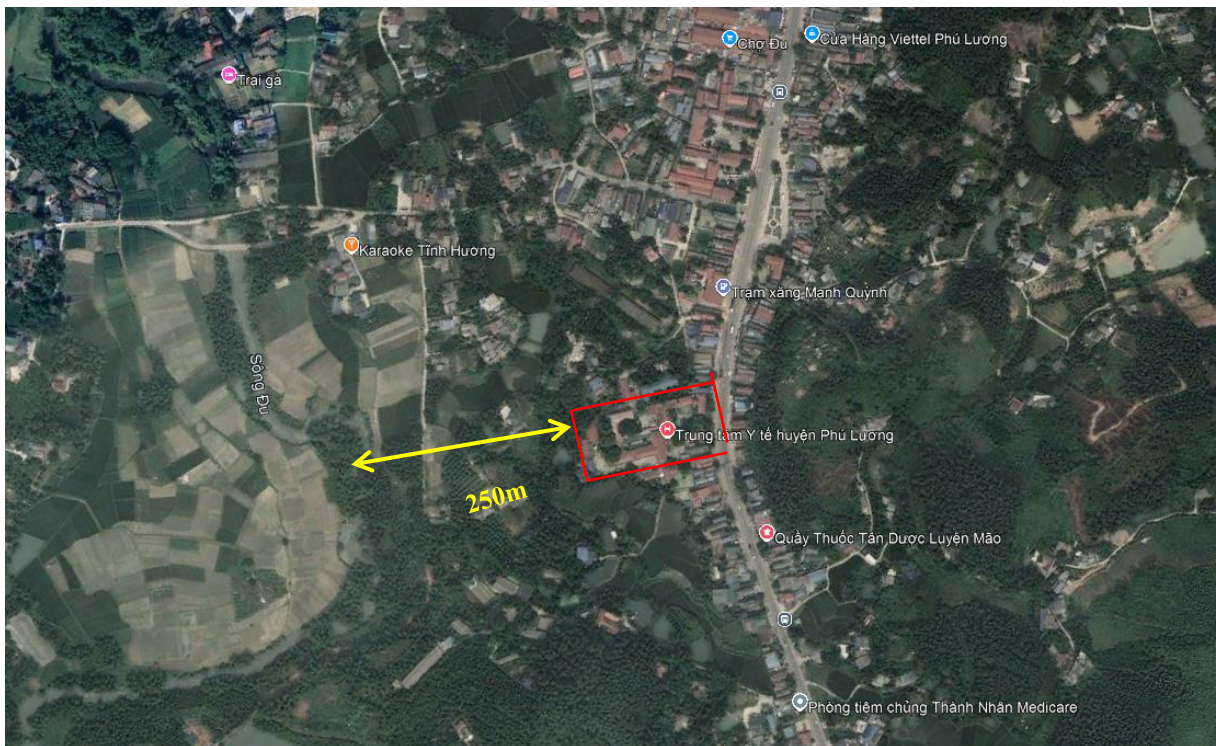
5. Các thông tin khác liên quan

5.1. Vị trí của Trung tâm y tế huyện Phú Lương

Trung tâm Y tế huyện Phú Lương có diện tích 11.330,6m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CU 762167 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 30/6/2020 tại Tổ dân phố Cầu Trắng, thị trấn Đu, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Trung tâm có các vị trí tiếp giáp cụ thể như sau:

- + Phía Bắc giáp nhà dân;
- + Phía Đông giáp đường quốc lộ 3;
- + Phía Nam giáp nhà dân;
- + Phía Tây giáp đất nông nghiệp.

Khoảng cách từ Trung tâm tới sông Đu khoảng 250m về phía Tây, vị trí tương đối trên bản đồ như sau:



Vị trí của Trung tâm y tế huyện Phú Lương

5.2. Thông tin khác liên quan

Trung tâm Y tế huyện Phú Lương được thành lập theo Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Y tế huyện Phú Lương và Bệnh viện đa khoa huyện Phú Lương trực thuộc Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên để thực hiện mô hình Trung tâm Y tế hai chức năng.

Theo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Bệnh viện đa khoa huyện Phú Lương được phê duyệt tại Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 15/10/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên, Bệnh viện hoạt động với quy mô gồm:

- + Diện tích đất sử dụng: 13.805m².

+ Quy mô cấp phép: 130 giường điều trị tại các khoa: Khoa điều dưỡng; khoa khám bệnh; khoa ngoại sản; khoa nội, nhi, lây, cấp cứu; khoa đông y; khoa cận lâm sàng.

Sau khi sáp nhập năm 2018, tăng số khoa phòng (từ 05 khoa chuyên môn theo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết lên 10 khoa chuyên môn theo Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 của UBND tỉnh), Trung tâm hoạt động với quy mô:

+ Diện tích đất sử dụng: 11.330,6m² (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CU 762167 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 30/6/2020) do trả lại một phần diện tích là nhà điều trị và hội trường cai nghiện.

+ Quy mô hoạt động khám chữa bệnh theo kế hoạch: 170 giường điều trị do sáp nhập các cơ sở vật chất, nhân lực, vật lực từ 02 đơn vị và cơ cấu tổ chức các phòng, khoa thuộc Trung tâm gồm: Phòng tổ chức – hành chính; phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ; phòng Tài chính – Kế toán; phòng Điều dưỡng – Kiểm soát nhiễm khuẩn; khoa Khám bệnh; Khoa Nội – Hồi sức cấp cứu; khoa Nhi – Truyền nhiễm; Ngoại – Chăm sóc sức khỏe sinh sản và phụ sản – Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng; khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng; khoa Xét nghiệm và Chuẩn đoán hình ảnh; khoa Dược – Trang thiết bị - Vật tư y tế; khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS; Khoa Y tế công cộng – Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm

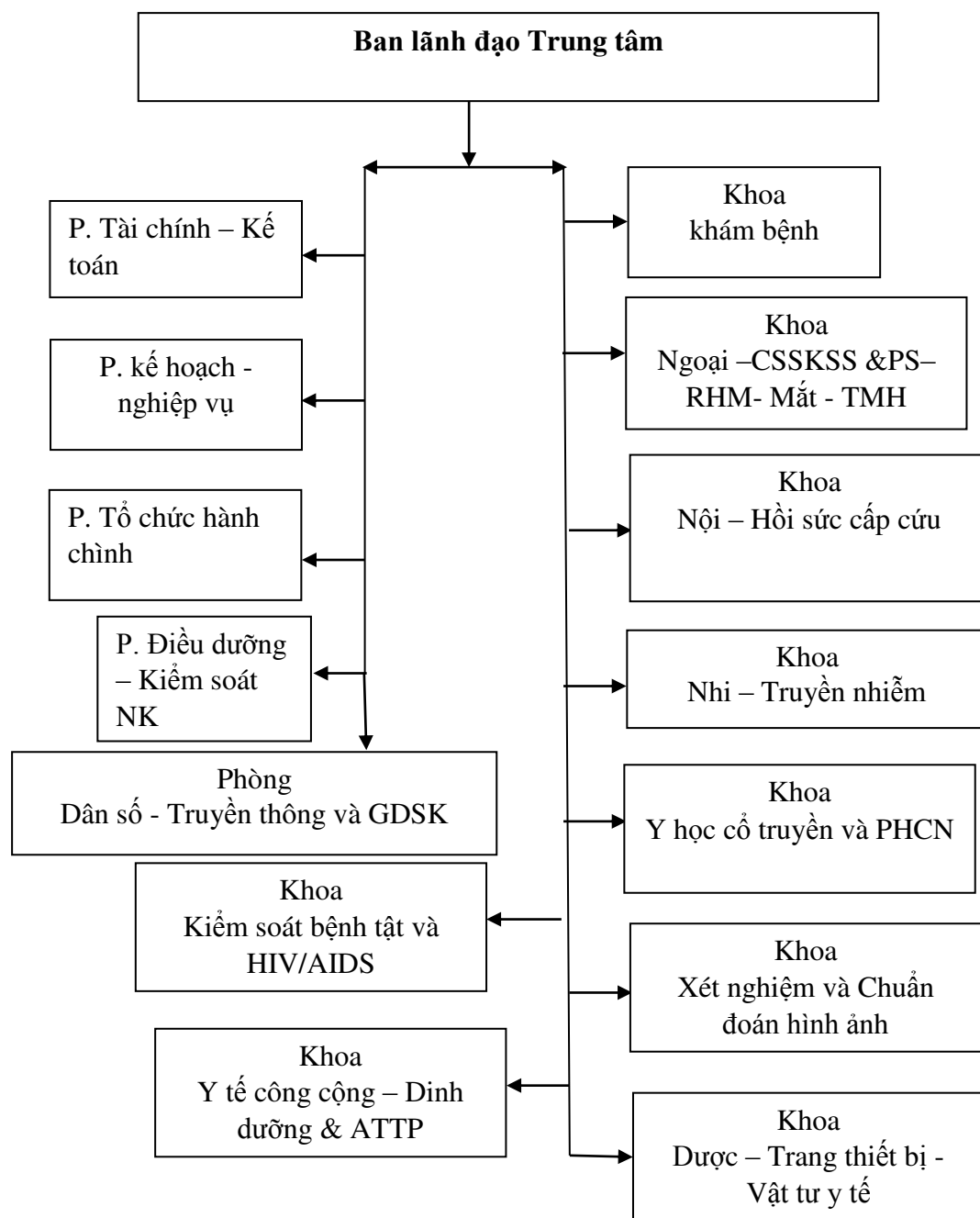
+ Quy mô được cấp phép theo Đề án bảo vệ môi trường: 130 giường theo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết được phê duyệt tại Quyết định số 2749/QĐ-UBND.

+ Quy mô thực tế đáp ứng khả năng khám chữa bệnh trong năm 2024: Đáp ứng 77,8% theo chỉ tiêu khám chữa bệnh được giao theo kế hoạch: 132 giường bệnh.

STT	Hạng mục	Theo kế hoạch	Phục vụ trong năm	Đề nghị cấp phép
1	Quy mô công suất	170 giường	130 giường	130 giường

Bộ máy hoạt động hiện nay của Trung tâm bao gồm 129 cán bộ công nhân viên, trong đó: 33 bác sỹ, 10 dược sỹ, và các điều dưỡng, y tá, hộ sinh và cán bộ công nhân viên của Trung tâm;

Sơ đồ tổ chức quản lý của Trung tâm Y tế huyện:



Chế độ hoạt động của Trung tâm:

- Chế độ làm việc: 24/24 h, năm hoạt động 365 ngày.

Tổng hợp các hạng mục công trình của Trung tâm:

Các công trình giữ nguyên công năng, diện tích:

5.3. Các hạng mục công trình hiện trạng của trung tâm

STT	Chức năng theo Đề án BVMT			Chức năng đang sử dụng		
	Chức năng	ĐVT	Diện tích	Chức năng	ĐVT	Diện tích
1	Nhà vệ sinh	m ²	27,2	Nhà vệ sinh	m ²	27,2
2	Nhà thường trực bảo vệ	m ²	13,2	Nhà thường trực bảo vệ	m ²	13,2
3	Nhà gara xe	m ²	164	Nhà gara xe	m ²	164
4	Nhà giặt	m ²	105,6	Nhà giặt	m ²	105,6
6	Nhà để xe bệnh nhân	m ²	120	Nhà để xe bệnh nhân	m ²	120
7	Nhà vệ sinh cán bộ	m ²	55	Nhà vệ sinh cán bộ	m ²	55
8	Nhà khoa dinh dưỡng	m ²	194	Nhà khoa dinh dưỡng	m ²	194
9	Nhà tang lễ	m ²	139,5	Nhà tang lễ	m ²	139,5

Các công trình thay đổi công năng, diện tích:

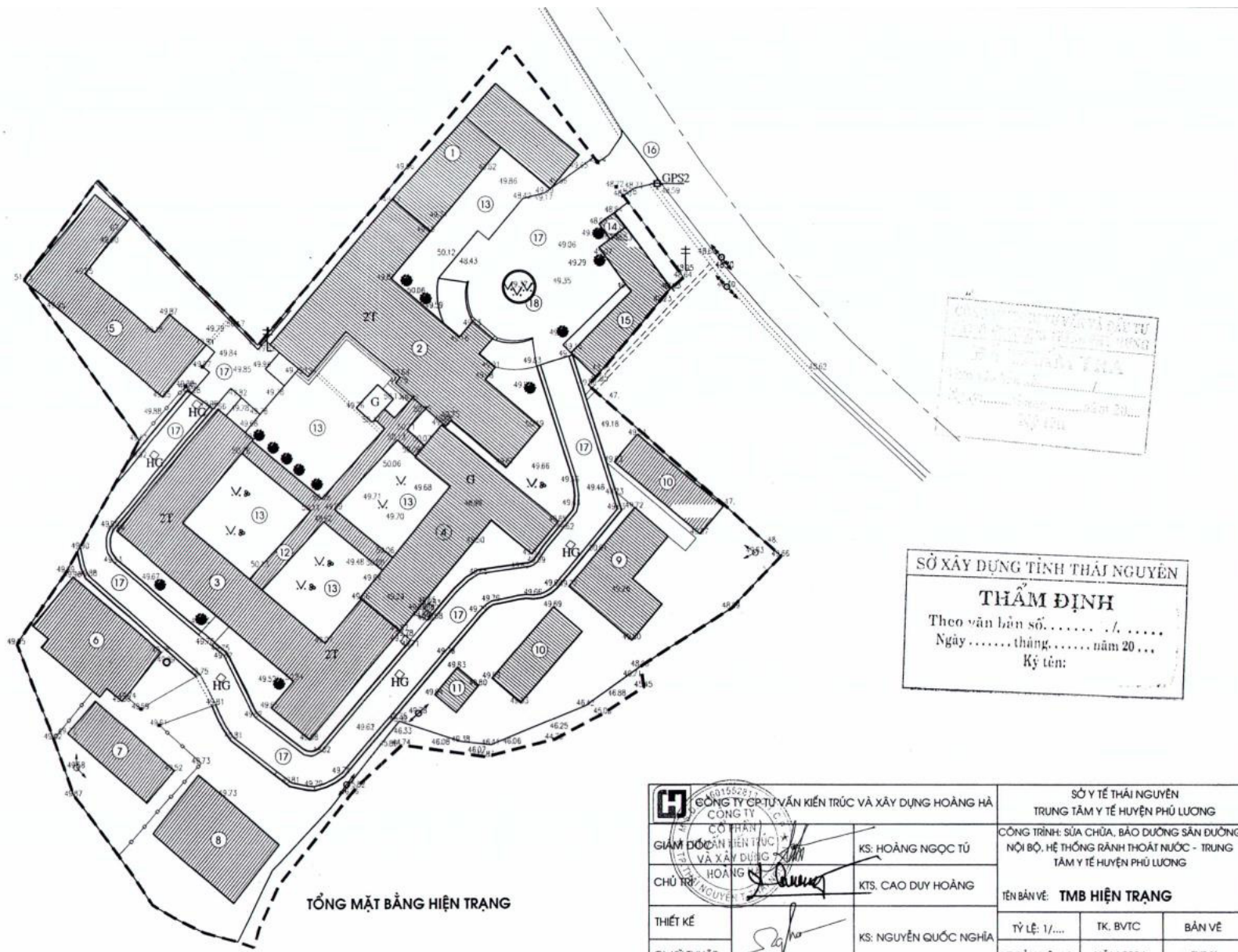
STT	Chức năng theo Đề án BVMT			Chức năng đang sử dụng		
	Chức năng	ĐVT	Diện tích	Chức năng	ĐVT	Diện tích
1	Nhà dân số	m ²	188,84	Hoàn trả diện tích đất cho UBND huyện		
2	Nhà điều trị cai nghiện	m ²	65			
3	Nhà làm việc cai nghiện	m ²	83,31			
4	Nhà hội trường cai nghiện	m ²	121,08			
5	Nhà khám + khối kỹ thuật nghiệp vụ	m ²	1278,9	Nhà khám đa khoa	m ²	755
6	Nhà hành chính, VSPD, SDKH	m ²	604,6	Nhà hành chính	m ²	320
7	Nhà mổ	m ²	195,6	Nhà mổ + điều trị ngoại	m ²	440

				sản		
8	Nhà điều trị nội trú, nhà cầu	m ²	1714	Nhà điều trị khoa lây và nội trú cấp cứu	m ²	745
9	Nhà luyện tập phục hồi chức năng	m ²	269,68			
10	Nhà điều trị khoa lây	m ²	226	Nhà điều trị khoa Nhi + truyền nhiễm	m	

Bảng tổng hợp các công trình phụ trợ khác:

STT	HẠNG MỤC/CÔNG TRÌNH	SỐ LƯỢNG	THÔNG SỐ KT
I Nước thải			
1	Hệ thống XLNT sinh hoạt	01	01 trạm xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 100 m ³ /trạm/ngày đêm
2	Bể tự hoại	8	Bể tự hoại dung tích 6m ³ , 12m ³ , 16m ² (tổng dung tích là 106m ³)
4	Bể tách dầu mỡ	1	01 bể tách mỡ dung tích 2m ³ .
5	Hệ thống đường ống thu gom, thoát nước thải	1	Hệ thống thu gom nước thải hiện có : + Ống thu gom nước thải y tế D60 chiều dài 120m. + Đường ống thu gom từ các dãy nhà D110 chiều dài 323m + Đường ống thu gom nước thải sinh hoạt chính D200 chiều dài 430m
II Thoát nước mưa			
1	Hệ thống thu gom và thoát nước mưa	-	Hệ thống thoát nước mưa hiện có gồm : + Mương hở kích thước 0,3m x 0,3m, chiều dài khoảng 290m. + + Hệ thống mương kín B500, xây gạch, chiều dài 355m. + Hệ thống mương kín B1000, đổ bê tông, chiều dài 800m.
2	Hố lắng nước mưa	05	đổ bê tông, có nắp đậy xi măng, kích thước 1,2m x 1,2m x 1,5m.
III Chất thải rắn			
1	Kho chứa chất thải sinh hoạt	01	lưu chứa trong kho có diện tích 10m ² sàn bê tông, khung thép, lắp đặt mái che. Rác thải như: túi nilon, găng tay thải bỏ,...

2	Kho chất thải y tế thông thường	01	Bố trí cùng khu vực kho chứa CTNH, diện tích 50m ² , kho có các thùng chứa loại 150l chứa chất thải rắn y tế thông thường trước khi chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý
3	Kho chứa chất thải nguy hại	01	Kho chứa diện tích 50m ² , bố trí các thiết bị lưu chứa theo quy định, như thùng chứa, tủ bảo ôn,... và chuyển giao cho Công ty TNHH Môi trường Sông Công theo quy định



Chương II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

** Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050:*

- Trung tâm Y tế huyện Phú Lương phù hợp với Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở y tế và chăm sóc sức khỏe tỉnh Thái Nguyên được phê duyệt tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023 của Thủ Tướng Chính Phủ về Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Theo đó, các đơn vị Y tế tuyến huyện định hướng tiếp tục mở rộng quy mô giường bệnh của các bệnh viện, trung tâm y tế có giường bệnh phù hợp với tình hình nhân lực, quy mô dân số và nhu cầu khám chữa bệnh trên địa bàn. Thực hiện tốt các danh mục kỹ thuật của tuyến huyện, khuyến khích triển khai kỹ thuật mới để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của nhân

+ Củng cố, nâng cao năng lực công tác y tế dự phòng, truyền thông giáo dục sức khỏe; phát huy tốt vai trò của mạng lưới y tế trong công tác phòng chống dịch bệnh, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

+ Duy trì các cơ sở điều trị, cơ sở cấp phát thuốc Methadone tại các địa điểm hiện có; xem xét mở rộng cơ sở điều trị, bổ sung các điểm cấp phát thuốc phù hợp nhu cầu thực tế và nhân lực của ngành nhằm đảm bảo thuận lợi cho người sử dụng, giảm tỷ lệ bỏ điều trị .

+ Trung tâm Y tế huyện Phú Lương nằm trong mạng lưới cơ sở y tế và chăm sóc sức khỏe tỉnh Thái Nguyên chi tiết tại mục STT 9, bảng 2.6.49 Mạng lưới cơ sở y tế và chăm sóc sức khỏe của báo cáo Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050, theo quy hoạch quy mô giường bệnh của Trung tâm là 170 giường bệnh.

** Phân vùng môi trường:*

Trung tâm có địa chỉ tại Tổ dân phố Cầu Trắng, thị trấn Du, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, thuộc khu vực nội thành, nội thị của các đô thị loại V là khu vực hạn chế phát thải theo Hệ thống phân vùng môi trường tỉnh Thái Nguyên được phê duyệt tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023 của Thủ Tướng Chính Phủ về Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Để đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo phân vùng môi trường, Trung tâm luôn thực hiện tốt việc thu gom và xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả

ra nguồn tiếp nhận; thực hiện thu gom và quản lý chất thải rắn nguy hại, chất thải rắn y tế theo quy định, bảo đảm không gây tác động xấu tới nguồn tiếp nhận (mương thoát nước chung của thị trấn Đu) và đến môi trường xung quanh.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Theo Đề án bảo vệ môi trường được phê duyệt đối với Bệnh viện đa khoa huyện Phú Lương theo Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 25/10/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên, Trung tâm có các công trình xử lý chất thải gồm:

+ Hoạt động 01 lò đốt chất thải rắn y tế LT – 15 công suất 20kg/mẻ để xử lý chất thải rắn y tế, khí thải của lò đốt xử lý đảm bảo quy chuẩn QCVN 02:2012/BTNMT trước khi xả ra môi trường.

+ Hoạt động 01 trạm xử lý nước thải tập trung công suất 90m³/ngày đêm xử lý nước thải đảm bảo quy chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT (cột B) trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo Đề xuất cấp Giấy phép môi trường, Trung tâm không duy trì hoạt động của lò đốt chất thải rắn y tế LT – 15 do thiết bị hoạt động không hiệu quả, thường xuyên hỏng hóc, không đảm bảo quy định vận hành theo quy chuẩn QCVN 02:2012/BTNMT, chi phí vận hành, sửa chữa cao. Do đó Trung tâm đã ngừng hoạt động của lò đốt từ quý 4/2016, thực hiện thu gom chất thải rắn y tế, chất thải rắn sinh hoạt và bàn giao cho đơn vị đủ chức năng đưa đi xử lý.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung đã được cải tiến, bổ sung công đoạn xử lý và nâng công suất 100m³/ngày đêm, đã được UBND tỉnh cấp phép môi trường năm 2020, xử lý nước thải trước khi xả ra môi trường sẽ đạt cột AB - QCVN 28:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (với K = 1,2) đến ngày 31/12/2031, đạt cột A – QCVN 40:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp từ ngày 1/1/2032 trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Trung tâm đã được cấp phép xả thải vào nguồn nước theo Giấy phép xả thải số 486/GP-UBND ngày 12/02/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên, cho phép xả nước thải vào nguồn tiếp nhận là hệ thống thoát nước thải chung của thị trấn Đu với công suất 50m³/ngày đêm (lưu lượng xả thải hiện tại trung bình 23m³/ngày đêm). Do đó việc xả nước thải của Trung tâm phù hợp với khả năng tiếp nhận của môi trường.

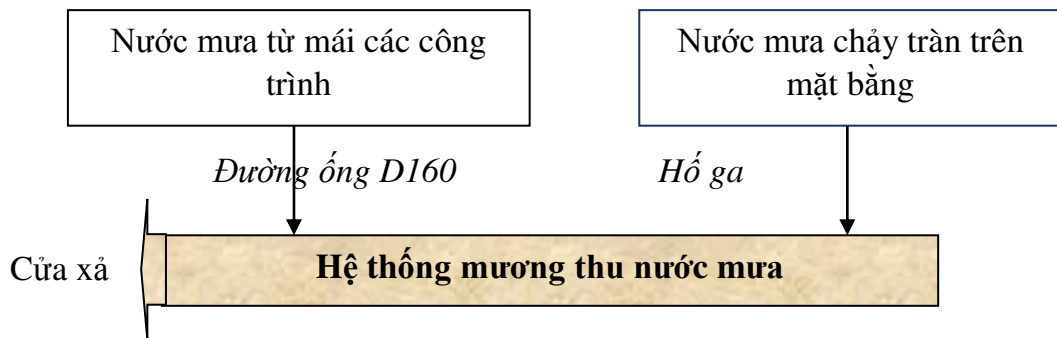
Chương III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA TRUNG TÂM

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

Nước mưa được thu gom theo hệ thống thoát nước mưa của Trung tâm.

* Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa:



Hình 3. Sơ đồ thu gom nước mưa

Nước mưa phát sinh trên bề mặt diện tích và mái các khu nhà của Trung tâm theo đường ống PVC D160 tổng chiều dài khoảng 500m (dẫn nước từ mái các tòa nhà về hố gom) được chảy thoát vào mương thoát nước sân đường đã được xây dựng hoàn thiện.

Hệ thống thoát nước sân đường gồm:

- + Hệ thống mương hở kích thước 0,3m x 0,3m xây dựng sau các dãy nhà văn phòng và nhà điều trị khoa Lây, nhà nội trú cấp cứu thu gom nước mưa chảy tràn về hệ thống thoát nước chính B1000. Tổng chiều dài đoạn mương hở khoảng 290m.

- + Hệ thống mương kín B500, có nắp đậy bê tông xây dựng phía trước dãy nhà văn phòng và khu vực điều trị nội trú, thu gom nước mưa chảy tràn các dãy nhà và sân đường nội bộ về hệ thống thoát nước chính B1000. Tổng chiều dài các đoạn mương khoảng 355m.

- + Hệ thống mương thoát nước chính B1000, đổ bê tông có nắp đậy bê tông xây dựng dọc 02 bên tuyến đường bê tông chạy vòng quanh Trung tâm, thu gom nước mưa chảy tràn của cả Trung tâm để chảy ra 01 cửa xả tại vị trí cạnh nhà để xe, phía Đông Nam của Trung tâm. Dọc tuyến bố trí 05 hố ga tách rác. Tổng chiều dài hệ thống mương thoát nước chính B600 khoảng 800m.

Hố ga thoát nước mưa định kỳ 3 tháng/lần bố trí công nhân nạo vét để đảm bảo khả năng thoát nước của hệ thống. Lượng rác thải thu gom được chủ yếu là bùn, lá cây lẫn rác ước tính khoảng 50kg/lần được đưa về tập kết cùng rác thải sinh hoạt và chuyển giao cho đơn vị xử lý.

- Vị trí thoát nước mưa:

Toàn bộ nước mưa chảy (gồm nước mưa mái và nước mưa chảy trên mặt bằng) được thu gom theo hệ thống mương rãnh thu nước mặt và chảy ra điểm tiếp nhận tại 01 vị trí:

+ Cửa xả nước mưa ra hệ thống thoát nước mưa chung của thị trấn Đu tại vị trí: X: 2403038; Y: 418036 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 106⁰30' múi chiều 3⁰).

- Phương thức thu gom: Tự chảy.

Bảng 5. Khối lượng hạng mục thu gom nước mưa của Trung tâm

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết cấu, kích thước
1	Ống dẫn nước mưa mái	m	500	Ống nhựa PVC D160
2	Mương thoát nước mưa	m	1.405	+ Mương hở xây gạch, kích thước 0,3m x 0,3m, chiều dài 290m. + Hệ thống mương kín B500, xây gạch, chiều dài 355m. + Hệ thống mương kín B1000, đổ bê tông, chiều dài 800m
3	Hố ga lắng cặn	Hố	5	đổ bê tông, có nắp dẹt xi măng, kích thước 1,2m x 1,2m x 1,5m
4	Cửa xả	cửa	01	Xây chìm, cống xả B300, tọa độ cửa xả: X: 2403038; Y: 418036



Vị trí cửa xả nước mưa chảy tràn



Tuyến mương hở B300 sau các dãy nhà



Tuyến mương kín B400 phía trong các dãy nhà điều trị



Tuyến mương thoát nước B1000

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

*** Nguồn phát sinh nước thải của Trung tâm bao gồm:**

Nước thải Trung tâm gồm:

- Nước thải y tế: nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh, nước thải từ hoạt động xét nghiệm, nước thải từ phòng mổ.
- Nước thải sinh hoạt bao gồm:
 - + Nước thải đen từ các nhà vệ sinh của các dãy nhà điều trị, nhà khám bệnh, khu văn phòng.
 - + Nước thải xám từ nước thoát sàn vệ sinh, nước thải khu giặt là, nước thải khu căng tin của Trung tâm.

Đặc trưng nước thải của Trung tâm chủ yếu là nước thải sinh hoạt của cán bộ nhân viên, bệnh nhân và người nhà chứa nồng độ BOD, COD và coliform cao.

1.2.1. Thu gom nước thải y tế:

Tại các phòng khám thuộc nhà khám bệnh đa khoa, khu xét nghiệm được lắp đặt các bồn rửa để thu gom nước thải và đường ống gom PVC D60 đưa về hệ thống thu gom nước thải chung của toàn Trung tâm và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý.

Nước thải từ các phòng khám răng hàm mặt, chuẩn đoán nội soi, phòng xét nghiệm, cấp cứu có thành phần chủ yếu là TDS, TSS, các chất hữu cơ, vi sinh vật,... được thu gom bằng các bồn rửa lavabo về hệ thống thu gom nước thải tập trung của Trung tâm.

Nước thải rửa phim X – quang có thành phần chứa nhiều loại hóa chất và thành phần nguy hại được thu gom vào các thùng chứa loại 180 lít và vận chuyển, quản lý cùng chất thải nguy hại, không đưa về hệ thống xử lý nước thải chung của Trung tâm.

Tổng chiều dài đường ống PVC D60 khoảng 120m thu gom nước thải y tế từ các khoa, phòng về hệ thống thu gom nước thải PVC D110 chạy phía sau dãy nhà đa khoa và chảy về trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt quy chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT cột B (k=1,2) trước khi xả ra môi trường.

- Phương thức thu gom: tự chảy

Nước thải y tế từ khu xét nghiệm khám bệnh → ống nhựa D60 → Ống thu gom D110 → Hệ thống xử lý nước thải → Nguồn tiếp nhận.

Bảng 6. Khối lượng hạng mục thu gom nước thải y tế

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết cấu, kích thước
1	Hệ thống thu gom từ các phòng, khoa	m	120	Ống nhựa PVC D60



Hệ thống thu gom nước thải y tế



Bồn rửa khu vực phòng xét nghiệm

1.2.2. Thu gom nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khoa chữa bệnh, từ khu vực văn phòng, nhà vệ sinh ngoài trời, khu vực giặt là, khu vực căngtín được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tự hoại đối với nước thải đen, trước khi chảy về các hồ ga sau các dãy nhà và chảy về trạm xử lý nước thải tập trung của Trung tâm để xử lý. Biện pháp thu gom như sau:

- Nước thải xám từ các nhà vệ sinh đầu nối vào các hồ ga thu gom bằng đường ống PVC D110 và chảy về trạm xử lý nước thải tập trung bằng đường ống PVC D200.

- Nước thải đen từ các nhà vệ sinh xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại được xây dựng sau các dãy nhà chữa bệnh và các nhà chuyên môn (8 bể tự hoại, tổng dung tích khoảng 106m³/ngày đêm) sau đó đầu nối vào các hồ ga và chảy về trạm xử lý nước thải tập trung bằng đường ống PVC D200.

- Nước thải phát sinh từ nhà ăn ca được xử lý sơ bộ qua 01 bể tách mỡ dung tích 2m³ trước khi đầu nối vào hồ ga thu gom và chảy về trạm xử lý nước thải tập trung bằng đường ống PVC D200.

- Nước thải khu giặt là thu gom bằng đường ống D110 về hồ ga thu gom và chảy về trạm xử lý nước thải tập trung bằng đường ống PVC D200.

Tổng chiều dài đường ống thu gom PVC D200 khoảng 430m, chôn ngầm đưa nước thải về bể gom của trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý. Trên hệ thống bố trí 28 hồ ga, kích thước 1,2m x 1,2m x 1,4m, có nắp đậy.

*** Biện pháp, công trình thu gom nước thải:**

Nước thải sinh hoạt (nước thải đen) → bể tự hoại → đường ống PVC D110 → đường ống PVC D200 → Hệ thống xử lý nước thải → Nguồn tiếp nhận.

Nước thải từ căng tin → hố ga tách mỡ → đường ống nhựa D200 → Hệ thống xử lý nước thải → Nguồn tiếp nhận.

Nước thải xám từ các nhà vệ sinh → đường ống PVC D110 → đường ống PVC D200 → Hệ thống xử lý nước thải → Nguồn tiếp nhận.

Bảng 7. Khối lượng hạng mục thu gom nước thải sinh hoạt

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết cấu, kích thước
1	Đường ống thu gom nước thải sinh hoạt	m	430	Ống nhựa PVC D200
2	Đường ống thu gom từ các dãy nhà	m	323	Ống nhựa PVC D110
3	Bể tự hoại	bể	8	Bể xây gạch, có nắp đậy đổ bê tông, tổng dung tích 106m ³
4	Hố ga	hố	28	Hố xây gạch, có nắp đậy đổ bê tông, kích thước 1,2 x 1,2 x 1,4m

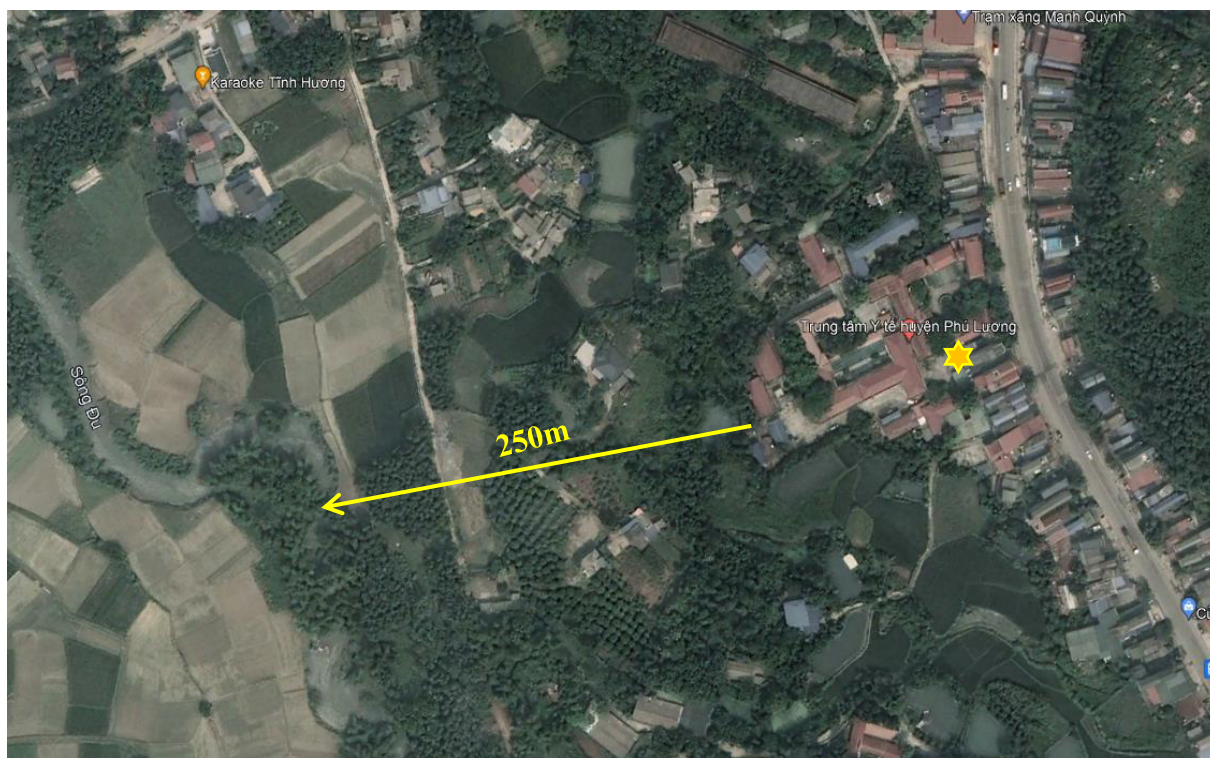
1.2.3. Công trình thoát nước thải

Nước thải sau xử lý từ trạm xử lý nước thải tập trung của Trung tâm đạt quy chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT cột B (k=1,2) và chảy ra 01 cửa xả duy nhất tại vị trí phía Đông Bắc của Trung tâm vào nguồn tiếp nhận là hệ thống thoát nước chung của thị trấn Đu, huyện Phú Lương. Thoát nước thải theo phương thức tự chảy qua đường ống thoát PVC D90 chiều dài khoảng 200m, chế độ xả liên tục. Đường ống thoát nước PVC đi ngầm bên trong hệ thống thoát nước mưa và chảy ra cửa xả.

Bảng 8. Hệ thống thoát nước thải

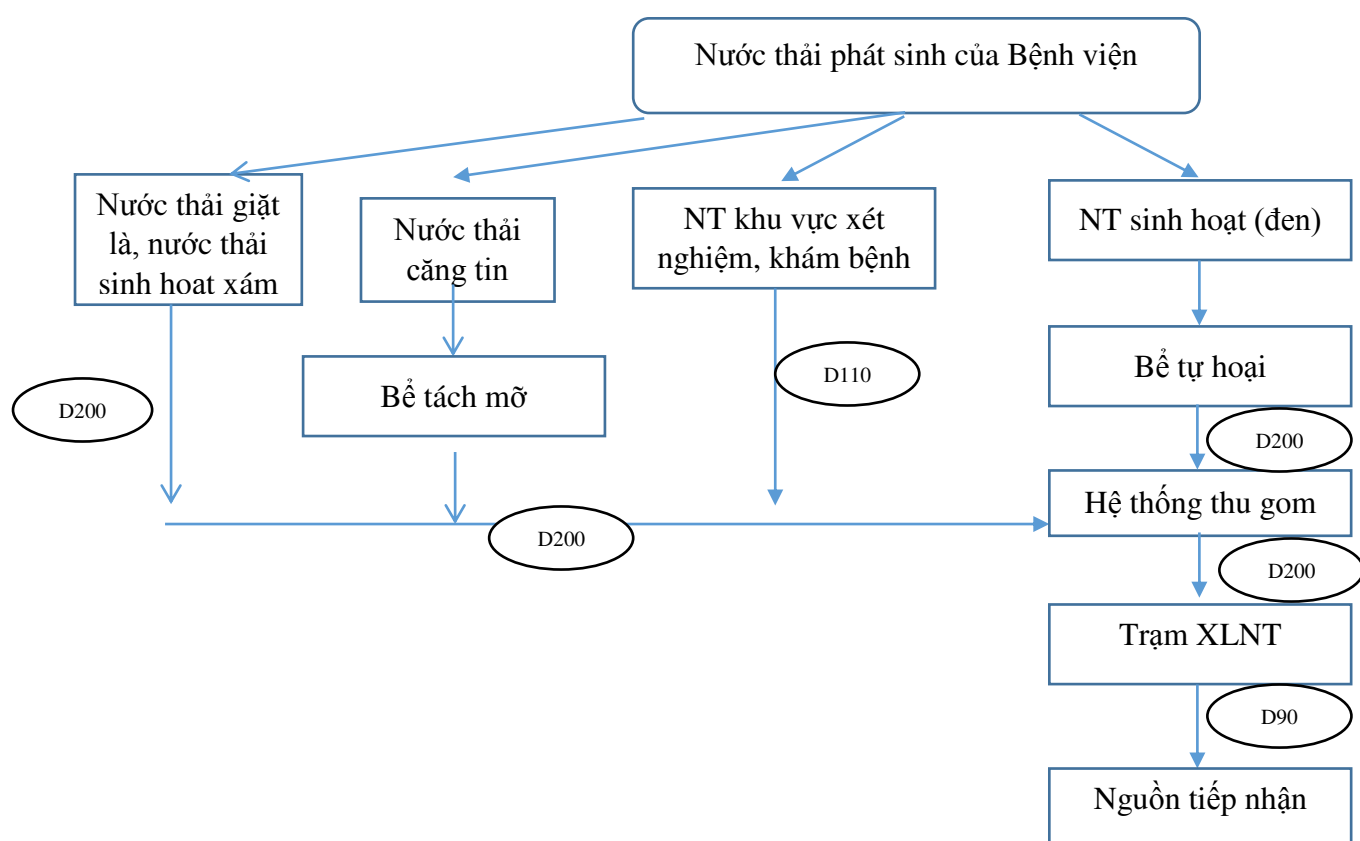
TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Kết cấu, kích thước
1	Hệ thống thoát nước thải	m	200	Ống nhựa PVC D90
	Cửa xả nước thải	cửa xả	01	<ul style="list-style-type: none"> - Cửa xả: Đường kính PVC D90 (đặt ngầm) - Vị trí: Phía Đông Bắc Trung tâm - Phương thức xả: tự chảy - Tọa độ vị trí đầu nối (X:2403067;Y:418063).

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước hiện trạng của thị trấn Đu, tiếp nhận nước mưa, nước thải của khu dân cư thuộc tiểu khu Cầu Trắng (nay là tổ dân phố Cầu Trắng), thị trấn Đu, huyện Phú Lương. Mương bê tông, kích thước B1500, nắp đậy tám đan bê tông, mương chạy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam và chảy vào sông Đu, cách điểm xả nước thải của Trung tâm khoảng 1,2km.



Hình 4. Vị trí xả nước thải và khoảng cách tới sông Đu

*** Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải nêu trên:**



Hình 5. Sơ đồ thu gom nước thải

1.3. Xử lý nước thải:

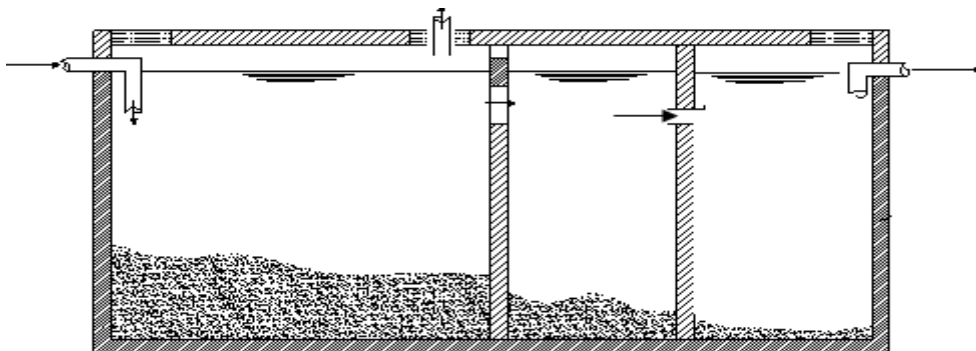
Nước thải của Trung tâm gồm nước thải khu vực xét nghiệm, khu vực khám bệnh và nước thải sinh hoạt, nước thải khu giặt là, căng tin, được thu gom rồi đưa về hệ thống xử lý nước thải có công suất $90\text{m}^3/\text{ngày}$ để xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT (cột B). Nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại rồi đưa về hệ thống xử lý nước thải. Cụ thể như sau:

- Bể tự hoại:

+ Chức năng: lắng và phân hủy cặn lắng các chất hữu cơ. Nước thải từ các khu nhà vệ sinh trước khi đưa về hệ thống xử lý nước thải được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại. Có tổng số 7 bể tự hoại được bố trí tại các khu vực cuối các dãy nhà để xử lý sơ bộ nước thải đen.

+ Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại như sau:

Bể tự hoại là công trình đồng thời làm 2 chức năng: lắng và phân hủy cặn lắng. Bể gồm 3 ngăn: ngăn xử lý yếm khí, ngăn lắng ngang và ngăn xử lý kỵ khí tùy tiện. Cặn lắng được giữ lại trong bể từ 6 - 8 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí, một phần tạo thành các chất vô cơ hoà tan. Nước thải được lưu từ 2 - 3 ngày, dưới tác dụng của các vi sinh vật kỵ khí, các tác nhân ô nhiễm được phân hủy rất cao.



Hình 6. Bể tự hoại

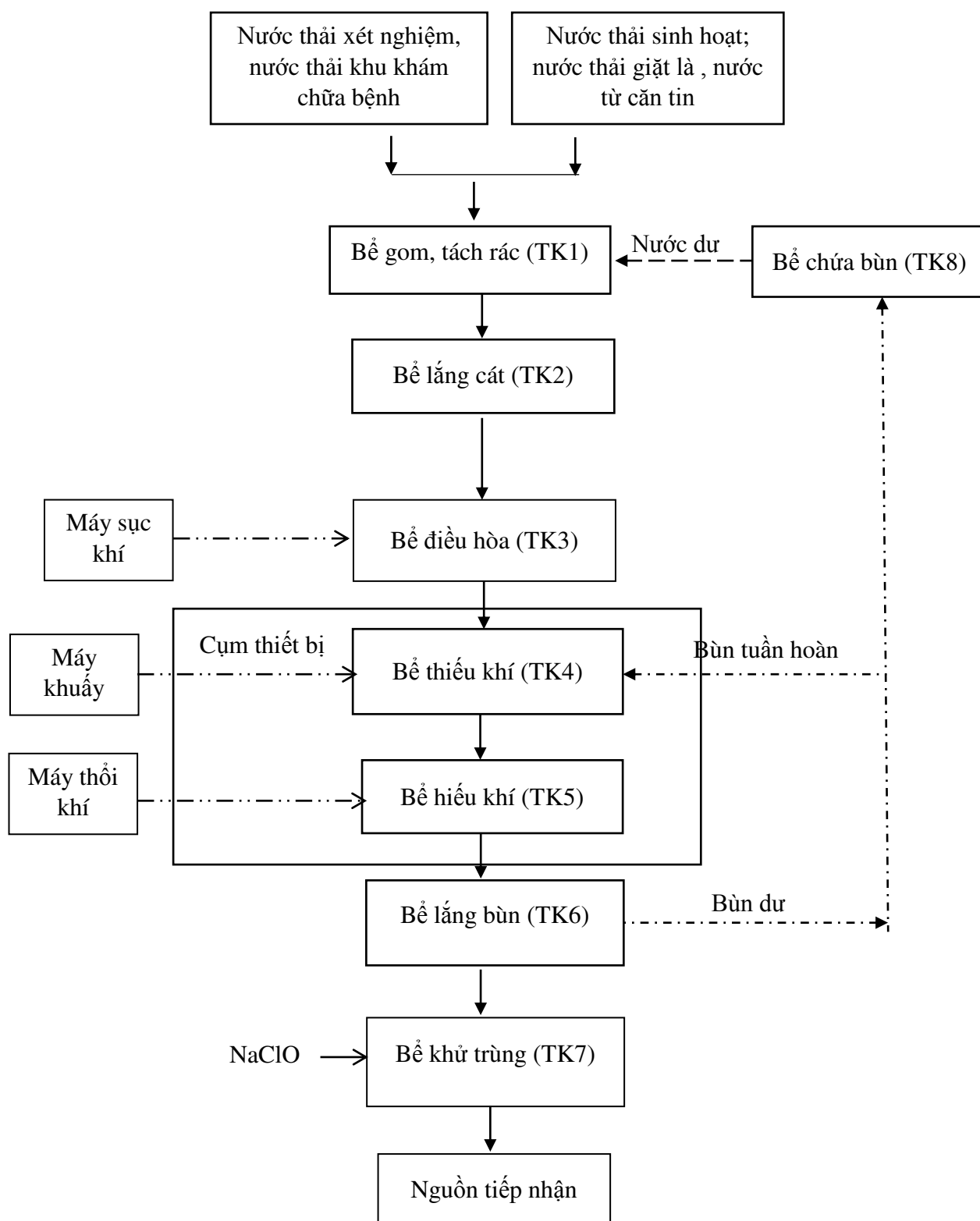
Nước thải sau khi xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại được chảy ngầm theo ống PVC D200 về trạm xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

- Trạm xử lý nước thải:

+ Chức năng: xử lý các thành phần hữu cơ và vi sinh trong nước thải.

+ Công suất: $90\text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Quy trình xử lý nước thải cụ thể tại hình sau:



Hình 7. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải

Thuyết minh quy trình:

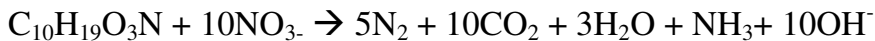
Bể gom (TK1): Nước thải được thu gom từ các đường ống thải trong Trung tâm bao gồm nước thải sinh hoạt, nước thải y tế, nước thải vệ sinh, nước thải được đi qua rọ chắn rác nhằm loại bỏ rác thô trước khi xử lý. Nước thải từ hố gom sẽ được bơm đến bể lắng cát ngang.

Bể lắng cát ngang (TK2): Bể lắng cát ngang có chức năng lắng cát và các chất rắn lơ lửng có trong nước trước khi xử lý, giúp cho quá trình xử lý nước đạt được hiệu suất cao.

Bể điều hòa (TK3): Bể điều hòa có chức năng điều tiết lưu lượng xử lý và ổn định nồng độ các chất ô nhiễm. Trong bể điều hòa có lắp đặt hệ thống sục khí chìm đáy bể hoạt động gián đoạn để tránh quá trình phát sinh mùi và xử lý sơ bộ. Ngoài ra trong bể còn bố trí 02 bơm nước thải đặt chìm hoạt động luân phiên bơm nước thải sang bể thiếu khí (anoxic)

Nước thải từ bể điều hòa được dẫn sang cụm bể xử lý AO được xây dựng dạng hợp khối bằng thép không gỉ:

Bể thiếu khí (anoxic) (TK4): Bể thiếu khí được xây dựng để xử lý nước thải trong điều kiện thiếu khí để loại bỏ Nitơ. Bể thiếu khí tiếp nhận nước thải từ bể điều hòa, dòng nước tuần hoàn chứa Nitrat từ bể Nitrat hóa và dòng bùn tuần hoàn từ bể lắng về. Phản ứng khử nitrat trong bể với nguồn chất hữu cơ trong nước thải đầu vào đóng vai trò là chất cho điện tử:



Để quá trình phản ứng diễn ra thuận lợi, tại bể thiếu khí bố trí máy khuấy chìm với tốc độ khuấy phù hợp. Máy khuấy có chức năng khuấy trộn dòng nước tạo ra môi trường thiếu oxi cho hệ vi sinh vật thiếu khí phát triển. Nước thải sau bể thiếu khí sẽ tự chảy sang bể hiếu khí.

Bể hiếu khí (Aerotan) (TK5): Bể hiếu khí có chức năng xử lý nước qua quá trình phân hủy các chất trong nước qua hoạt động của vi sinh hiếu khí, tại đây được bố trí hệ thống phân phối khí đáy bể nhằm cung cấp oxi cho vi sinh hoạt động vào quá trình phân hủy các chất.

Trong bể hiếu khí, quá trình vi sinh hiếu khí xảy ra để xử lý Nitơ từ dạng NH_4^+ thành NO_3^- :



Bơm chìm nước thải được bố trí để bơm hồi lưu nước thải chứa Nitrat về bể thiếu khí để xử lý Nitơ.

Bể lắng (TK6): Hỗn hợp bùn hoạt tính/nước trong bể Nitrat hóa tự chảy về bể lắng qua hệ thống phân phối và ống lắng trung tâm. Do có tỷ trọng lớn nên bùn hoạt tính sẽ lắng xuống đáy bể, nước trong được thu qua máng thu nước tới bể khử trùng.

Bể lắng được trang bị 02 bơm chìm có chức năng bơm tuần hoàn bùn về bể thiếu khí và bơm bùn đến bể chứa bùn.

Bể khử trùng (TK7): Nước thải sau khi qua bể lắng, tiếp tục tự chảy vào bể khử trùng, tiếp xúc với Chlôine (NaOCl), đây là chất oxy hóa mạnh thường được sử dụng rộng rãi trong quá trình khử trùng nước thải. Ngoài mục đích khử trùng, Chlorine còn có thể sử dụng để giảm mùi trong nước thải trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Nước thải sau khi xử lý theo quy trình công nghệ như trên, đảm bảo đạt Quy chuẩn 28:2010/BTNMT (Cột B, hệ số K = 1,0) – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế được chảy qua đường ống PVC D90 ra nguồn tiếp nhận.

Bể chứa bùn (TK8): Bùn từ bể lắng được bơm vào bể chứa bùn. Bùn sẽ được lắng và chứa trong bể bùn để tiếp tục phân hủy. Nước trong từ bể bùn sẽ tự chảy ngược lại bể gom. Bùn sau một thời gian nhất định sẽ được hút và đem đi xử lý theo quy định.

** Kích thước, thông số các bể của hệ thống xử lý nước thải:*

Bảng 9. Kích thước các bể của hệ thống xử lý nước thải

STT	Tên công trình	Kích thước theo đề án	Kích thước xây dựng	Kết cấu
1	Bể gom	1m x 1m x 1m (1m ³)	2,5m x 1,5m x 2,6m (9,75m ³)	Bể bê tông cốt thép, có nắp đậy bằng tôn thép
2	Bể lắng cát	-	5m x 3m x 2,5m (37,5m ³)	Bể bê tông cốt thép, có nắp đậy bằng tôn thép
3	Bể điều hòa	6m ² x 3m (18m ³)	4,86m x 3m x 2,5m (36,45m ³)	Bể bê tông cốt thép, có nắp đậy bằng tôn thép
4	Bể thiếu khí	12m ² x 3m (36m ³)	2,5m x 2,5m x 3m (18,75m ³)	Bể hợp khối, vách tôn 304 dày 2mm, xương khung xương thép chữ U, thép 304 dày 3mm.
5	Bể hiếu khí	02 ngăn, mỗi ngăn 9m ² ; (54 m ³)	6m x 2,5m x 3m (45m ³)	
6	Bể lắng	6m ² x 2m (12m ³)	2,98m x 3m x 4m (35,76m ³)	Bể bê tông cốt thép, có nắp đậy bằng tôn thép
7	Bể khử trùng	4m ² x 2m (8m ³)	2,98m x 3m x 4m (35,76m ³)	Bể bê tông cốt thép, có nắp đậy bằng tôn thép
8	Bể lọc	2m ² x 2m (4m ³)	-	-
9	Bể chứa bùn	-	4m x 2m x 2,48m (19,84m ³)	Bể bê tông cốt thép, có nắp đậy bằng tôn thép

+ Danh mục các thiết bị lắp đặt của Trạm xử lý nước thải:

Bảng 10. Các danh mục thiết bị chính của Trạm xử lý nước thải

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
I	Bể gom				
1	Bơm chìm	Kiểu bơm: dạng bơm chìm Lưu lượng: $Q = 0,1\text{m}^3/\text{min}$ Cột áp: 5,5m Công suất $P=0,25\text{W}$ Điện áp: 3 pha/380V/50Hz	Cái	2	Nhật Bản
2	Hệ thống kiểm soát mực nước	Phao báo mức Model: Mac3 Dùng cho nước thải, cáp dài 5m Loại: phao nổi, cấp độ bảo vệ IP68 Nhiệt độ vận hành: $0^{\circ}\text{C} - 5^{\circ}\text{C}$ Nhiệt độ bể chứa: $-10^{\circ}\text{C} - 60^{\circ}\text{C}$	Bộ	3	Italy
II	Bể điều hòa				
1	Máy sục khí chìm	Lưu lượng khí: $2\text{m}^3/\text{h}$ Cột áp 3,5m Động cơ 1,5kW; 3 pha/380V/50Hz	Cái	1	Nhật Bản
2	Bơm chìm	Kiểu bơm: dạng bơm chìm Lưu lượng: $Q = 0,1\text{m}^3/\text{min}$ Cột áp: 5,5m Công suất $P=0,25\text{W}$ Điện áp: 3 pha/380V/50Hz	Cái	2	Nhật Bản
3	Hệ thống kiểm soát mực nước	Phao báo mức Model: Mac3 Dùng cho nước thải, cáp dài 5m Loại: phao nổi, cấp độ bảo vệ IP68 Nhiệt độ vận hành: $0^{\circ}\text{C} - 5^{\circ}\text{C}$ Nhiệt độ bể chứa: $-10^{\circ}\text{C} - 60^{\circ}\text{C}$	Bộ	3	Italy
III	Bể thiếu khí				
1	Máy khuấy chìm	Công suất: 0,25kW Điện áp: 3 pha/380V/50Hz Tốc độ quay: 1420 vòng/phút	Cái	1	Nhật Bản

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
		Đường kính cánh khuấy: 155mm			
IV	Bể hiếu khí				
1	Hệ thống phân phối khí	Đĩa phân phối khí kiểu bọt tinh Lưu lượng không khí: 2 – 10m ³ /h/đĩa Diện tích bề mặt màng: 0,0037m ² Kích thước đĩa: 9’’ Nhiệt độ max: +80°C Vật liệu: màng EPDM F053; khung PP GF30; Đầu nối ren PP GF20	Cái	23	Đức
2	Bơm chìm	Kiểu bơm: dạng bơm chìm Lưu lượng: Q = 0,1m ³ /min Cột áp: 5,5m Công suất P=0,25W Điện áp: 3 pha/380V/50Hz	Cái	2	Nhật Bản
V	Bể lắng				
1	Bơm chìm	Kiểu bơm: dạng bơm chìm Lưu lượng: Q = 0,1m ³ /min Cột áp: 5,5m Công suất P=0,25W Điện áp: 3 pha/380V/50Hz	Cái	2	Nhật Bản
V	Nhà điều hành				
1	Bơm định lượng hóa chất	Lưu lượng: 0 -260l/h Áp suất: Hmax = 7bar Công suất 0,37kW Màng bơm TEFLON Điện áp: 3 pha/380V/50Hz		2	Italy
2	Máy thổi khí	Máy thổi khí cạn Công suất motơ: 2,2kW; Điện áp: 3 pha/380V/50Hz Lưu lượng: 2,19m ³ /phút Cột áp: 30kPa <=> 3mH ₂ O Kích thước ống ra: 50mm Tốc độ vòng quay: 3290 vòng/phút	Cái	2	Nhật Bản

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
3	Hệ thống điện điều khiển; Hệ thống đường ống công nghệ	-	hệ thống	1	Việt Nam

+ Chế độ vận hành của trạm xử lý nước thải: liên tục 24/24 giờ.

+ Hóa chất sử dụng: Chlorin 180g/ngày (với liều lượng sử dụng khoảng 3g/m³).

+ Hóa chất sử dụng: javel 2-2,2 lít/ ngày, methanol bổ sung 2-2,5 kg/ngày.

Trạm xử lý nước thải bằng phương pháp cơ học, sinh học và hóa lý, được xây dựng kín với công suất 90 m³/ngày nên có khoảng cách đến nhà dân gần nhất khoảng 120m, đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường theo quy định .

Theo kế hoạch giao chỉ tiêu giường bệnh, Trung tâm Y tế huyện Phú Lương có kế hoạch nâng cấp quy mô lên 170 giường bệnh, lưu lượng nước thải dự báo phát sinh tối đa 61,2m³/ngày đêm hoàn toàn nằm trong khả năng đáp ứng xử lý của trạm xử lý nước thải của Trung tâm. Nước thải được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột C, K = 1,2) đến ngày 31/12/2031, quy chuẩn QCVN 40:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A) từ ngày 1/1/2032.

Hiện nay, để duy trì vận hành hiệu quả xử lý của hệ thống và đảm bảo chắc chắn nước sau xử lý trước khi xả ra môi trường đáp ứng QCVN 28:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (Cột B, với K = 1,2) đến ngày 31/12/2031, đạt cột A – QCVN 40:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp từ ngày 1/1/2032, Trung tâm đã thực hiện một số các biện pháp kỹ thuật sau:

- Lưu lượng nước thải hàng ngày phát sinh trung bình khoảng 23m³/ngày ~ 26% công suất thiết kế của trạm xử lý nước thải, để đảm bảo hiệu suất xử lý, thường xuyên bơm hồi lưu nước thải và bùn từ ngăn lắng bùn về bể thiếu khí để đảm bảo lưu lượng nước thải để vận hành bể xử lý sinh học, bố trí công nhân bổ sung cơ chất vào các bể thiếu khí, hiếu khí để xử lý các thành phần ô nhiễm trong nước thải đạt hiệu quả cao.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Trung tâm không có nguồn thải khí, bụi dạng điểm. Trong quá trình hoạt động của Trung tâm có một số loại khí thải như:

+ Khí ozon (O₃) hình thành do việc biến đổi O₂ trong không khí thành O₃ từ các phòng chụp chiếu có phóng xạ tia X, có ảnh hưởng trực tiếp tới hệ hô hấp.

+ Hệ thống khí y tế (Oxy, khí gây mê – ête...) nếu không có hệ thống an toàn bảo vệ trong vận hành có khả năng gây cháy nổ.

+ Tia xạ: chủ yếu là tia Ronghen (tia X) của máy X – quang, khu vực xạ trị.

- Mùi hôi từ khu vực lưu chứa rác thải sinh hoạt và mùi từ trạm xử lý nước thải tập trung do quá trình phân hủy kỵ khí, hiếu khí của các bể xử lý.

Trung tâm đã thực hiện các biện pháp để ngăn ngừa, giảm thiểu ô nhiễm không khí trong khu vực của các phòng khám bệnh, phòng xét nghiệm, phòng ban và xung quanh. Cụ thể như sau:

- Khí độc hại tại các phòng xét nghiệm, trong quá trình phản ứng hoá học hoặc quá trình đun nóng đều phải thực hiện trong HOTTE, khí độc trong HOTTE được thu gom được thu bằng máy hút và được hấp thụ qua lưới lọc, khí sạch qua ống thải trên nó tủ thoát ra bên ngoài.

- Tại các phòng chiếu chụp có phóng xạ tia X, phải đảm bảo đúng qui trình vận hành và bảo vệ. Ngoài việc lắp đặt điều hòa không khí phải có quạt hút cách sàn 20 cm để hút khí O_3 .

- Các phòng chuyên môn có thiết bị kỹ thuật: Tủ hút độc, ống thoát hơi độc, thoát nước, chậu rửa, tủ quần áo phòng hộ...

- Do hệ thống xử lý là các thiết bị kín, các quá trình hiếu khí và thiếu khí không hoặc ít gây ra mùi do lắp đặt kín và thoát hơi khí ra ngoài qua ống thoát khí.

- Khu chứa rác thường xuyên được phun khử trùng, rác thải được vận chuyển đến nơi xử lý với tần suất 01 lần/ngày đối với các loại rác sinh hoạt để tránh vi sinh vật phân hủy gây mùi hôi ảnh hưởng đến môi trường không khí trong khu vực.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

** Các loại chất thải rắn phát sinh của Trung tâm gồm:*

- Chất thải rắn sinh hoạt (thức ăn thừa, vỏ hộp, giấy...) phát sinh khoảng 65 kg/ngày ~ 1.950 kg/tháng, chủ yếu là chất hữu cơ dễ phân hủy phát sinh trong quá trình sinh hoạt của y bác sỹ, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và nhà ăn của Trung tâm.

+ Rác thải, bùn đất từ nạo vét hệ thống thoát nước mưa phát sinh ước tính 50kg/lần nạo vét ~ khoảng 15kg/tháng.

+ Rác thải từ bể gom, tách rác của hệ thống xử lý nước thải phát sinh ước tính 10kg/tháng.

- Chất thải rắn sinh hoạt công kênh gồm các chất thải có kích thước lớn như các loại tủ, bàn ghế cũ hỏng, thiết bị hỏng không nguy hại... phát sinh với số lượng không đáng kể, không thường xuyên (trung bình khoảng 30 kg/năm ~ 2,5kg/tháng).

- Đối với chất thải rắn y tế thông thường: gồm các loại chai lọ chứa dịch truyền, vỏ chích vắc xin, chất thải sắc nhọn không lây nhiễm, các loại dây truyền không dính máu thải... phát sinh khoảng 3 kg/ngày ~ 90kg/tháng.

- Phát sinh khoảng 10m³ bùn từ bể tự hoại/năm; khoảng 5kg cặn mỡ từ bể tách mỡ nhà ăn/tháng, bùn thải từ trạm xử lý nước thải khoảng 10m³/năm.

** Biện pháp thu gom:*

- Đối với chất thải rắn y tế thông thường phát sinh: Được thu gom từ các khu vực phát sinh về các khu vực lưu chứa nằm trong kho chứa cùng chất thải nguy hại, diện tích kho chứa 50m², bố trí các thùng chứa rác thải y tế thông thường loại 150l màu xanh, có dán nhãn cảnh báo theo quy định.

+ Tại khu vực khám chữa bệnh và các phòng điều trị: Các loại chất thải rắn thông thường phát sinh ở khu này được chứa vào thùng đựng rác loại 5 lít có nắp đậy, dán nhãn cảnh báo. Hàng ngày nhân viên vệ sinh đi thu gom từ các khoa, phòng về khu vực lưu chứa của Trung tâm.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Được thu gom từ các khu vực phát sinh về khu vực lưu chứa tạm thời diện tích 10m², có mái che, sàn đổ bê tông, đặt tại góc cuối phía Tây Nam của Trung tâm, bố trí các xe đẩy loại 0,5m³ để lưu chứa rác thải tạm thời. Định kỳ hàng ngày Ban quản lý môi trường Đô thị huyện Phú Lương đến thu gom đưa đi xử lý theo tần suất 1 lần/ngày.

+ Rác thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực khám chữa bệnh và các phòng điều trị, khu vực văn phòng: Được thu gom vào các thùng chứa rác thải sinh hoạt có nắp đậy loại 60l đặt tại hành lang các khoa, phòng và thu gom về khu vực lưu chứa.

+ Tại khu vực căng tin: Được thu gom, phân loại và chứa trong thùng nhựa có dung tích 100 lít, có nắp đậy. Số lượng 01 thùng. Cuối các buổi vận chuyển rác thải sinh hoạt, thức ăn thừa ra khu vực lưu chứa.

- *Đối với chất thải rắn sinh hoạt công kênh:* Bao gồm chất thải có kích thước lớn, nặng như máy móc thiết bị hỏng, đồ gia dụng... được lưu chứa tạm trong kho chứa. Liên hệ, thỏa thuận và thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và đưa đi xử lý theo quy định.

- *Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, các hố ga lắng cặn, bùn từ hệ thống bể tự hoại:* Định kỳ 2 lần/năm hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Sông Công đến hút vận chuyển đi xử lý theo quy định (tần suất trung bình khoảng 6 tháng/lần).

Toàn bộ rác thải bỏ được nhân viên vệ sinh hàng ngày thu gom, vận chuyển ra khu vực tập kết rác thải của Trung tâm để chuyển giao theo quy định.

+ Chất thải rắn sinh hoạt chuyển giao cho Ban quản lý môi trường Đô thị huyện Phú Lương thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo hợp đồng số 08 ngày 01/01/2022.

+ Chất thải rắn y tế thông thường chuyển giao cho các đơn vị gồm Công ty TNHH Môi trường Sông Công thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý theo hợp đồng số 05124/SC-TTYTPL ngày 02/01/2024.

Bảng 11. Bảng tổng hợp chất thải rắn phát sinh

TT	Loại chất thải	Lượng phát sinh (kg/tháng)	Ghi chú
1	Rác thải sinh hoạt	1.950	Ban quản lý môi trường Đô thị huyện Phú Lương
2	Chất thải rắn cống kênh	2,5	
3	Chất thải rắn y tế thông thường	90	
4	Chất phẩm gây độc tế bào thải	10	
5	Cặn mỡ thải nhà cắntin	5	
6	Rác thải từ hệ thống thoát nước mưa	15	
7	Rác thải từ hệ thống thoát nước thải	10	
8	Bùn thải bể tự hoại, bùn thải trạm xử lý nước thải	2.500 (1,6m ³ /tháng)	Công ty TNHH Môi trường Sông Công
	Tổng	4.583	



Thùng chứa rác thải y tế, rác thải thông thường



Thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các hành lang



Kho chứa CTR sinh hoạt của Trung tâm

Máy móc thiết bị hỏng, bỏ đặt tại nhà kho

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại (CTNH)

*** Nguồn phát sinh:**

+ Chất thải y tế nguy hại phát sinh từ quá trình khám, chữa bệnh, xét nghiệm của Trung tâm.

+ Chất thải nguy hại từ các hoạt động khác trong quá trình hoạt động của Trung tâm như: hộp mực in thải; pin, ác quy thải; bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải,...

+ Các máy móc, thiết bị thải bỏ.

*** Các loại CTNH phát sinh:**

Gồm chất thải nguy hại lây nhiễm và chất thải nguy hại không lây nhiễm.

+ Chất thải lây nhiễm gồm các loại: chất thải lây nhiễm sắc nhọn (bơm kim tiêm, đầu sắc nhọn của dây truyền, ống tiêm, lưỡi dao mổ, mảnh thủy tinh vỡ...), chất thải lây nhiễm không sắc nhọn (bông băng, gạc), chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao (Bệnh phẩm: máu, phân, nước tiểu; dụng cụ đựng bệnh phẩm) và chất thải lây nhiễm không sắc nhọn (Bông, băng gạc). Chất thải này phát sinh khoảng 1.900kg/năm.

+ Dược phẩm thải bỏ có các thành phần nguy hại, dược phẩm quá hạn hoặc kém phẩm chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo từ nhà sản xuất... phát sinh khoảng 10kg/năm.

+ Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, các dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất... phát sinh khoảng 20kg/năm.

+ Dung dịch thải, thuốc hiện ảnh và tráng phim gốc nước: phát sinh khoảng 20kg/năm.

+ Các loại khác: hộp mực in thải; pin, ác quy thải; bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải, bao bì chứa thành phần nguy hại...phát sinh khoảng 70kg/năm.

+ Máy móc thiết bị hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân phát sinh khoảng 40kg/năm.

Bảng 12. Bảng tổng hợp CTNH phát sinh

TT	Loại chất thải	Mã CTNH	Lượng phát sinh (kg/năm)	Ghi chú
1	Chất thải y tế lây nhiễm (gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	3.900	Công ty TNHH Môi trường Sông Công
2	Vỏ chai lọ đựng thuốc hoặc hóa chất có các thành phần nguy hại	13 01 02	20	
3	Các loại dược phẩm gây độc tế bào thải	13 01 03	10	
4	Chất phẩm gây độc tế bào thải	13 02 03	10	
5	Bóng đèn huỳnh quang hỏng và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	10	
6	Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	08 02 04	20	
7	Pin, ác quy thải	16 01 06	20	
8	Bao bì có chứa thành phần nguy hại (vỏ lọ thủy tinh)	16 01 12	20	
9	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân	13 03 02	40	
	Tổng		4.050	

Tổng lượng phát sinh trong 1 năm khoảng 4.050kg.

*** Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ chất thải tại Trung tâm**

- Biện pháp thu gom của Trung tâm:

+ Chất thải y tế: Bông, băng, gạc, găng tay được Trung tâm thu gom vào các thùng chứa sau đó chuyển đến khu tập kết rác thải y tế của Trung tâm;

+ Chất thải sắc nhọn như kim tiêm, vật sắc nhọn được đựng trong hộp cứng;

+ Vỏ bao bì, vỏ thuốc, dịch truyền được thu gom vào các túi nilon.

Các loại chất thải y tế nguy hại được Trung tâm thu gom đưa về tập kết về kho lưu chứa có diện tích 50m² bảo quản tại trong tủ bảo ôn, thùng đựng rác theo quy định và

hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Sông Công thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý theo hợp đồng số 05124/SC-TTYTPL ngày 02/01/2024.

*** Các biện pháp lưu giữ CTNH khác:**

Ngoài các biện pháp thu gom đảm bảo vệ sinh theo quy định, Trung tâm thực hiện các biện pháp để giảm thiểu, tái chế và tái sử dụng rác thải, cụ thể như:

- Giảm tại nguồn: Lựa chọn việc mua bán vật tư sử dụng ít gây rác thải hay phát sinh ít rác thải nguy hại, ngăn ngừa lãng phí vật tư.

- Quản lý kho hoá chất và dược phẩm: Đặt hàng với số lượng vừa phải, có hạn sử dụng lâu. Sử dụng các chất liệu có thể tái chế.

- Phân loại chất thải: Phân loại thành các loại khác nhau có thể giảm đáng kể lượng rác thải y tế. Do đó việc này sẽ được thực hiện với ưu tiên cao nhất.

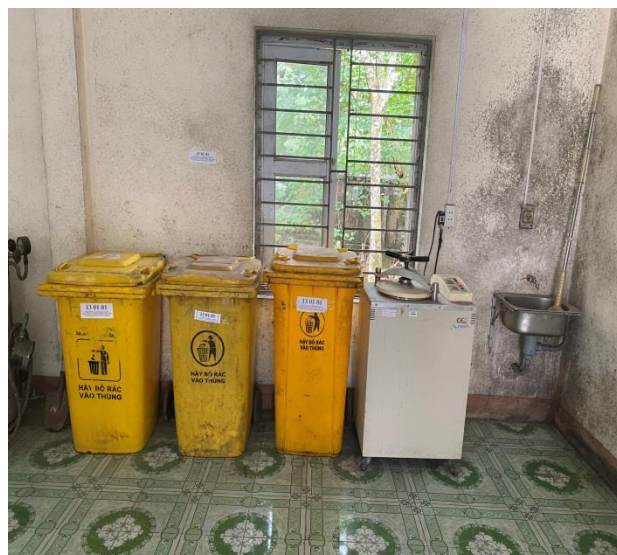
- Phân loại và bao gói chất thải y tế như sau:

- + Mã màu sắc thùng đựng chất thải: Màu vàng đối với bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải lây nhiễm; Màu đen đối với bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm; Màu xanh đối với bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế thông thường; Màu trắng đối với bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải tái chế.

- + Dụng cụ chứa chất thải y tế: theo quy định của thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế: Có thành cứng, không bị bục vỡ, rò rỉ dịch thải trong quá trình lưu giữ chất thải; Có biểu tượng loại chất thải lưu giữ; Dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải lây nhiễm phải có nắp đậy kín và chống được sự xâm nhập của các loài động vật; Dụng cụ, thiết bị lưu chứa hóa chất thải được làm bằng vật liệu không có phản ứng với chất thải lưu chứa và có khả năng chống được sự ăn mòn nếu lưu chứa chất thải có tính ăn mòn. Trường hợp lưu chứa hóa chất thải ở dạng lỏng phải có nắp đậy kín để chống bay hơi và tràn đổ chất thải. Chất thải lây nhiễm phải thu gom riêng từ nơi phát sinh về khu vực lưu giữ chất thải tạm thời; trước khi thu gom, túi đựng chất thải phải buộc kín miệng, thùng đựng chất thải phải có nắp đậy kín...





Kho chứa chất thải nguy hại



Khu vực lưu chứa chất thải y tế sắc nhọn

Bảng 13. Hướng dẫn phân loại một số chất thải rắn y tế nguy hại

Chất thải lây nhiễm	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	<p>Mẫu bệnh phẩm, dụng cụ đựng dính mẫu bệnh phẩm, chất thải dính mẫu bệnh phẩm thải bỏ từ các phòng xét nghiệm</p> <p>Quy định: 2 lần túi màu vàng, bên ngoài thùng dán nhãn “CHẤT THẢI CÓ NGUY CƠ LÂY NHIỄM CAO”</p>	
	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	- Bông, băng gạc, dây truyền thấm dính, chứa máu	
	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	Kim tiêm, bơm liên kim tiêm, đầu sắc nhọn của dây truyền, kim chọc dò, kim châm cứu, lưỡi dao mổ,	

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Hoạt động khám chữa bệnh của Trung tâm không phát sinh tiếng ồn và rung, tuy nhiên tại các khu vực đặt máy sục khí của hệ thống xử lý nước thải khi hoạt động sẽ phát sinh tiếng ồn. Đặc điểm của các nguồn phát sinh ồn này là không hoạt động liên tục, chỉ phát sinh gián đoạn và không thường xuyên, do đó ảnh hưởng đến xung quanh là không đáng kể.

Các giải pháp giảm thiểu tiếng ồn mà Trung tâm đã và đang áp dụng là:

- Máy thổi khí được đặt trong phòng kín, xây tường bao xung quanh để giảm ảnh hưởng của tiếng ồn tới khu vực xung quanh.
- Thường xuyên kiểm tra mức độ cân bằng của các máy móc khi làm việc, thường xuyên bảo dưỡng và bôi trơn máy móc, thiết bị theo định kì.
- Trang bị bảo hộ chống ồn cho cán bộ vận hành máy sục khí của trạm xử lý nước thải.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Một số sự cố môi trường có thể xảy ra

- Đối với trạm xử lý nước thải:

+ Khi sự cố của TXLNT xảy ra như: 01 trong các bể bị sự cố phải ngưng hoạt động; nút vỡ đường ống thoát nước thải hay mất điện...

+ Hệ thống cấp khí gặp sự cố: Việc cấp khí cho hệ thống được thực hiện bởi các máy thổi khí bị hỏng.

+ Sự cố với máy bơm: một trong các máy bơm của hệ thống bị hỏng, không vận hành được.

+ Sự cố rò rỉ nước thải khi bị nút vỡ đường ống, tràn bể. Sự cố rò rỉ hóa chất.

+ Sự cố hỏng thiết bị xử lý: máy bơm, bộ điều chỉnh pH, thiết bị định lượng pha hóa chất...

+ Sự cố chết vi sinh trong quá trình xử lý hiếu khí làm ảnh hưởng đến chất lượng đầu ra của hệ thống.

- Sự cố cháy nổ: do va chạm, chập điện, hoặc nhiễm điện do sét trong mùa mưa... khi xảy ra có thể dẫn tới các thiệt hại lớn về kinh tế xã hội và làm ô nhiễm cả ba hệ thống sinh thái nước, đất và không khí một cách nghiêm trọng. Hơn nữa nó còn ảnh hưởng tới tính mạng của con người, tài sản người dân trong khu vực. Các vật liệu tại các buồng bệnh, phòng làm việc, nhà kho... đều tương đối dễ cháy và bắt lửa như: giấy, quần áo bảo hộ, chăn màn...

- Sự cố dịch bệnh bùng phát: các vi trùng gây bệnh nguồn gốc từ nước thải và chất thải rắn, đặc biệt là chất thải nguy hại. Nguy cơ lan truyền bệnh dịch từ Trung tâm có thể xảy ra do lây chéo qua bệnh nhân, người đến khám chữa bệnh, người nhà bệnh

nhân và công nhân vận hành hệ thống xử lý nước thải, công nhân thu gom vận chuyển chất thải nguy hại...

6.2. Phương án phòng ngừa, khắc phục các sự cố

** Đối với trạm xử lý nước thải*

- Khi sự cố của TXLNT xảy ra như:

+ Tổ chức lớp tập huấn, chuyển giao quy trình công nghệ vận hành, các sự cố đơn giản thường gặp của hệ thống xử lý cho cán bộ vận hành hệ thống xử lý, để kịp thời xử lý các sự cố đơn giản.

+ Lập sổ theo dõi vận hành hệ thống xử lý, ghi chép vào sổ theo dõi để quản lý kiểm soát.

- Sự cố với máy bơm: Kiểm tra máy bơm xem nước có được đẩy lên hay không. Khi máy bơm hoạt động nhưng không lên nước, kiểm tra lần lượt như sau: Nguồn điện cung cấp năng lượng có ổn định không; Cánh bơm có bị chèn vào chướng ngại vật nào không; Nếu trong lúc bơm có âm thanh lạ cũng cần ngừng bơm ngay lập tức và tìm ra nguyên nhân để khắc phục sự cố.

- Bố trí các máy bơm dự phòng và máy thổi khí dự phòng để sử dụng trong trường hợp xảy ra sự cố bị hỏng bơm hoặc máy thổi khí.

- Đối với sự cố hỏng thiết bị Trạm XLNT: Tuân thủ quy trình vận hành và bảo dưỡng máy móc, thiết bị; bố trí máy móc hoạt động luân phiên, dự phòng; thường xuyên theo dõi hoạt động của máy móc, thiết bị để kịp thời phòng ngừa, phát hiện, sửa chữa sự cố hỏng hóc; tập huấn cho công nhân vận hành về việc phòng ngừa, ứng phó sự cố.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống thu gom nước thải kịp thời phát hiện các nguy cơ sự cố rò rỉ, tắc đường ống để khắc phục, xử lý.

- Sự cố chết vi sinh tại bể hiếu khí: Khi vi sinh chết sẽ gây ra hiện tượng tràn bọt trên bề mặt bể hiếu khí, để phòng ngừa hiện tượng nêu trên cần vận hành thường xuyên hệ thống cấp khí và kiểm soát các nguồn nước đầu vào để vi sinh không bị sốc, quá tải đối với vi sinh.

- Đối với sự cố quá tải: Trạm XLNT được thiết kế với hệ số an toàn >1,2 để phòng ngừa việc quá tải.

- Đối với sự cố non tải: Lắp đồng hồ đo lưu lượng đầu vào để kiểm soát lưu lượng, thiết kế bể điều hòa nước thải đầu vào để lưu chứa và gom nước thải đảm bảo đủ lưu lượng để vận hành theo mẻ; bơm hồi lưu nước thải và bùn về bể thiếu khí để đảm bảo đủ lưu lượng nước, đồng thời bổ sung cơ chất cho bể thiếu khí, hiếu khí để duy trì hiệu quả xử lý công đoạn xử lý vi sinh của Trạm XLNT.

Ngoài ra luôn đảm bảo việc vận hành trạm xử lý theo đúng quy trình như: Vận hành theo tài liệu hướng dẫn về quy trình vận hành của toàn bộ hệ thống XLNT của

trung tâm; Kiểm tra thường xuyên việc vận hành hệ thống XLNT để tránh tình trạng vi phạm quy tắc quản lý; Cán bộ vận hành có kinh nghiệm trong vận hành hệ thống xử lý nước thải và có khả năng khắc phục các sự cố khi xảy ra; Vận hành hệ thống đúng quy trình; Định kỳ bảo dưỡng các dây chuyền xử lý và dự trữ sẵn sàng các thiết bị thay thế cho các dây chuyền xử lý để nhanh chóng khôi phục hoạt động của chúng. Trong quá trình vận hành: Nắm vững về công nghệ; Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành Trạm XLNT; ghi chép, lưu giữ đầy đủ số liệu, dữ liệu theo quy định; Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu, hóa chất để vận hành thường xuyên, liên tục đảm bảo hiệu quả xử lý của Trạm XLNT.

** Phòng chống cháy nổ*

Có đầy đủ phương án, lực lượng phòng chống cháy nổ. Lực lượng phòng chống cháy nổ được tập luyện định kỳ. Có đầy đủ nội quy, tiêu lệnh, dụng cụ, phương tiện phòng cháy chữa cháy, các dụng cụ, phương tiện đều đảm bảo chất lượng.

- Hệ thống chữa cháy họng nước vách tường

+ Các họng nước được lắp ở các vị trí gần cầu thang bộ, hành lang và các lối vào ra của công trình, là vị trí thuận lợi cho việc chữa cháy đảm bảo khi đám cháy xảy ra bất kỳ ở vị trí nào đều có thể phun nước tới được.

- Hệ thống phương tiện chữa cháy ban đầu (bình chữa cháy xách tay)

+ Các bình bột ABC 8 kg và các bình khí CO₂ được bố trí lắp đặt ở tất cả các tầng, các bình bột và khí được bảo quản bên trong các hộp đựng bình.

+ Bình chữa cháy dạng bột hỗn hợp ABC loại 8kg và bình khí CO₂ có khả năng dập tắt đám cháy nhỏ có chất cháy ở 2 nhóm A, B và cháy điện theo phân loại của tính chất đám cháy.

+ Những bình chữa cháy xách tay này được bố trí tại cầu thang, hành lang, là những nơi có nhiều người qua lại, dễ nhìn thấy và thuận tiện sử dụng, được lắp đặt ở độ cao: Đáy hộp cách mặt sàn 10cm.

- Nội quy tiêu lệnh chữa cháy

Được bố trí tại cầu thang, hành lang, là những nơi có nhiều người qua lại, dễ nhìn thấy và thuận tiện sử dụng.

** Sự cố rò rỉ nguyên nhiên liệu, hóa chất*

- Cán bộ công nhân viên đều được đào tạo khi sử dụng các loại nguyên liệu, hoá chất, chúng đều được xử lý theo đúng quy trình quy phạm và đã được cấp phép sử dụng.

- Các loại hóa chất được dán nhãn, mác để tránh nhầm lẫn và lưu chứa trong kho chứa theo quy định.

** Biện pháp phòng chống lây lan mầm bệnh và phòng chống dịch bệnh bùng phát*

+ Đối với các bệnh nhân mắc bệnh truyền nhiễm cần điều trị cách ly với các khu vực khác.

+ Cán bộ y bác sỹ và người nhà chăm sóc bệnh nhân phải tuân thủ nghiêm các nội quy an toàn của Trung tâm, khi khám chữa bệnh, chăm sóc bệnh nhân cần mặc quần áo bảo hộ, đeo khẩu trang và áp dụng các biện pháp đảm bảo an toàn khi cần thiết...

+ Công nhân thu gom rác thải, vận hành hệ thống xử lý nước thải phải được trang bị đầy đủ về bảo hộ lao động.

+ Việc vận chuyển rác đi xử lý tránh vào thời gian cao điểm.

+ Phát huy vai trò của bộ phận chống nhiễm khuẩn.

- Vị trí tập kết, trung chuyển chất thải rắn có nền bê tông, có mái che. Tuyệt đối không để lẫn rác thải nguy hại với rác thải sinh hoạt thông thường. Rác thải được để gọn gàng, sau đó đơn vị có chức năng sẽ thu gom, vận chuyển đi xử lý hàng ngày vào cuối buổi, không để rác lưu lại qua đêm.

Khi xảy ra dịch bệnh, bên cạnh công tác chữa trị cho bệnh nhân đã làm tốt công tác cách ly với các khu khám bệnh, điều trị khác của để hạn chế lây lan dịch bệnh. Tiến hành khử khuẩn vô trùng khu vực Trung tâm. Khi bệnh nhân mắc bệnh truyền nhiễm chuyển khoa, chuyển viện hoặc ra viện phải thực hiện vệ sinh tẩy uế buồng bệnh, đồ dùng cá nhân.

** Biện pháp giảm thiểu sự cố tắc nghẽn hệ thống thoát nước trong khu vực:*

+ Thiết kế riêng biệt hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải.

+ Toàn bộ đường dẫn nước thải là đường ống khép kín; đường thoát nước mưa đều được bố trí nắp đậy để tránh rác, vật cản rơi xuống đường dẫn.

+ Thường xuyên quét dọn, vệ sinh sạch sẽ các phòng ban và khu vực điều trị của bệnh nhân.

+ Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị của trạm xử lý nước thải 1 năm 1 lần để đảm bảo hiệu quả vận hành của hệ thống xử lý.

+ Các chất thải được thu gom thường xuyên theo đúng quy định.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: Không có

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Trung tâm:

Theo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết được phê duyệt năm 2015 cho Bệnh viện đa khoa huyện Phú Lương, nay là Trung tâm Y tế huyện Phú Lương đã có nhiều nội dung thay đổi như:

+ Cải tạo trạm xử lý nước thải từ công suất 60m³/ngày.đêm và hệ thống thu gom nước thải, trạm xử lý sau cải tạo công suất xử lý 90m³/ngày.đêm.

+ Dừng vận hành lò đốt chất thải y tế LT – 15 công suất 20kg/mẻ, Trung tâm đã dừng vận hành từ quý 3/2015 do thiết bị hoạt động không hiệu quả, chi phí vận hành, sửa chữa cao và khoảng cách gần khu vực dân cư.

Các thay đổi này không làm thay đổi hoạt động của Trung tâm, không gia tăng chất thải vượt quá khả năng xử lý chất thải của các công trình bảo vệ môi trường so với Đề án đã được phê duyệt, do đó không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định tại điểm b, khoản 2, điều 27, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Cụ thể như sau:

Bảng 14. Tổng hợp các nội dung thay đổi so với Đề án đã phê duyệt

Stt	Nội dung	Phương án theo Đề án đã phê duyệt	Đề nghị Cấp phép	Ghi chú
I	Về tổ chức			
1	Cơ cấu tổ chức	96 người	129 người	Tăng do sáp nhập cơ học giữa Bệnh viện đa khoa huyện Phú Lương và Trung tâm y tế huyện Phú Lương.
2	Quy mô giường bệnh	130 giường bệnh	170 giường bệnh	Theo Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch giường bệnh, chỉ tiêu chuyên môn của Sở Y tế giao
3	Diện tích	13.805 m ²	11.330,6m ²	Thay đổi do sau khi sáp nhập, hoàn trả 2.475m ² đất thuộc phòng dân số và điều trị cai nghiện, HIV cho UBND huyện Phú Lương quản lý.
III	Về công trình, biện pháp bảo vệ môi trường			
1	Nước thải			
-	Bể tự hoại	08 bể	08 bể	Không thay đổi
-	Công suất trạm xử lý nước thải	60 m ³ /ngày	90 m ³ /ngày	Trạm xử lý nước thải được cải tạo, nâng cấp năm 2020 bao gồm cải tạo các bể, lắp đặt bổ sung cụm bể xử lý sinh học bằng thiết bị hợp khối (thể tích cụm bể 63,75m ³), giúp tăng công suất trạm xln; tăng khả năng thu gom, xử lý của trạm.
2	Nước mưa			
-		Hệ thống mương thu nước mưa kích thước 0,3m x 0,3m	Hệ thống thoát nước mưa hiện có gồm :	Hướng tuyến và các thông số kĩ thuật không thay đổi so với đề án bảo vệ môi

		chiều dài 289m; hệ thống thu nước mưa 0,5 x 0,6m chiều dài 130m	+ Mương hở kích thước 0,3m x 0,3m, chiều dài khoảng 290m. + + Hệ thống mương kín B500, xây gạch, chiều dài 355m. + Hệ thống mương kín B1000, đổ bê tông, chiều dài 800m.	trường chi tiết được phê duyệt. Tách riêng hệ thống thu nước mưa và thu nước thải, cải tạo, bổ sung thêm hệ thống thu nước mưa bằng mương kín B500 và hệ thống mương B1000 thu nước mưa chảy tràn.
3	<i>Chất thải rắn</i>			
-	Chất thải y tế, chất thải rắn thông thường, Chất thải nguy hại	Khu chứa, xử lý chất thải y tế, chất thải nguy hại diện tích 7m ² (Lò đốt chất thải y tế)	-Phân loại tại nguồn, - CT y tế thu gom và lưu chứa trong nhà kho diện tích 50m ² , có trang bị các thùng chứa theo quy định. - Kho chứa CTNH diện tích 50m ² , bố trí các thiết bị lưu chứa theo quy định, như thùng chứa, tủ bảo ôn,... và chuyển giao cho Công ty TNHH Môi trường Sông Công theo quy định	Mở rộng kho chứa CTNH và kho chứa chất thải rắn thông thường để lưu chứa chất thải trước khi chuyển giao cho đơn vị xử lý.

9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp: Không có.

10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: Không có.

Chương IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

a. Nguồn phát sinh nước thải: Gồm các nguồn nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà ăn, nhà văn phòng, các khu vực khám chữa bệnh và các căng tin, nhà giặt là của Trung tâm với lưu lượng phát sinh khoảng **23m³/ngày**.

Stt	Tên nguồn	Vị trí phát sinh	Thành phần, Tính chất
1	Nguồn số 1	Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt tại Trung tâm y tế huyện Phú Lương	pH, BOD ₅ , COD, TSS, S ²⁻ , NH ⁴⁺ -N, NO ³⁻ -N, PO ₄ ³⁻ -P, Dầu mỡ động, thực vật, Coliform, Salmonella, Shighella,
2	Nguồn số 2	Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực khám bệnh đa khoa	
8	Nguồn số 3	Nước thải từ sau bể tách mỡ khu vực căng tin của Trung tâm y tế	
9	Nguồn số 4	Nước thải từ khu vực giặt là của Trung tâm	

b. Công trình, biện pháp xử lý:

Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động của Trung tâm thu gom bằng đường ống PVC D200, D110 với tổng chiều dài 753m về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 90m³/ngày.đem xử lý nước thải bằng công nghệ sinh học. Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT cột B (k=1,2) trước khi thải ra môi trường.

Quy trình xử lý nước thải của trạm: Nước thải từ các nguồn phát sinh → Đường ống thu gom nước thải PVC D200, D110 → Bể gom nước thải đầu vào (9,75m³) → Bể lắng cát (37,5m³) → Bể điều hòa (36,45m³) → Bể thiếu khí (18,75m³) → Bể hiếu khí (45m³) → Bể lắng (35,76m³) → Bể khử trùng (35,76m³)→ Nguồn tiếp nhận.

Bố trí bể chứa bùn dung tích 19,84m³ để lưu chứa bùn thải của Trạm xử lý.

c. Dòng nước thải đề nghị cấp phép

Nước thải sau xử lý của trạm xử lý nước thải sinh hoạt của Trung tâm, bao gồm 01 dòng nước thải đề nghị cấp phép:

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 90 m³/ngày đêm, 4,16m³/giờ. (theo công suất hệ thống xử lý nước thải).

- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau xử lý của trạm xử lý nước thải sinh hoạt của Trung tâm vào mương thoát nước khu dân cư hiện trạng của thị trấn Đu, thuộc tổ dân phố Cầu Trắng, thị trấn Đu, huyện Phú Lương.

- Giới hạn nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải trước khi xả: Nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế (QCVN 28:2010/BTNMT) (Cột B, K=1,2, trong đó các thông số: pH, Tổng coliforms, Salmonella, Shigella và

Vibrio cholera áp dụng hệ số $K = 1$).

Giới hạn hàm lượng cho phép một số thông số ô nhiễm chính như sau:

Bảng 15. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải xin cấp phép

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 28:2010/BTNMT (cột B, k=1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 - 8,5	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ, quan trắc tự động theo quy định	
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60		
3	COD	mg/l	120		
4	TSS	mg/l	120		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6	Amoni	mg/l	12		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12		
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24		
10	Coliform	MPL/100ml	5.000		
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
12	Shighella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
13	Vibrio Cholearae	Vi khuẩn/100ml	KPH		

Trong đó:

- QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.
- Cột A quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- $K = 1,2$ áp dụng cho cơ sở khám chữa bệnh.
- + Từ ngày 01/01/2032, áp dụng QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A, Bảng 1 với $F \leq 2.000\text{m}^3/\text{ngày}$, cột A, Bảng 2)

d. Vị trí, phương thức xả nước thải

- *Nguồn tiếp nhận nước thải:* Nước thải sau xử lý tại Trạm xử lý nước thải công suất $90\text{m}^3/\text{ngày}$ tự chảy vào đường ống nhựa PVC D90 chiều dài khoảng 200m chảy vào hệ thống thoát nước hiện trạng của Tổ dân phố Cầu Trắng, thị trấn Đu phía Đông của Trung tâm sau đó tiếp tục chảy vào sông Đu (cách cửa xả nước thải khoảng 1,2km).

- Vị trí xả thải: tổ dân phố Cầu Tráng, thị trấn Đu, huyện Phú Lương
 + Tọa độ vị trí xả nước thải: vị trí xả phía Đông Bắc của Trung tâm, tọa độ: X:2403067;Y:418063 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 106⁰30' múi chiều 3⁰).

- Phương thức xả: Nước thải sau xử lý tự chảy ra nguồn tiếp nhận qua đường ống PVC D90 ra nguồn tiếp nhận nước thải, xả mặt.

- Chế độ xả thải: Xả liên tục (24h/24h)

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Trung tâm không phát sinh nguồn khí thải do đó không đề nghị cấp phép đối với nội dung này.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh: Phát sinh từ máy thổi khí tại khu vực trạm xử lý nước thải.

- Tọa độ: X=2389712, Y=429802 (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 106⁰30', múi chiều 3⁰):

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn xin cấp phép đối với các vị trí như sau:

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

Bảng 16. Giá trị giới hạn xin cấp phép tiếng ồn

TT	Từ 6 - 21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt

+ Độ rung:

Bảng 17. Giá trị giới hạn xin cấp phép độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	60	55	-	Khu vực đặc biệt

Chương V: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

- Tình hình thực hiện quy định pháp luật về bảo vệ môi trường tại trung tâm:

Trung tâm y tế huyện Phú Lương rong thời gian qua đã tích cực, chủ động thực hiện đầy đủ các quy định, yêu cầu pháp luật về bảo vệ môi trường, cụ thể:

- Các thủ tục, hồ sơ về môi trường đã thực hiện:

+ Lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Bệnh viện đa khoa huyện Phú Lương (nay là trung tâm y tế huyện Phú Lương) được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 25/10/2015.

- Sở đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại Mã số quản lý chất thải nguy hại: 19.000099T ngày 27/9/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường cấp.

+ Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xả thải cho Trung tâm y tế huyện Phú Lương và được UBND tỉnh cấp giấy phép số 486/GP-UBND ngày 12/02/2018.

+ Lập hồ sơ cấp phép khai thác, sử dụng nước dưới đất cho Trung tâm y tế huyện Phú Lương và được UBND tỉnh cấp giấy phép số 3209/GP-UBND ngày 19/12/2023.

+ Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm.

+ Lập báo cáo quan trắc môi trường định kỳ.

- Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã thực hiện:

+ Thực hiện tách riêng nước mưa, nước thải.

+ Đầu tư trạm xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngđ với công nghệ xử lý sinh học sử dụng bể Aroetank – bùn hoạt tính. Đầu tư nâng cấp hệ thống năm 2020, nâng cấp trạm xử lý nước thải tập trung công suất 90 m³/ngđ, sử dụng công nghệ AO-MBBR, tăng hiệu quả xử lý và duy trì ổn định cho đến nay.

+ Thực hiện quản lý, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn y tế, nguy hại, sinh hoạt theo đúng quy định: Có kho chứa chất thải nguy hại tạm thời, có các thùng chứa riêng biệt, hợp đồng với đơn vị chức năng đi xử lý.

+ Thực hiện dừng hoạt động lò đốt chất thải y tế do không đảm bảo hiệu quả xử lý từ tháng 8/2015, chuyển sang hình thức Hợp đồng thuê xử lý.

+ Thực hiện các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn dịch bệnh, phòng cháy chữa cháy theo quy định.

* Tình hình về công tác lập báo cáo cấp Giấy phép môi trường

Trung tâm được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết tại Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 25/10/2015 cho Bệnh viện đa khoa Phú Lương (nay là Trung tâm Y tế huyện Phú Lương). Căn cứ theo điểm c khoản 3

điều 41 của Luật Bảo vệ môi trường, Trung tâm thuộc đối tượng thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường của UBND tỉnh Thái Nguyên.

Năm 2024, Trung tâm Y tế huyện Phú Lương đã phối hợp cùng đơn vị tư vấn lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Trung tâm trình UBND tỉnh Thái Nguyên để xem xét, phê duyệt GPMT theo quy định. Ngày 19/8/2024, Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là sở Nông nghiệp và Môi trường) có văn bản số 3405/STNMT-BVMT về việc trả hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trung tâm và đề nghị làm rõ thời điểm cấp giấy phép môi trường theo quy định.

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Thủ tướng Chính Phủ, Trung tâm Y tế huyện Phú Lương thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường trước khi giấy phép môi trường hành phần hết hiệu lực (Giấy phép xả thải số 486/GP-UBND ngày 12/02/2018, thời hạn 5 năm) quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 42 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

UBND tỉnh Thái Nguyên đã có Quyết định số 1496/QĐ-UBND ngày 20/5/2025 Xử phạt vi phạm hành chính đối với Trung tâm Y tế huyện Phú Lương với hành vi không có Giấy phép môi trường theo quy định.

Ngày 30/5/2025, Trung tâm đã gửi văn bản số 518/TTYT-ĐK về việc xin hoãn chấp hành xử phạt vi phạm hành chính gửi UBND tỉnh Thái Nguyên, trong đó có nêu cụ thể các lý do như sau:

Trung tâm Y tế huyện Phú Lương là đơn vị luôn xác định trách nhiệm và ý thức trong công tác bảo vệ môi trường, là một trong các đơn vị đi đầu về thực hiện thủ tục môi trường so với các đơn vị y tế trên toàn tỉnh. Ngay từ những thời điểm đầu quy định tại Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính Phủ, Trung tâm Y tế đã lập Đề án bảo vệ môi trường chi tiết và được phê duyệt tại Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 25/10/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên; là đơn vị đi đầu thực hiện cấp phép xả nước thải trong các đơn vị y tế trên toàn tỉnh, được cấp giấy phép xả thải số 486/GP-UBND ngày 12/02/2018.

Từ cuối năm 2019, trên toàn thế giới bùng phát đại dịch Covid_19, Trung tâm luôn là tuyến đầu trong công tác phòng chống dịch; tập trung toàn bộ tình hình tài chính, nhân lực và vật lực để thực hiện công tác chống dịch và phòng dịch. Đến thời điểm cuối năm 2023, sau khi tình hình dịch Covid đã được kiểm soát, các hoạt động khám chữa bệnh của Trung tâm cơ bản trở lại hoạt động ổn định, Trung tâm đã phối hợp, ký hợp đồng với đơn vị tư vấn để lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường theo quy định, trình UBND tỉnh Thái Nguyên, Sở Nông nghiệp và Môi trường để thực hiện thẩm định.

Hiện nay, tại đơn vị đang tiếp tục tập trung tối đa nhân lực và vật lực để thực hiện công tác phòng chống dịch Covid đang bùng phát trở lại. Đồng thời đơn vị đang

tập trung nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh để phục vụ nhân dân. Bên cạnh đó, cơ sở vật chất được đầu tư từ lâu, hiện nay đã xuống cấp, lạc hậu cần phải đầu tư, cải tạo, nâng cấp để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân. Do đó việc thi hành quyết định xử phạt, cụ thể là việc nộp số tiền phạt 320.000.000 đồng theo Quyết định xử phạt tại thời điểm này có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động chuyên môn và công tác chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Với các lý do nêu trên, kính đề nghị UBND tỉnh xem xét chấp thuận cho đơn vị tạm hoãn thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên.

Từ các nội dung giải trình và ý kiến tham mưu của các Sở, Ngành có liên quan, UBND tỉnh đã có Quyết định số 1749/QĐ-UBND ngày 06/6/2025 Hoãn thi hành quyết định phạt tiền đối với Trung tâm Y tế huyện Phú Lương; thời gian hoãn thi hành quyết định phạt tiền từ 06/6/2025 đến 06/9/2025. Trung tâm Y tế huyện Phú Lương chấp hành các Quyết định có liên quan, thực hiện lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường, trình UBND tỉnh Thái Nguyên, Sở Nông nghiệp và Môi trường để thực hiện thẩm định theo quy định.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ

Theo chương trình quan trắc môi trường được phê duyệt, Trung tâm thực hiện quan trắc chất lượng môi trường định kỳ với tần suất 4 lần/năm, kết quả quan trắc môi trường định kỳ như sau:

** Thời gian thực hiện quan trắc*

Năm 2024:

Đợt 1: Ngày lấy mẫu: 8/3/2024; Ngày phân tích: 9/3/2024 đến 29/3/2024.

Đợt 2: Ngày lấy mẫu: 13/6/2024; Ngày phân tích: 13/6/2024 đến 27/6/2024.

Đợt 3: Ngày lấy mẫu: 8/9/2024; Ngày phân tích: 8/9/2024 đến 21/9/2024.

Đợt 4: Ngày lấy mẫu: 7/11/2024; Ngày phân tích: 7/12/2024 đến 19/11/2024

Năm 2023:

Đợt 2: Ngày lấy mẫu: 12/6/2023; Ngày phân tích: 13/6/2023 đến 20/6/2023.

Đợt 3: Ngày lấy mẫu: 01/8/2023 ; Ngày phân tích: 02/8/2023 đến 08/8/2023

Đợt 4: Ngày lấy mẫu: 28/11/2023; Ngày phân tích: 29/11/2023 đến 06/12/2023

* Mẫu được lấy trong điều kiện không có mưa, gió nhẹ, tại thời điểm Trung tâm đang hoạt động bình thường. Mẫu được lấy và bảo quản theo các tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành, đảm bảo độ tin cậy của kết quả đo, gồm:

Bảng 18. Tổng hợp các phương pháp lấy mẫu

STT	Thông số	Mã hiệu	Tên tiêu chuẩn
1	Nước thải	TCVN 5999:1995	Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải
2	Bảo quản mẫu	TCVN 6663-3:2008	Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 3: Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu

- Một số thông số được đo tại hiện trường bằng máy đo nhanh hiện trường như: độ ẩm, tốc độ gió, nhiệt độ, áp suất khí quyển.

- Các thông số còn lại được lấy mẫu mang về đo, phân tích tại phòng thí nghiệm áp dụng theo các TCVN, ISO, EPA,...

* Kết quả quan trắc chất lượng nước thải của Trung tâm cụ thể như sau:

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

*** Tại cửa xả nước thải:**

Bảng 19. Kết quả quan trắc định kỳ chất lượng nước thải năm 2024, 2023

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2024				Năm 2023			QCVN 28:2010/ BTNMT (B), k = 1,2
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	
1	pH	-	7,2	7,3	7,1	7,0	7,0	6,81	7,4	6,5-8,5
2	BOD ₅	mg/l	26,0	22	17,3	6,9	14,5	6	13	60
3	COD	mg/l	56,4	54,9	43,3	15,4	32,1	16	36	120
4	TSS	mg/l	36	38	31	<15	<15	<15	15	120
5	NH ₄ -N	mg/l	4,5	5,6	4,6	7,0	6,6	2,8	3,6	12
6	NO ₃ ⁻ -N	mg/l	1,73	1,76	1,7	1,15	1,66	<0,07	2,14	60
7	PO ₄ ³⁻ -P	mg/l	0,372	0,323	0,371	1,06	1,48	1,49	2,2	12
8	S ²⁻	mg/l	0,178	0,185	0,151	KPH	KPH	KPH	KPH	4,8
9	Mangan	mg/l	0,18	0,068	-	-	-	-	-	-
10	Kẽm	mg/l	0,169	KPH	-	-	-	-	-	-
11	Chì	mg/l	KPH	KPH	-	-	-	-	-	-
12	Cadimi	mg/l	KPH	KPH	-	-	-	-	-	-
13	Asen	mg/l	KPH	KPH	-	-	-	-	-	-

14	Coliform	MPN/100ml	2.100	3.600	4.300	23	360	240	920	5000
15	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
16	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
17	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	KPH	KPH	-	-	-	-	-	0,1
18	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	KPH	KPH	-	-	-	-	-	1
19	V.cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
20	Dầu mỡ	mg/l	-	-	-	-	-	1,4	1,3	24

Chú thích:

- Dấu (-) là không quy định;
- Giá trị sau dấu "<" thể hiện giới hạn định lượng của phương pháp;
- Những chỉ tiêu có dấu * bên cạnh là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo Tiêu chuẩn ISO 17025:2017;
- QCVN 28:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.
- Cột B quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- K = 1,2 áp dụng cho cơ sở khám chữa bệnh khác.

Đánh giá kết quả phân tích: Kết quả đo và phân tích mẫu nước thải tại cửa xả nước thải của Trung tâm cho thấy: tất cả các đợt quan trắc, các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép khi so sánh với QCVN 28:2010/BTNMT (B ; K=1,2).

3. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường

Từ năm 2022 trở lại đây, không có đợt thanh tra về công tác bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền đối với Trung tâm, chỉ có các cuộc kiểm tra về công tác bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

Thực hiện theo Quyết định số 1606/QĐ-SYT ngày 01/8/2022 của Giám đốc Sở Y tế Thái Nguyên về việc thành lập Đoàn kiểm tra công tác quản lý, xử lý chất thải y tế tại một số cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh. Ngày 16/8/2022, Đoàn kiểm tra đã làm việc tại Trung tâm y tế huyện Phú Lương, nội dung kiểm tra bao gồm Công tác quản lý chất thải y tế theo Thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và các quy định có liên quan. Kết quả kiểm tra của đoàn như sau:

Trung tâm đã thực hiện phân loại, thu gom và vận chuyển xử lý chất thải y tế theo Thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ y tế. Lập sổ sách bàn giao chất thải y tế theo quy định. Khu vực lưu giữ chất thải tại Trung tâm có mái che, nền khu vực đảm bảo không ngập lụt, có các dụng cụ, thiết bị lưu giữ chất thải riêng (thùng, tủ bảo ôn) dán nhãn cảnh báo.

- Đoàn kiểm tra đề nghị:

+Trung tâm tiếp tục thực hiện quản lý chất thải rắn theo Thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ y tế.

+ Thực hiện rà soát đánh giá quy mô, công suất của đơn vị để thực hiện xin cấp Giấy phép môi trường theo Luật bảo vệ môi trường trước khi giấy phép xả thải vào nguồn nước hết hiệu lực.

Trung tâm nhất trí với các ý kiến đề nghị của Đoàn kiểm tra và thực hiện các nội dung theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra cụ thể như sau:

- Trung tâm được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết tại Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 25/10/2015 cho Bệnh viện đa khoa Phú Lương (nay là Trung tâm y tế huyện Phú Lương). Căn cứ theo điểm c khoản 3 điều 41 của Luật Bảo vệ môi trường, Trung tâm thuộc đối tượng thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường của UBND tỉnh Thái Nguyên.

Thực hiện ký kết hợp đồng với Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường thực hiện lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường, trình UBND tỉnh Thái Nguyên, Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt theo quy định.

Chương VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Dự án thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại Khoản 4, Điều 31, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Trung tâm đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình trạm xử lý nước thải cụ thể như sau:

Bảng 20. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải

Tên công trình vận hành thử nghiệm	Thời gian bắt đầu	Công suất dự kiến đạt được
Trạm xử lý nước thải công suất 90m ³ /giờ	06 tháng kể từ khi được cấp giấy phép môi trường và đủ điều kiện vận hành thử nghiệm	50%

Trung tâm thực hiện đầy đủ các yêu cầu theo quy định tại điều 46 Luật Bảo vệ môi trường 2020 và khoản 13, điều 1, Nghị định 05/2025/NĐ-CP quy định về vận hành thử nghiệm sau khi được cấp giấy phép môi trường. Gửi văn bản thông báo tới Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ít nhất là 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý môi trường để theo dõi, giám sát.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

a. Kế hoạch chi tiết lấy mẫu chất thải

Nhằm đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải, Trung tâm sẽ phối với đơn vị quan trắc, phân tích đủ năng lực để tiến hành đo đạc, lấy mẫu và phân tích nước thải.

Trung tâm không thuộc trường hợp các đối tượng có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. Do đó căn cứ khoản 5 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT, đơn vị tự quyết định việc quan trắc chất thải nhưng đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu, kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải (nước thải) trong giai đoạn vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải cụ thể như sau:

Bảng 21. Kế hoạch dự kiến thời gian đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải giai đoạn vận hành ổn định

Tên công trình	Số lần thử nghiệm	Số lần thử nghiệm	Tần suất	Thông số đo đạc, phân tích
Trạm xử lý nước thải	3	Lấy mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong thời gian vận hành thử nghiệm	03 mẫu đầu ra trong 3 ngày liên tiếp	Lưu lượng, pH, BOD ₅ , COD, TSS, S ²⁻ ; NO ₃ ⁻ ; NH ₄ ⁺ ; PO ₄ ³⁻ ; Coliform; dầu mỡ; Salmonella; Shigella; V.Cholerae

b. Đơn vị phối hợp thực hiện

Dự kiến phối hợp với các đơn vị đủ năng lực, đủ chức năng quan trắc môi trường và được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép. Đơn vị dự kiến:

Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường Thái Nguyên

Địa chỉ liên hệ: Số 425A, đường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên.

Điện thoại: 0208.3750.876 - Fax: 0208.3657.366 - Email: cemp@vnn.vn

Website: <http://quantrac.tnmtthainguyen.gov.vn>

- Chứng chỉ Hệ thống quản lý của Trung tâm đạt Tiêu chuẩn ISO 17025;

- Phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc gia mã số VILAS 154;

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường mã số VIMCERTS 024.

2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định

2.1. Nước thải

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ đối với nước thải theo quy định tại khoản 2 điều 97 và phụ lục XXVIII kèm theo của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

2.2. Khí thải

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục và định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 và khoản 2 Điều 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

2.3. Đối với chất thải rắn

- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.

- Chỉ tiêu giám sát: Khối lượng, chủng loại, hóa đơn và chứng từ giao nhận.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/TT-

BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ y tế.

Chương VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Trung tâm Y tế huyện Phú Lương cam kết :

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ

Trung tâm Y tế huyện Phú Lương cam kết các nội dung, thông tin trong Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường này và các giấy tờ, tài liệu kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

Trung tâm Y tế huyện Phú Lương cam kết thực hiện đầy đủ chương trình quản lý môi trường; Tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường, cam kết cụ thể như sau:

**** Cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp xử lý các loại chất thải***

- Các vấn đề liên quan đến chất thải

+ Xử lý nước thải: Nước thải xét nghiệm và Nước thải sinh hoạt được thu gom toàn bộ về hệ thống xử lý nước thải để xử lý trước khi thải ra môi trường. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT (cột B, k=1,2).

+ Xử lý chất thải rắn:

Đối với chất thải tái chế phát sinh trong quá trình khám chữa bệnh được thu gom, phân loại và tái sử dụng hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom;

Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí đội vệ sinh môi trường có trách nhiệm thu gom rác thải, trang bị các thùng chứa rác, giám sát hoạt động của đơn vị xử lý CTR được thuê theo hợp đồng;

Đối với chất thải nguy hại: Quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021. Đồng thời ký hợp đồng với đơn vị thu gom chất thải có chức năng và đủ thẩm quyền.

- Về các vấn đề không liên quan đến chất thải

+ Đảm bảo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và các sự cố, rủi ro môi trường.

+ Thực hiện đầy đủ những quy định của pháp luật về sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường.

+ Trung tâm cam kết vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung đạt yêu cầu cho phép.

+ Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

+ Cam kết báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

Trung tâm rất mong nhận được sự giúp đỡ của UBND tỉnh Thái Nguyên, Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có chức năng để có thể thực hiện tốt nhất các quy định liên quan đến hoạt động bảo vệ môi trường.

Trung tâm cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm các quy định của pháp luật về môi trường./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~1107~~ /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày ~~14~~ tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Phú Lương trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Y tế huyện Phú Lương và Bệnh viện đa khoa huyện Phú Lương trực thuộc Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/6/2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 33/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ của Trạm y tế xã, phường, thị trấn

Căn cứ Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 37/2016/TT-BYT ngày 25/10/2016 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 176-NQ/BCSD ngày 29/12/2017 của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh Thái Nguyên về công tác cán bộ và tổ chức bộ máy;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Phú Lương trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Y tế huyện Phú Lương và Bệnh viện đa khoa huyện Phú Lương trực thuộc Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên để thực hiện mô hình Trung tâm Y tế hai chức năng.

- Trung tâm Y tế huyện Phú Lương là đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên; có tư cách pháp nhân, trụ sở, con dấu, tài khoản riêng tại kho bạc nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật.

- Trụ sở làm việc:

+ Cơ sở 1: Tiểu khu Cầu Trắng, thị trấn Đu, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

+ Cơ sở 2: Tiểu khu Trảng Học, thị trấn Đu, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Y tế huyện Phú Lương được thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 37/2016/TT-BYT ngày 25/10/2016 của Bộ Y tế.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức, biên chế của Trung tâm Y tế huyện Phú Lương:

1. Về tổ chức bộ máy:

1.1. Lãnh đạo: Có Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

1.2. Các phòng, khoa thuộc Trung tâm Y tế huyện Phú Lương gồm có:

- Phòng Tổ chức - Hành chính;
- Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ;
- Phòng Tài chính - Kế toán;
- Phòng Điều dưỡng - Kiểm soát nhiễm khuẩn;
- Khoa Khám bệnh;
- Khoa Nội - Nhi - Truyền nhiễm - Hồi sức cấp cứu;
- Khoa Ngoại - Chăm sóc sức khỏe sinh sản - Liên chuyên khoa (Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng);
- Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng;
- Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh;
- Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế;
- Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS;
- Khoa An toàn thực phẩm;
- Khoa Y tế công cộng và dinh dưỡng;

Phòng có trưởng phòng và phó trưởng phòng; khoa có trưởng khoa và phó trưởng khoa. Số lượng cấp phó phòng và cấp phó khoa không quá 02 người. Không nhất thiết phòng và khoa đều phải có cấp phó.

1.3. Các đơn vị thuộc Trung tâm Y tế huyện Phú Lương:

- Các Trạm Y tế xã: Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 33/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 của Bộ Y tế;
- Cơ sở điều trị và cấp phát thuốc thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone.

2. Biên chế viên chức, số lượng người làm việc của Trung tâm Y tế huyện Phú Lương được UBND tỉnh giao theo kế hoạch biên chế hàng năm và nằm trong tổng biên chế của Sở Y tế.

3. Xếp hạng Trung tâm: Trung tâm Y tế huyện Phú Lương tạm thời xếp hạng III theo quy định tại Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005 của Bộ Y tế hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế.

4. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ, chính sách đối với viên chức lãnh đạo, quản lý thuộc Trung tâm Y tế huyện Phú Lương theo phân cấp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh và theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Y tế có trách nhiệm:

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và thẩm quyền được giao, có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này theo thẩm quyền được phân cấp.

- Chủ trì tổ chức thực hiện chuyển giao nguyên trạng biên chế, nhân sự, cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc và các nội dung khác có liên quan của Bệnh viện đa khoa huyện Phú Lương về Trung tâm Y tế huyện Phú Lương theo quy định của pháp luật.

- Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Trung tâm Y tế huyện Phú Lương và sắp xếp, bố trí biên chế, số lượng người làm việc đối với Trung tâm Y tế huyện Phú Lương theo thẩm quyền được phân cấp.

3. Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan, căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn tổ chức thực hiện Quyết định này.

4. Thời gian tổ chức thực hiện bàn giao, tiếp nhận trong tháng 6 năm 2018; Thời điểm chốt số liệu bàn giao là ngày 30/6/2018. Trung tâm Y tế huyện Phú Lương bắt đầu hoạt động kể từ ngày 01/7/2018.

Điều 5. Quy định chuyển tiếp

- Trong thời gian tổ chức thực hiện tiếp nhận, bàn giao, Bệnh viện đa khoa huyện Phú Lương tiếp tục hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và cơ chế tài chính đã được giao.

- Trước mắt số lượng cấp phó (Phó Giám đốc) của Trung tâm Y tế huyện Phú Lương được phép cao hơn quy định, nhưng khi có cấp phó nghỉ hưu hoặc điều chuyển công tác thì không được bổ sung; đồng thời phải có giải pháp điều chuyển, sắp xếp lại số lượng cấp phó trong thời hạn tối đa 03 năm kể từ ngày 01/7/2018;

- Các trường hợp là viên chức lãnh đạo, quản lý sau khi sắp xếp tổ chức, được bổ nhiệm có hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo thấp hơn so với phụ cấp chức vụ lãnh đạo cũ hoặc thôi không giữ chức vụ lãnh đạo, được bảo lưu hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo cũ cho đến hết thời hạn giữ chức vụ đã được bổ nhiệm trước khi sắp xếp tổ chức.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, bãi bỏ các quy định trước đây trái với nội dung Quyết định này.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Y tế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Phú Lương; Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Phú Lương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*pc*

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
 - Thường trực Tỉnh uỷ;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - CT và các PCT UBND tỉnh;
 - Công an tỉnh;
 - Sở Nội vụ (2b);
 - Sở Tài chính (2b);
 - Sở Y tế (4b);
 - Kho bạc Nhà nước tỉnh;
 - LĐVP: Đ/c Lãnh Đ/c Trưởng;
 - Lưu: VT, NC.
- Taint\QuyetDinh.22b

CHỨNG THỰC BẢN CHÍNH
Ngày: 04-03-2021
Số chứng thực: 1089. Quyển số: 21...SCT/BS

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Hồng Bắc



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND
Đào Quốc Tấn**

Số: 109 /TD-PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số: 128/BVPL-TCHC ngày 18/5/2018 của Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Lương

Người đại diện là Ông/ Bà: Dương Văn Thanh Chức danh: Giám đốc

**CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY TỈNH THÁI NGUYÊN
CHỨNG NHẬN:**

**CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, CẢI TẠO, NÂNG CẤP CƠ SỞ VẬT CHẤT
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN PHÚ LƯƠNG - HẠNG MỤC: CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY**

Địa điểm xây dựng: Thị trấn Du, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên

Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Lương

Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng VN ASEAN

Đã được thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Vị trí xây dựng, quy mô, diện tích
- Khoảng cách an toàn, đường bãi cho xe chữa cháy
- Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà

**CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Ngày: 15-04-2024

Số chứng thực: 0070 Quyền số: 01 SCT/BS

theo tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 6 năm 2018

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư (Thực hiện);
- Phòng 6
- Lưu: TD



**CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Thu Thảo**



Đại tá Nguyễn Văn Thục

THẨM DUY
VĂN PHÒNG
CÔNG CHỨNG
NGUYỄN THU THẠO
TÊN

[illegible]



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

/GP-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 02 năm 2018

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 45/2014/QĐ-UBND ngày 07/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành quy định quản lý, bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Bệnh viện đa khoa huyện Phú Lương ngày 12/01/2018 và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 46/TTr-STNMT ngày 02/02/2018 về việc cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước cho Bệnh viện đa khoa huyện Phú Lương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Bệnh viện đa khoa huyện Phú Lương, có địa chỉ tại tiểu khu Cầu Trắng, thị trấn Đu, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, được xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước thải chung của thị trấn Đu thuộc tiểu khu Cầu Trắng, thị trấn Đu, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

2. Vị trí xả nước thải: tiểu khu Cầu Trắng, thị trấn Đu, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Tọa độ vị trí xả nước thải theo hệ tọa độ Quốc gia VN 2000 (Kinh tuyến trực là $106^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): $X = 2403067$ m; $Y = 418063$ m;

3. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý được bơm bằng máy bơm công suất 6 m³/h vào đường ống nhựa HDPE D200 dài khoảng 150m, đặt trong lòng mương thoát nước mưa và xả vào nguồn tiếp nhận.

4. Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn, không liên tục, 03 lần xả /ngày đêm, thời gian một lần xả 2,8 giờ/lần.

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 50 m³/ngày đêm; 6 m³/giờ.

6. Chất lượng nước thải: giá trị các thông số ô nhiễm được phép xả vào nguồn nước không vượt quá giá trị quy định tại cột B của QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn Quốc gia về nước thải y tế, với hệ số K=1,2. Trong đó giá trị các thông số ô nhiễm đặc trưng được quy định ở bảng 1.

Bảng 1. Giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải trước khi xả

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 28:2010/BTNMT (cột B, hệ số K=1,2)
1	pH	-	6,5-8,5
2	BOD ₅	mg/l	60
3	COD	mg/l	120
4	TSS	mg/l	120
5	S ²⁻	mg/l	4,8
6	NO ₃ -N	mg/l	60
7	NH ₄ ⁺ -N	mg/l	12
8	PO ₄ ³⁻ -P	mg/l	12
9	Dầu mỡ	mg/l	24
10	Coliform	MPN/100ml	5000
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH
13	V.cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH
14	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
15	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1

7. Thời hạn cấp giấy phép: 05 (năm) năm, kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Bệnh viện đa khoa huyện Phú Lương:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước.

3. Thực hiện quan trắc nước thải trước khi vào hệ thống xử lý; quan trắc lưu lượng và chất lượng nước thải sau khi qua hệ thống xử lý với các thông số quan trắc quy định tại bảng 1, Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này; Tần suất quan trắc 03 tháng/01 lần; quan trắc lưu lượng nước thải: hàng ngày.

4. Thu gom, xử lý nước thải theo đúng quy trình, thiết kế nêu trong hồ sơ, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn tiếp nhận; thực hiện đúng các biện pháp, kế hoạch giảm thiểu ô nhiễm, khắc phục sự cố và các cam kết như đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có thông số nào không đạt yêu cầu quy định và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

5. Hằng năm, trước 15 tháng 11, tổng hợp báo cáo gửi Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải, nước nguồn tiếp nhận theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

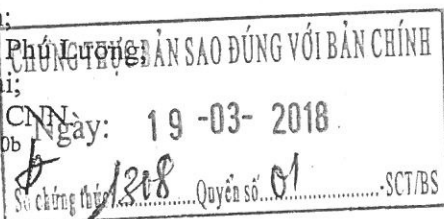
Điều 3. Bệnh viện đa khoa huyện Phú Lương được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi ngày (90) trước khi giấy phép hết hạn, nếu Bệnh viện đa khoa huyện Phú Lương còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bệnh viện đa khoa huyện Phú Lương;
- Cục quản lý tài nguyên nước;
- Sở TN&MT;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND huyện Phú Lương;
- LDVP: đ/c Hải;
- Lưu: HS, VT, CNTT

DAT. QĐ.06/02.10b



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Nhữ Văn Tâm



CHỦ TỊCH UBND THỊ TRẦN DU
Nguyễn Quế Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3109 /GP-UBND

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 12 năm 2023

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi một số Điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất của Trung tâm Y tế huyện Phú Lương ngày 15/11/2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 961/TTr-STNMT ngày 07/12/2023 về việc cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất cho Trung tâm Y tế huyện Phú Lương tại thị trấn Du, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Trung tâm Y tế huyện Phú Lương, địa chỉ tại thị trấn Du, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên được khai thác, sử dụng nước dưới đất với các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Cấp nước phục vụ nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh và ăn uống, sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên.

2. Vị trí công trình khai thác: Thị trấn Du, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

3. Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt: Bán kính 20m tính từ miệng giếng.

4. Tầng chứa nước khai thác:

+ Giếng đào G1 khai thác nước từ tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích lục nguyên Devon dưới - d_1 ;

+ Giếng đào G2 và G3 khai thác nước từ tầng chứa nước khe nứt trong trầm tích biến chất Ordovic trên - Silur (O_3-s).

5. Số giếng khai thác nước dưới đất: 03 giếng.

6. Tổng lượng nước khai thác: $45 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$;

7. Chế độ khai thác trong năm: 365 ngày/năm.

8. Thời hạn của giấy phép là: Mười (10) năm.

Vị trí tọa độ, lưu lượng và các thông số của công trình cụ thể như sau:

Số hiệu	Tọa độ (Hệ VN2000, kinh tuyến trục $106^{\circ}30'$ múi chiếu 3°)		Lưu lượng ($\text{m}^3/\text{ngày đêm}$)	Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y		Từ	Đến		
G1	2.403.045	418.014	32	3,5	6,5	5,0	d_1
G2	2.402.976	417.972	8	3,75	8,0	5,87	O_3-s
G3	2.403.025	417.953	5	3,25	7,2	5,22	O_3-s

(Có sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước kèm theo)

Điều 2. Các yêu cầu cụ thể đối với Trung tâm Y tế huyện Phú Lương:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện việc quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước trong quá trình khai thác theo quy định.

3. Phối hợp với các tổ chức, cá nhân liên quan xác định ranh giới phạm vi của vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình trên thực địa.

4. Bảo vệ nguồn nước do mình trực tiếp khai thác, sử dụng; theo dõi, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình. Trường hợp phát hiện hành vi gây ô nhiễm hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm, không bảo đảm an toàn cho việc khai thác nước của công trình và các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước khác trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác thì phải kịp thời ngăn chặn, đồng thời báo cáo ngay đến chính quyền địa phương nơi gần nhất để xử lý.

5. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định.

6. Thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Tài nguyên nước.

7. Hằng năm, trước ngày 30 tháng 01, tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; các kết quả quan trắc theo quy định tại khoản 2 Điều này.

8. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường.

9. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương nếu có sự cố bất thường xảy ra liên quan đến hoạt động khai thác nước dưới đất như sụt lún mặt đất, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước.

Điều 3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào cơ sở dữ liệu thông tin giấy phép tài nguyên dùng chung của trung ương và địa phương; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất của công trình này.

Điều 4. Trung tâm Y tế huyện Phú Lương được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1, Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

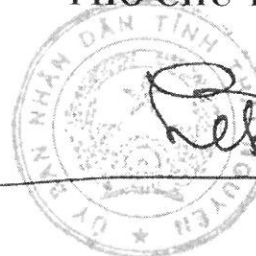
Điều 5. Giấy phép có hiệu lực từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Trung tâm Y tế huyện Phú Lương còn nhu cầu khai thác, sử dụng nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục xin gia hạn giấy phép theo quy định; nếu không có nhu cầu khai thác, sử dụng giếng khoan phải thực hiện trám lấp giếng theo quy định. /.

Nơi nhận:

- Trung tâm Y tế huyện Phú Lương;
- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Phú Lương;
- Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên;
- LDVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNNXD.

Manhpn/vbt/12/2023 *Nh*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

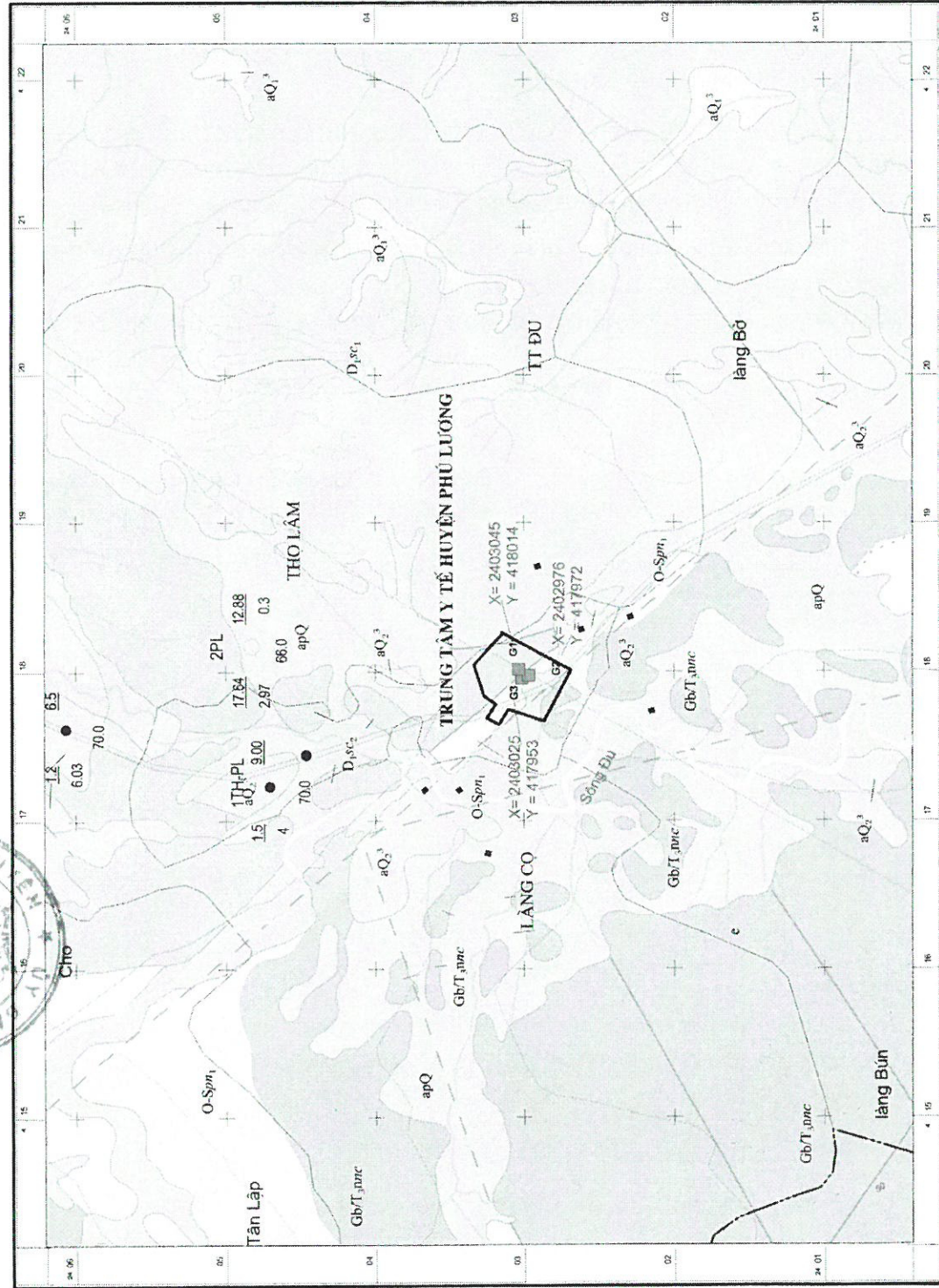


Lê Quang Tiến

SƠ ĐỒ KHU VỰC VÀ VỊ TRÍ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN PHÚ LƯƠNG - THỊ TRẤN ĐU - HUYỆN PHÚ LƯƠNG - TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Giấy phép số 409/GP-UBND ngày 10.12.2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)



TỶ LỆ 1:25.000

Đơn vị bản đồ: 1:25.000, 1:50.000, 1:100.000

CHỈ DẪN

Tọa độ vị trí giếng đào

STT	Ký hiệu giếng	Tọa độ VN2000- (KTT 10°50' - Mũi chim 7°)	
		X (m)	Y (m)
1	G1	2403045	418014
2	G2	2402976	417953
3	G3	2403025	417953

Ranh giới Trung tâm Y tế
huyện Phú Lương



G1 Giếng đào xin cấp phép khai thác



1TH-PL Giếng khoan ĐCTV



Ranh giới tầng chứa nước



Sông suối- Sông Đu



Đứt gãy thuận



Điểm dân cư



Ranh giới xã



Đường đẳng cao

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
THU GOM VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ RÁC THẢI SINH HOẠT
Số: 08

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc Ban hành quy định về giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ năng lực của Ban quản lý Môi trường - Đô thị huyện Phú Lương;

Căn cứ vào nhu cầu thực tế cần được thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải của cá nhân, đơn vị.

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2022 tại Trung tâm Y tế huyện Phú Lương – tỉnh Thái Nguyên.

Chúng tôi gồm có:

Bên A: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Địa chỉ: TDP Cầu Tráng, Thị trấn Đu, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

MST: 4600942987

Số TK: 3714.0.1073087.00000/9523.2.1073087 tại Kho bạc Nhà nước Phú Lương.

Đại diện là ông: Nguyễn Tuấn Trung Chức vụ: Giám đốc

Bên B: BAN QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Địa chỉ: Thị trấn Đu, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại: 02083.874.636

MST: 4601 263 145

Số tài khoản: 3714.0.1118689.00000 tại Kho bạc Nhà nước Phú Lương.

Đại diện là Ông: Phan Thanh Lượng Chức vụ: Trưởng ban

Hai bên thống nhất thỏa thuận ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý rác gồm các điều khoản sau:

Điều 1. Điều khoản chung

1. Tần suất thu gom, vận chuyển, xử lý rác: Theo lịch trình tuyến thu gom tại địa bàn thị trấn Đu;

2. Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt: Mức giá dịch vụ bên A phải nộp cho bên B được tính dựa theo lượng rác thải thực tế mà bên A phát sinh, và được xây dựng dựa trên định mức đơn giá theo quyết định số 32/2021/QĐ-UBND

ngày 28/6/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc Ban hành quy định về giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

- Giá dịch vụ là: 3.150.000 đồng/một tháng;

(Viết bằng chữ: Ba triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng trên một tháng)

- Mức giá có thể được điều chỉnh nếu lượng rác thải phát sinh của bên A thay đổi.

3. Địa điểm nhận thu gom, vận chuyển rác:

Bên A phải tự thu gom rác thải sinh hoạt đến địa điểm tập kết rác của đơn vị mình, rác được đựng trong các dụng cụ chứa hợp vệ sinh.

4. Thời gian thực hiện từ ngày 01/01/2022.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của bên A:

1. Quyền của bên A: Được vận chuyển và xử lý rác thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

2. Nghĩa vụ của bên A:

- Tập hợp rác thải trong các dụng cụ chứa hợp vệ sinh để bên B tiến hành thu gom;

- Thanh toán đầy đủ số tiền giá vệ sinh đã nêu tại Điều 1 cho bên B theo từng quý của năm;

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt;

- Tôn trọng, chấp hành đúng các quy định của bên B và các quy định khác về pháp luật bảo vệ môi trường;

- Khi tiến hành các hoạt động cải tạo hoặc phá dỡ công trình xây dựng phải thực hiện đăng ký với Bên B để đổ chất thải đúng nơi quy định.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của bên B

1. Quyền của bên B:

- Yêu cầu bên A tập kết rác thải đúng địa điểm, đựng rác trong các dụng cụ chứa hợp vệ sinh;

- Từ chối vận chuyển và xử lý chất thải nếu như rác thải có thành phần nguy hại hay tính chất đặc biệt không phù hợp với chất thải đặc thù phát sinh của bên A;

2. Nghĩa vụ của bên B:

- Bên B phải có phương tiện vận chuyển chuyên dụng, đảm bảo vệ sinh môi trường. Trong quá trình vận chuyển rác thải, không được làm rò rỉ, rơi vãi chất thải, gây phát tán bụi, mùi;

- Bảo đảm vận chuyển rác thường xuyên theo tần suất đã nêu tại Điều 1, không để rác tồn đọng gây ô nhiễm môi trường;

PHÚ
AN QU.
TRƯỜNG
YÊN PHÚ
10 *

- Xử lý rác đúng theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 4. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

1. Bên nào vi phạm hợp đồng, thì phải chi trả cho bên bị vi phạm tiền phạt vi phạm hợp đồng, chi phí để ngăn chặn hạn chế thiệt hại do vi phạm gây ra;

2. Khi đã ký hợp đồng, bên nào không thực hiện hợp đồng hoặc đơn phương đình chỉ hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị phạt 100% giá trị phần tổng giá dịch vụ đã ký hợp đồng.

Điều 5. Giải quyết tranh chấp hợp đồng

1. Nếu có vấn đề gì bất lợi các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực giải quyết trên cơ sở thỏa thuận bình đẳng, cùng có lợi;

2. Trường hợp các bên không tự giải quyết xong thì thống nhất sẽ khiếu nại tới Tòa án nhân dân huyện Phú Lương;

3. Chi phí cho những hoạt động kiểm tra xác minh và lệ phí Tòa án do bên có lỗi chịu.

Điều 6. Hiệu lực của hợp đồng

Hợp đồng có hiệu lực kể từ 01/01/2022. Sau 15 ngày kể từ khi bên A có văn bản đề nghị dừng sử dụng dịch vụ, hai bên thực hiện xong các điều khoản trong hợp đồng mà không còn vướng mắc gì thì hợp đồng mặc nhiên được thanh lý.

Hợp đồng này gồm 03 trang, được lập thành 02 bản bên A giữ 01 bản, bên B giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Tuấn Trung

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Phan Thanh Lượng



SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN

ĐOÀN KIỂM TRA

Theo Quyết định số 1606/QĐ-SYT

ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Sở Y tế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 8 năm 2022



BIÊN BẢN

**KIỂM TRA CÔNG TÁC QUẢN LÝ, XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ TẠI
CƠ SỞ Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2022**

Thực hiện Quyết định số 1606/QĐ-SYT ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Giám đốc Sở Y tế Thái Nguyên về việc thành lập Đoàn Kiểm tra công tác quản lý, xử lý chất thải y tế tại một số cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.

Hôm nay, vào hồi 14h... ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại:.....

Trung tâm y tế Phú Lương

Đoàn Kiểm tra theo Quyết định số 1606/QĐ-SYT đã tiến hành kiểm tra công tác quản lý, xử lý chất thải y tế tại một số cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.

Thành phần Đoàn Kiểm tra gồm:

1. Ông (bà): Lý Văn Cảnh - Trưởng phòng ATVSTP, Sở Y tế - P. Trưởng đoàn
2. Ông (bà): Hà Thanh Hằng - Phó Trưởng phòng ATVSTP - Thành viên
3. Ông (bà): Ngô Thanh Sơn, Chuyên viên phòng Kế hoạch Tài chính Sở Y tế - Thành viên
4. Ông (bà): Lâm Thị Minh Thảo, chuyên viên phòng ATVSTP Sở Y tế - Thư ký
5. Ông (bà): Phòng Văn Hiến - Chuyên viên Chi cục Bảo vệ Môi trường
6. Ông (bà): /
7. Ông (bà): /

Đại diện đơn vị:

1. Ông (bà): Nguyễn Xuân Hưng - Giám đốc
2. Ông (bà): Dương Đức Chiến - Trưởng phòng TC HC
3. Ông (bà): Vũ Thành Nhân - Phòng Điện đường - KSNK
4. Ông (bà):
5. Ông (bà):
6. Ông (bà):
7. Ông (bà):



I. Nội dung, phương pháp và địa điểm kiểm tra

1. Nội dung kiểm tra:

- Công tác quản lý chất thải y tế theo Thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và các quy định khác có liên quan.

2. Phương pháp kiểm tra:

- Kiểm tra hồ sơ sổ sách, tài liệu có liên quan;
- Kiểm tra trực tiếp tại một số khoa, phòng về các nội dung nêu trên.

3. Địa điểm kiểm tra:

Tại *Trung tâm y tế Phú Lương*

II. Kết quả kiểm tra

Căn cứ vào báo cáo của *Trung tâm y tế Phú Lương*, kết quả nghiên cứu hồ sơ tài liệu và kiểm tra thực tế, Đoàn Kiểm tra tiến hành lập Biên bản kiểm tra công tác quản lý môi trường y tế với những nội dung sau:

1. Thông tin chung:

- Tên cơ sở y tế (chủ nguồn thải): *Trung tâm y tế Phú Lương*
- Xếp hạng bệnh viện:
- Mã số QLCTNH: *19.0000.99.T*
- Số giường kế hoạch: *170*; Số giường thực kê: *190* Đơn vị có ... khoa, phòng
- Các loại chất thải phát sinh tại đơn vị:
- + Chất thải lây nhiễm: *1903* kg/
- + Chất thải nguy hại không lây nhiễm: *50 kg*
- + Chất thải tái chế: *0*
- + Chất thải y tế thông thường (không bao gồm cả chất thải tái chế): *18.900 kg*
- Lượng nước thải y tế phát sinh: *8212 m³*

2. Các kết quả chính đã đạt được:

2.1. Về công tác quản lý chất thải y tế

a) Hồ sơ về quản lý chất thải y tế:

- *Trung tâm y tế Phú Lương có Quyết định số 1707/QĐ-VBND ngày 21/6/2018 và tổ chức tại Trung tâm y tế Phú Lương*

- và Bệnh viện đa khoa Phú Lương sát nhập thành Trung tâm y tế Phú Lương tỉnh Thái Nguyên.
- Đề án bảo vệ môi trường chi tiết tại điểm 11B/NID tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 25/10/2015 cho Bệnh viện đa khoa Phú Lương.
 - Sở đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại Mã số ĐC/TN: 19.000099.T ngày 27/12/2019 của Sở tại nguồn môi trường Thái Nguyên.
 - Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 486/GP-UBND ngày 12/02/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên cho Bệnh viện đa khoa Phú Lương.

- Hợp đồng thu gom, xử lý chất thải y tế:

- Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại ngày 04/10/2022 với Công ty TNHH Môi trường Sống Công.
- Hợp đồng thu gom xử lý chất thải sinh hoạt với Ban Quản lý môi trường & đô thị huyện Phú Lương.

H.C
SỞ
YT
THÁI NGUYÊN

b) Về quản lý chất thải y tế:

- Trung tâm xây dựng kế hoạch số 998/KH-TT/T ngày 24/12/2021 về Phòng ngừa, ứng phó và có môi trường cho chất thải y tế năm 2022.
- Hằng ngày chất thải y tế được phân loại & thu gom về khu vực lưu giữ chất thải y tế của Trung tâm và đưa đến vị vận chuyển mang đi xử lý theo quy định.

Trung tâm không phát sinh khí thải đại thủ.

c) Về quản lý nước thải y tế:

Trung tâm có hệ thống xử lý nước thải y tế theo công nghệ AO được đưa vào vận hành năm 2010, nâng cấp cải tạo năm 2019, tiếp tục vận hành 2020 với công suất 90 m³/ngày đêm. (Đã được cấp giấy phép xả thải)

d) Về việc thực hiện quan trắc nước thải y tế:

- Thực hiện quan trắc môi trường nước thải với tần suất 3 tháng/lần do công ty có phân FJC tại Thái Nguyên thực hiện.

3. Một số tồn tại của đơn vị:

III. Kết luận và kiến nghị

1. Kết luận và đề nghị của Đoàn Kiểm tra:

1.1. Kết luận:

- Đã thực hiện phân loại, thu gom & vận chuyển, xử lý chất thải y tế theo Thông tư 20/BYT. Lập sổ sách bàn giao chất thải y tế theo quy định. Khu vực lưu giữ chất thải tại Trung tâm có mái che, nên khu vực đảm bảo không ngập lụt, có dụng cụ, thiết bị lưu giữ chất thải riêng (thùng, tủ bảo ôn) đảm bảo cảnh báo.

1.2. Đề nghị:

- Tiếp tục thực hiện theo Thông tư 20/2021/TT-BYT
- Thực hiện rà soát, đánh giá quy mô, công suất hoạt động của đơn vị để thực hiện xin cấp giấy phép mở trường theo luật Bảo vệ RLS, hướng dẫn khi giấy phép xả thải vào nguồn nước hết hiệu lực

2. Ý kiến của đơn vị:

Thực hiện đề nghị của Đoàn

Biên bản được lập thành 02 bản tại Trung tâm y tế Phú Lương vào hồi ... h ... cùng ngày; đã được toàn thể các thành viên Đoàn Kiểm tra và Lãnh đạo Trung tâm nhất trí thông qua. Đoàn Kiểm tra giữ 01 bản, đơn vị được kiểm tra giữ 01 bản để làm căn cứ thực hiện./.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tuấn Trung

ĐOÀN KIỂM TRA P. TRƯỞNG ĐOÀN

[Handwritten signature]

Lý Văn Cảnh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

Số: **051**24/SC – TTYTPL

HỢP ĐỒNG

THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ NGUY HẠI NĂM 2024

- Căn cứ luật số 72/2020/QH14 Luật Bảo vệ Môi trường ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 được quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua.
- Căn cứ Nghị Định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ về quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường
- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2024, Tại Trung tâm Y tế huyện Phú Lương, chúng tôi gồm:

Bên A: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Địa chỉ : Thị trấn Đu, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên
Người đại diện : Ông NGUYỄN TUẤN TRUNG Chức vụ: Giám đốc
Điện thoại : 0208 3874 205 Fax:
Tài khoản : 3716.0.1073087.00000 Tại kho bạc Nhà nước Phú Lương
Mã số thuế : 4600942987

Bên B: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SÔNG CÔNG

Địa chỉ : Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.
Người đại diện : Bà BUI THỊ HƯƠNG Chức vụ: Tổng Giám đốc
Điện thoại : 0989.691.668 Fax:
Tài khoản : 0961000555888 Tại ngân hàng Vietcombank – CN Đông Anh
Mã số thuế : 4601328385

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1: Bên A thuê Bên B thực hiện những công việc sau:

Thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý chất thải y tế (bao gồm chất thải nguy hại và không nguy hại, chất thải tái chế) phát sinh trong quá trình khám chữa bệnh của Bên A theo đúng các quy định về quản lý chất thải và bảo vệ môi trường của pháp luật Việt Nam hiện hành.

Điều 2: Đặc tính chất thải, địa điểm, thời gian giao nhận, phương tiện vận chuyển:

1. Đặc tính chất thải: Chất thải y tế (Bao gồm chất thải nguy hại và không nguy hại, chất thải tái chế) phát sinh trong quá trình khám chữa bệnh của Trung tâm y tế huyện Phú Lương Các chất thải có thể ở dạng rắn, bùn hoặc lỏng.

2. Địa điểm giao nhận chất thải: Tại kho tập kết lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại của bên A. Địa chỉ: TDP Cầu Tráng, Thị Trấn Đu, huyện Phú Lương, Thái Nguyên.
3. Địa điểm lưu giữ, xử lý chất thải: Công ty TNHH Môi trường Sông Công, thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.
4. Thời gian giao nhận: Thời gian giao nhận chất thải được hai bên thỏa thuận thống nhất: 7 ngày/lần.
(Thời gian giao nhận chất thải được hai bên thỏa thuận thống nhất vào ngày thứ năm hàng tuần, và khi đột xuất có nhu cầu chất thải phát sinh nhiều (Trung tâm Y tế huyện Phú Lương sẽ báo trước 01 ngày). Thời gian hai bên sẽ sắp xếp để không làm ảnh hưởng tới việc KCB cho bệnh nhân.)
5. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng và nhân công bốc xếp.
6. Phương thức xử lý: theo đúng phương án xử lý được qui định tại Giấy phép hành nghề quản lý CTNH số: 1-2-3-4-5-6.134.VX của bên B do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép lần 02.

Điều 3: Đơn giá và thể thức thanh toán:

1. Công ty TNHH Môi trường Sông Công nhận thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý các loại chất thải nguy hại, không nguy hại và chất thải y tế của Trung tâm Y tế huyện Phú Lương với chủng loại và đơn giá cụ thể như sau:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Đơn vị	Đơn giá xử lý (VNĐ)
1	Chất thải y tế, lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	Kg	13.950
2	Hóa chất thải có các thành phần nguy hại	13 01 02	Kg	13.950
3	Các loại dược phẩm gây độc tế bào	13 01 03	Kg	13.950
4	Chất phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và oytostatic) thải	13 02 03	Kg	13.950
5	Dung dịch thải thuốc hiện ảnh và tráng phim gốc nước	19 01 01	Kg	8.000
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Kg	15.000
7	Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	08 02 04	Kg	8.000
8	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước	03 05 08	Kg	5.000
9	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Kg	8.000
10	Bao bì có chứa thành phần nguy hại (vỏ lọ thủy tinh)	18 01 04	Kg	8.000
11	Bùn bể phốt		M ³	550.000
12	Chi phí vận chuyển		Chuyển	500.000

Ghi chú:

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT.

- Đơn giá trên sẽ được điều chỉnh lại theo sự thay đổi của thị trường thông qua đàm phán và nhất trí giữa hai bên bằng văn bản.
- Mọi thông tin cần trao đổi, Quý khách hàng vui lòng liên hệ với Mr. Dũng theo số điện thoại: 0982203553-0961111899 Email: dung.trantuan@moitruongsongcong.vn
- 2. Hai bên căn cứ vào khối lượng thực tế để lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyến, cuối tháng lập bảng kê hai bên cùng đối chiếu và xác nhận khối lượng cho từng tháng để làm cơ sở thanh toán.
- 3. Phương thức thanh toán:
 - Việc thanh toán được thực hiện bằng Việt Nam đồng (VND).
 - Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt, căn cứ trên khối lượng được thu gom, vận chuyển và xử lý nạo vét theo biên bản giao nhận giữa hai Bên.
 - Căn cứ trên khối lượng chất thải được thu gom, vận chuyển và xử lý theo biên bản giao nhận giữa hai Bên, việc thanh toán được thực hiện sau khi bên A nhận được hóa đơn tài chính và các giấy tờ liên quan hợp lệ.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền lợi của các Bên:

1. Trách nhiệm và quyền lợi của Bên A:

- a. Bên A có trách nhiệm phân loại và lưu giữ tạm các loại chất thải theo quy định.
- b. Đảm bảo thành phần chất thải giao nhận đúng theo hợp đồng.
- c. Bố trí đường đi đến các địa điểm thu gom chất thải thuận tiện, không bị cản trở.
- d. Bố trí xe nâng hỗ trợ bên B xếp các thùng đựng chất thải nặng lên phương tiện vận chuyển.
- e. Cử cán bộ chuyên môn giám sát và phối hợp thực hiện hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh nếu có, nhưng không ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng của Bên B.
- f. Đảm bảo các chi tiết máy, thiết bị, tài sản còn sử dụng được không lẫn trong chất thải bàn giao cho Bên B.
- g. Cử người hướng dẫn nội quy, quy định ra vào Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ ô tô TVT cho nhân viên của Bên B vào thu gom chất thải.
- h. Lập, ký xác nhận và chuyển giao đầy đủ chứng từ CTNH cho bên B sau mỗi lần bên B vận chuyển chất thải theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT
- i. Thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng.

2. Trách nhiệm và quyền lợi của Bên B

- a. Cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại giấy phép hành nghề vận chuyển, xử lý và tiêu hủy chất thải nguy hại.
- b. Có trách nhiệm tuân thủ và thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải:
 - Nghị Định số 08/2022/NĐ-CP.
 - Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, ngày 10 tháng 01 năm 2022

- Luật bảo vệ môi trường của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 72/2020/QH14, Hiệu lực ngày 01/01/2022.

c. Có trách nhiệm xuất trình cho bên A hợp đồng liên doanh với bên thứ ba về việc xử lý những chất thải nguy hại mà Bên B không được phép xử lý.

d. Chịu trách nhiệm tổ chức nhân công thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải an toàn theo kế hoạch và phương án đã thống nhất giữa hai Bên, tuân thủ các nội quy và quy định của Bên A và phù hợp với pháp luật hiện hành.

e. Cử Cán Bộ chuyên môn giám sát khối lượng chất thải giao nhận, phối hợp trong việc thực hiện hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có).

f. Có trách nhiệm kiểm tra các tài liệu liên quan đến thành phần chất thải trong hợp đồng do Bên A cung cấp. Trong trường hợp phát hiện ra sự sai lệch hoặc không phù hợp thì hai Bên sẽ cùng nhau thương lượng để giải quyết theo đúng quy định hiện hành.

g. Có trách nhiệm xác nhận hoàn thành việc xử lý vào “Chứng từ chất thải nguy hại” và xuất hóa đơn tài chính hợp lệ đúng thời hạn.

Điều 5: Bảo mật thông tin

a. Hợp đồng này và các giấy tờ, tài liệu liên quan đến hợp đồng là tài liệu riêng của các bên tham gia hợp đồng. Không bên nào được tiết lộ cho bên thứ ba nào khác (trừ trường hợp bắt buộc theo quy định của pháp luật)

b. Khi hợp đồng chấm dứt, tất cả các bên không được tiết lộ bất cứ bí mật về hoạt động thương mại, bí mật kinh doanh trong thời gian thực hiện hợp đồng của hai bên.

Điều 6: Trọng tài

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có thay đổi, vướng mắc thì hai bên cùng bàn bạc, thương lượng và giải quyết thỏa đáng bằng văn bản. Nếu không giải quyết được sẽ đưa ra Toà án Kinh tế Tỉnh Thái Nguyên

giải quyết. Phán quyết của toà án là quyết định cuối cùng buộc hai bên phải thực hiện. Chi phí xét xử và chi phí có liên quan do bên thua kiện chịu.

Điều 7: Trường hợp bất khả kháng

a. Bất khả kháng: là sự kiện nằm ngoài khả năng kiểm soát và không liên quan đến sự sai phạm hoặc thiếu trách nhiệm của hai bên. Những sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm: bạo loạn, chiến tranh, cháy, lụt, động đất, dịch bệnh, cấm vận vận tải.

b. Nếu bất khả kháng xảy ra, bên xảy ra bất khả kháng phải nhanh chóng thông báo bằng văn bản cho bên kia về hoàn cảnh và nguyên nhân gây ra sự kiện đó trong vòng 7 ngày kể từ ngày xảy ra sự cố.

c. Trường hợp bất khả kháng kéo dài sau 30 ngày, hai bên sẽ gặp nhau để tìm biện pháp giải quyết.

Điều 8: Các điều khoản chung:

1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản của hợp đồng này, trong khi thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc hai bên phải chủ động gặp nhau để giải quyết và thống nhất bằng văn bản, không làm tổn hại đến lợi ích của mỗi bên.

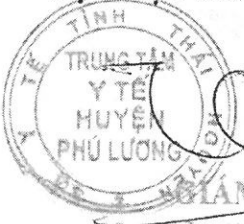

2. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực không được tự ý chấm dứt hợp đồng.
3. Mọi sửa đổi bổ xung của hợp đồng chỉ có giá trị khi có đầy đủ chữ ký xác nhận của đại diện có thẩm quyền ở cả hai bên.
4. Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này nếu các bên không thương lượng và hoà giải được với nhau sẽ được giải quyết tại toà án kinh tế nơi Bên B đặt trụ sở giao dịch, án phí do bên thua chịu.

Điều 9: Hiệu lực của hợp đồng:

1. Hợp đồng này có hiệu lực từ 02/01/2024 đến 31/12/2024. Hết hạn hợp đồng, nếu một trong hai bên không có ý kiến gì bổ xung, thì mặc nhiên hợp đồng tự động thanh lý.
2. Hợp đồng được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt Nam, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau./.

Điều 10: Thông tin liên hệ thực hiện hợp đồng:

1. Mọi thông tin cần trao đổi, Quý khách hàng vui lòng liên hệ với Mr. Dũng theo số điện thoại: 0982203553 - 0961111899 Email: dung.trantuan@moitruongsongcong.vn
2. Mọi thông tin yêu cầu về lịch thu gom, vận chuyển xin vui lòng liên hệ bộ phận Kinh doanh hoặc Mr Huy: 0961 360 220, Mrs Thu: 0981.126.828, Email: vanchuyen@moitruongsongcong.vn

ĐẠI DIỆN BÊN A


NGƯỜI LẬP
Nguyễn Tuấn Trung

ĐẠI DIỆN BÊN B


TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Thị Hương

SÔNG CÔNG
ENVIRONMENT CO., LTD



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-006

Địa chỉ (Address): Số 31, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, TP.Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phú Lương - Số TK: 8503201000204 - Tại NH: NH NN và PTNT VN(AGRIBANK)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 02 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPG

Số (No): 25768

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Trung tâm y tế huyện Phú Lương

Mã số thuế (Tax code):

Địa chỉ (Address): TDP Cầu Tráng, Thị trấn Du, Phú Lương, Thái Nguyên

Mã khách hàng (Customer's Code): PA04PL1027471

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 1 năm 2023 từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/01/2023	kWh	15.536	-	27.514.256
	(kèm theo bảng kê số 1223923248 ngày 02 tháng 02 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					27.514.256
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			2.751.426
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			30.265.682
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba mươi triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm tám mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)





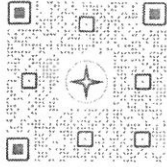
CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-006

Địa chỉ (Address): Số 31, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, TP.Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phú Lương - Số TK: 8503201000204 - Tại NH: NH NN và PTNT VN(AGRIBANK)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 03 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPG

Số (No): 51666

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Trung tâm y tế huyện Phú Lương

Mã số thuế (Tax code):

Địa chỉ (Address): TDP Cầu Trắng, Thị trấn Du, Phú Lương, Thái Nguyên

Mã khách hàng (Customer's Code): PA04PL1027471

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 2 năm 2023 từ ngày 01/02/2023 đến ngày 28/02/2023	kWh	16.244	-	28.768.124
	(kèm theo bảng kê số 1236263053 ngày 02 tháng 03 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					28.768.124
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			2.876.812
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			31.644.936
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba mươi một triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 02/03/2023 09:07:22



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-006

Địa chỉ (Address): Số 31, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, TP.Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phú Lương - Số TK: 8503201000204 - Tại NH: NH NN và PTNT VN(AGRIBANK)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 04 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPG

Số (No): 77560

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Trung tâm y tế huyện Phú Lương

Mã số thuế (Tax code):

Địa chỉ (Address): TDP Cầu Trắng, Thị trấn Du, Phú Lương, Thái Nguyên

Mã khách hàng (Customer's Code): PA04PL1027471

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 3 năm 2023 từ ngày 01/03/2023 đến ngày 31/03/2023	kWh	18.455	-	32.683.805
	(kèm theo bảng kê số 1248646250 ngày 03 tháng 04 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					32.683.805
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			3.268.381
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			35.952.186
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba mươi lăm triệu chín trăm năm mươi hai nghìn một trăm tám mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 03/04/2023 09:24:06



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-006

Địa chỉ (Address): Số 31, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, TP.Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phú Lương - Số TK: 8503201000204 - Tại NH: NH NN và PTNT VN(AGRIBANK)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 05 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPG

Số (No): 103482

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Trung tâm y tế huyện Phú Lương

Mã số thuế (Tax code):

Địa chỉ (Address): TDP Cầu Trắng, Thị trấn Du, Phú Lương, Thái Nguyên

Mã khách hàng (Customer's Code): PA04PL1027471

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 4 năm 2023 từ ngày 01/04/2023 đến ngày 30/04/2023	kWh	19.084	-	33.797.764
	(kèm theo bảng kê số 1261245550 ngày 02 tháng 05 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					33.797.764
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			3.379.776
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			37.177.540
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba mươi bảy triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm bốn mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)





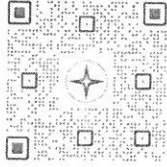
CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-006

Địa chỉ (Address): Số 31, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, TP.Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phú Lương - Số TK: 8503201000204 - Tại NH: NH NN và PTNT VN(AGRIBANK)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 06 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPG

Số (No): 129481

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Trung tâm y tế huyện Phú Lương

Mã số thuế (Tax code):

Địa chỉ (Address): TDP Cầu Trắng, Thị trấn Du, Phú Lương, Thái Nguyên

Mã khách hàng (Customer's Code): PA04PL1027471

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 5 năm 2023 từ ngày 01/05/2023 đến ngày 31/05/2023	kWh	27.904	-	50.307.832
	(kèm theo bảng kê số 1274584803 ngày 02 tháng 06 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					50.307.832
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			5.030.783
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			55.338.615
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm mươi lăm triệu ba trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm mười lăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 02/06/2023 10:40:13



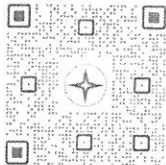
CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-006

Địa chỉ (Address): Số 31, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, TP.Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phú Lương - Số TK: 8503201000204 - Tại NH: NH NN và PTNT VN(AGRIBANK)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 07 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPG

Số (No): 155524

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Trung tâm y tế huyện Phú Lương

Mã số thuế (Tax code):

Địa chỉ (Address): TDP Cầu Tráng, Thị trấn Du, Phú Lương, Thái Nguyên

Mã khách hàng (Customer's Code): PA04PL1027471

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 6 năm 2023 từ ngày 01/06/2023 đến ngày 30/06/2023	kWh	31.185	-	56.288.925
	(kèm theo hàng kê số 1287340523 ngày 03 tháng 07 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					56.288.925
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			4.503.114
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			60.792.039
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn không trăm ba mươi chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI
NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 03/07/2023 07:24:03



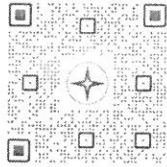
CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-006

Địa chỉ (Address): Số 31, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, TP.Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phú Lương - Số TK: 8503201000204 - Tại NH: NH NN và PTNT VN(AGRIBANK)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 08 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPG

Số (No): 181520

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Trung tâm y tế huyện Phú Lương

Mã số thuế (Tax code):

Địa chỉ (Address): TDP Cầu Trảng, Thị trấn Du, Phú Lương, Thái Nguyên

Mã khách hàng (Customer's Code): PA04PL1027471

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 7 năm 2023 từ ngày 01/07/2023 đến ngày 31/07/2023 (kèm theo bảng kê số 1299879038 ngày 02 tháng 08 năm 2023)	kWh	37.219	-	67.180.295
Cộng tiền hàng (Total amount):					67.180.295
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			5.374.424
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			72.554.719
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi hai triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm mười chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 02/08/2023 09:10:14



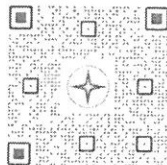
CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-006

Địa chỉ (Address): Số 31, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, TP.Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phú Lương - Số TK: 8503201000204 - Tại NH: NH NN và PTNT VN(AGRIBANK)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 09 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPG

Số (No): 207636

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Trung tâm y tế huyện Phú Lương

Mã số thuế (Tax code):

Địa chỉ (Address): TDP Cầu Trắng, Thị trấn Đu, Phú Lương, Thái Nguyên

Mã khách hàng (Customer's Code): PA04PL1027471

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 8 năm 2023 từ ngày 01/08/2023 đến ngày 31/08/2023	kWh	30.408	-	54.886.440
	(kèm theo bảng kê số 1312632342 ngày 02 tháng 09 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					54.886.440
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			4.390.915
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			59.277.355
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm mươi chín triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm năm mươi lăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI
NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 02/09/2023 16:12:17



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-006

Địa chỉ (Address): Số 31, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phú Lương - Số TK: 8503201000204 - Tại NH: NH NN và PTNT VN(AGRIBANK)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 10 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPG

Số (No): 233748

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Trung tâm y tế huyện Phú Lương

Mã số thuế (Tax code):

Địa chỉ (Address): TDP Cầu Tráng, Thị trấn Du, Phú Lương, Thái Nguyên

Mã khách hàng (Customer's Code): PA04PL1027471

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 9 năm 2023 từ ngày 01/09/2023 đến ngày 30/09/2023	kWh	29.067	-	52.465.935
	(kèm theo hàng kê số 1325237121 ngày 02 tháng 10 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					52.465.935
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			4.197.275
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			56.663.210
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm mười đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Đã ký và đóng dấu
NGUYỄN - CHI THANH TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN
Ngày ký: 02/10/2023 08:49:26



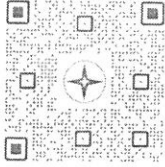
CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-006

Địa chỉ (Address): Số 31, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, TP.Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phú Lương - Số TK: 8503201000204 - Tại NH: NH NN và PTNT VN(AGRIBANK)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 11 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPG

Số (No): 259924

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Trung tâm y tế huyện Phú Lương

Mã số thuế (Tax code):

Địa chỉ (Address): TDP Cầu Trảng, Thị trấn Đu, Phú Lương, Thái Nguyên

Mã khách hàng (Customer's Code): PA04PL1027471

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 10 năm 2023 từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/10/2023 (kèm theo bảng kê số 1337740788 ngày 02 tháng 11 năm 2023)	kWh	24.681	-	44.549.205
Cộng tiền hàng (Total amount):					44.549.205
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			3.563.936
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			48.113.141
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi tám triệu một trăm mười ba nghìn một trăm bốn mươi một đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Đã ký: EVN - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày: 02/11/2023 14:57:23



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-006

Địa chỉ (Address): Số 31, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phú Lương - Số TK: 8503201000204 - Tại NH: NH NN và PTNT VN(AGRIBANK)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 12 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPG

Số (No): 286123

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Trung tâm y tế huyện Phú Lương

Mã số thuế (Tax code):

Địa chỉ (Address): TDP Cầu Trắng, Thị trấn Du, Phú Lương, Thái Nguyên

Mã khách hàng (Customer's Code): PA04PL1027471

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 11 năm 2023 từ ngày 01/11/2023 đến ngày 30/11/2023	kWh	17.685	-	32.893.911
	(kèm theo bảng kê số 1348269444 ngày 02 tháng 12 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					32.893.911
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			2.631.513
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			35.525.424
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba mươi lăm triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm hai mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 02-12-2023 11:03:11



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-006

Địa chỉ (Address): Số 31, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, TP.Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phú Lương - Số TK: 8503201000204 - Tại NH: NH NN và PTNT VN(AGRIBANK)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPG

Số (No): 75

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Trung tâm y tế huyện Phú Lương

Mã số thuế (Tax code):

Địa chỉ (Address): TDP Cầu Trắng, Thị trấn Đu, Phú Lương, Thái Nguyên

Mã khách hàng (Customer's Code): PA04PL1027471

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 12 năm 2023 từ ngày 01/12/2023 đến ngày 31/12/2023	kWh	18.595	-	35.070.170
	(kèm theo hàng kê số 1382029083 ngày 02 tháng 01 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					35.070.170
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			2.805.614
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			37.875.784
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn bảy trăm tám mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)



**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC**

Công ty Điện lực Thái Nguyên-Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Bắc

Số 31 - Hoàng Văn Thụ - TP.Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên
MST: 0100100417006

19006769

Mẫu số: 01GKT0/004

Ký hiệu: DG/22E

Số: 0000111

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Khách hàng

Địa chỉ

Điện thoại

Email

Mã số thuế

Địa chỉ sử dụng điện

Mục đích sử dụng điện

Trung tâm y tế huyện Phú Lương

TDP Cầu Trắng, Thị trấn Đu, Phú Lương, Thái Nguyên

0977906650

TDP Cầu Trắng, Thị trấn Đu, Phú Lương, Thái Nguyên

100 % Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông
- Giờ bình thường
100 % Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông
- Giờ cao điểm
100 % Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông
- Giờ thấp điểm

Cấp điện áp sử dụng

Dưới 380V

Mã khách hàng

PA04PL1027471

Số tiền thanh toán

30.779.980 đồng

Hạn thanh toán

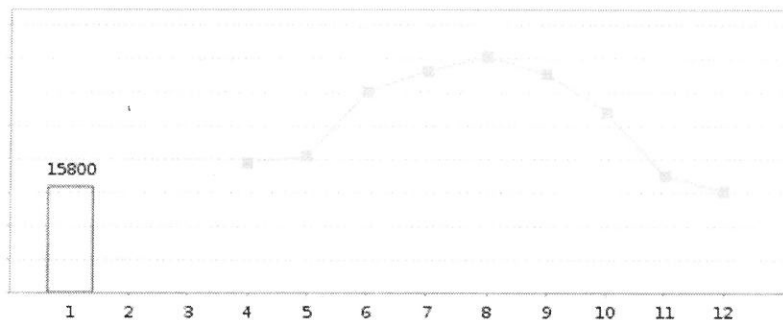
19/01/2022

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Tháng 1/2022 (31 ngày từ 11/12/2021 đến 10/01/2022)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
20686998				
Khung giờ thấp điểm	50	825	780	2.250
Khung giờ cao điểm	50	1.053	979	3.700
Khung giờ bình thường	50	3.054	2.857	9.850
				Tổng: 15.800

☐ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ☐ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước**TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN**

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Toàn thời gian	1.771	9.850	17.444.350
Toàn thời gian	1.771	3.700	6.552.700
Toàn thời gian	1.771	2.250	3.984.750
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		15.800	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			27.981.800
Thuế suất GTGT			10%
Thuế GTGT (đồng)			2.798.180
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			30.779.980

Bằng chữ: Ba mươi triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn chín trăm tám mươi đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾNVui lòng truy cập địa chỉ cskh.npc.com.vn và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:**THÔNG TIN LIÊN HỆ****Trung tâm CSKH EVNNPC**

Thửa số 2, lô VP1, Khu bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội

19006769

cskh@npc.com.vn

<https://www.facebook.com/evnnpc.cskh/>

zalo.me/evnnpc

Tải ứng dụng CSKH trên iOS và Android



iOS



Android

GIÁM ĐỌC

Nguyễn Ngọc Lâm

Thái Nguyên, ngày 12/01/2022

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC**

Công ty Điện lực Thái Nguyên-Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Bắc

Số 31 - Hoàng Văn Thụ - TP.Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên
MST: 0100100417006

19006769

Mẫu số: 01GKT0/004

Ký hiệu: DG/22E

Số: 0025402

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Khách hàng

Trung tâm y tế huyện Phú Lương

Địa chỉ

TDP Cầu Trắng, Thị trấn Đu, Phú Lương, Thái Nguyên

Điện thoại

0977906650

Email

Mã số thuế

Địa chỉ sử dụng điện

TDP Cầu Trắng, Thị trấn Đu, Phú Lương, Thái Nguyên

Mục đích sử dụng điện

100 % Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông
- Giờ bình thường
100 % Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông
- Giờ cao điểm
100 % Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông
- Giờ thấp điểm

Cấp điện áp sử dụng

Dưới 380V

Mã khách hàng

PA04PL1027471

Số tiền thanh toán

28.403.298 đồng

Hạn thanh toán

19/02/2022

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm
hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị
Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Tháng 2/2022 (31 ngày từ 11/01/2022 đến 10/02/2022)

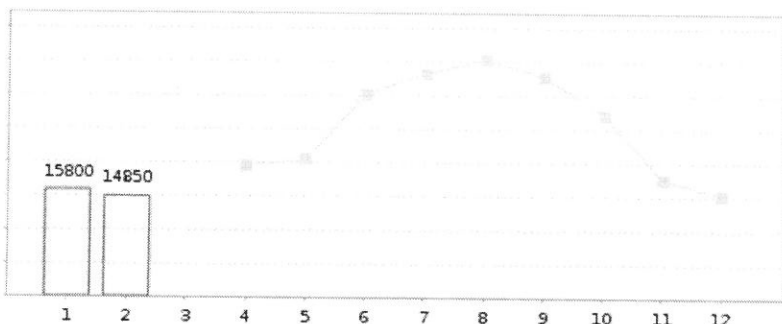
CÔNG TỶ ĐO ĐẾM HỆ SỐ NHÂN CHỈ SỐ MỚI CHỈ SỐ CŨ ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)

20686998

Khung giờ thấp điểm 50 870 825 2.250

Khung giờ cao điểm 50 1.123 1.053 3.500

Khung giờ bình thường 50 3.236 3.054 9.100

Tổng: 14.850☐ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ☐ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước**TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN**

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Toàn thời gian	1.771	9.100	16.116.100
Toàn thời gian	1.771	3.500	6.198.500
Toàn thời gian	1.771	2.250	3.984.750
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		14.850	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			26.299.350
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			2.103.948
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			28.403.298

Bằng chữ: Hai mươi tám triệu bốn trăm linh ba nghìn hai trăm chín mươi tám đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ cskh.npc.com.vn
và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ
hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực
tuyến:

**THÔNG TIN LIÊN HỆ****Trung tâm CSKH EVNNPC**

Thửa số 2, lô VP1, Khu bán đảo Linh
Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng
Mai, TP Hà Nội

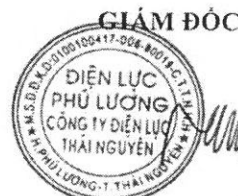
19006769

cskh@npc.com.vn[https://www.facebook.com/
evnnpc.cskh/](https://www.facebook.com/evnnpc.cskh/)zalo.me/evnnpcTải ứng dụng CSKH trên IOS và
Android

iOS



Android



Nguyễn Ngọc Lâm

Thái Nguyên, ngày 12/02/2022

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC**

Công ty Điện lực Thái Nguyên-Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Bắc

Số 31 - Hoàng Văn Thụ - TP.Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên
MST: 0100100417006

19006769

Mẫu số: 01GKT0/004
Ký hiệu: DG/22E
Số: 0052655**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)**

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Khách hàng

Trung tâm y tế huyện Phú Lương

Địa chỉ

TDP Cầu Tráng, Thị trấn Đu, Phú Lương, Thái Nguyên

Điện thoại

0977906650

Email

Mã số thuế

Địa chỉ sử dụng điện

TDP Cầu Tráng, Thị trấn Đu, Phú Lương, Thái Nguyên

Mục đích sử dụng điện

100 % Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông
- Giờ bình thường
100 % Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông
- Giờ cao điểm
100 % Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông
- Giờ thấp điểm

Cấp điện áp sử dụng

Dưới 380V

Mã khách hàng

PA04PL1027471

Số tiền thanh toán

30.315.978 đồng

Hạn thanh toán

19/03/2022

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Tháng 3/2022 (28 ngày từ 11/02/2022 đến 10/03/2022)

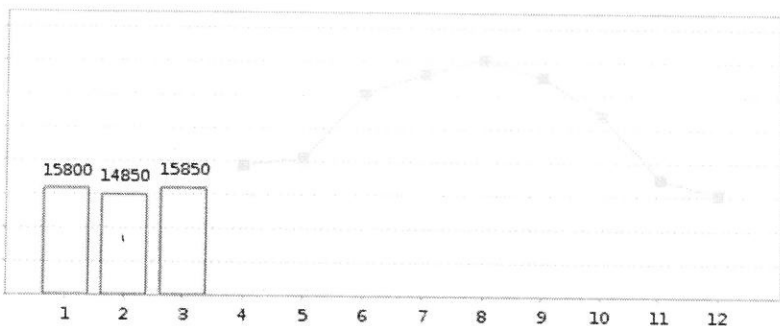
CÔNG TỶ ĐO ĐẾM HỆ SỐ NHÂN CHỈ SỐ MỚI CHỈ SỐ CŨ ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)

20686998

Khung giờ thấp điểm 50 915 870 2.250

Khung giờ cao điểm 50 1.199 1.123 3.800

Khung giờ bình thường 50 3.432 3.236 9.800

Tổng: 15.850☐ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ☐ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước**TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN**

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Toàn thời gian	1.771	9.800	17.355.800
Toàn thời gian	1.771	3.800	6.729.800
Toàn thời gian	1.771	2.250	3.984.750
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		15.850	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			28.070.350
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			2.245.628
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			30.315.978

Bằng chữ: Ba mươi triệu ba trăm mười lăm nghìn chín trăm bảy mươi tám đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾNVui lòng truy cập địa chỉ cskh.npc.com.vn và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:**THÔNG TIN LIÊN HỆ****Trung tâm CSKH EVNNPC**

Thửa số 2, lô VP1, Khu bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội

19006769

cskh@npc.com.vn<https://www.facebook.com/evnnpc.cskh/>zalo.me/evnnpc

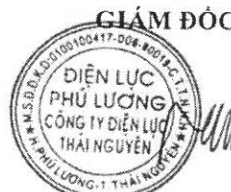
Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android



Nguyễn Ngọc Lâm

Thái Nguyên, ngày 12/03/2022

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC**

Công ty Điện lực Thái Nguyên-Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Bắc

Số 31 - Hoàng Văn Thụ - TP.Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên
MST: 0100100417006

19006769

Mẫu số: 01GKT0/004
Ký hiệu: DG/22E
Số: 0077924**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)**

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Khách hàng

Địa chỉ

Điện thoại

Email

Mã số thuế

Địa chỉ sử dụng điện

Mục đích sử dụng điện

Trung tâm y tế huyện Phú Lương

TDP Cầu Trống, Thị trấn Đu, Phú Lương, Thái Nguyên

0977906650

TDP Cầu Trống, Thị trấn Đu, Phú Lương, Thái Nguyên

100 % Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông
- Giờ bình thường
100 % Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông
- Giờ cao điểm
100 % Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông
- Giờ thấp điểm

Dưới 380V

Mã khách hàng

PA04PL1027471

Số tiền thanh toán

31.081.050 đồng

Hạn thanh toán

19/04/2022

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm
hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị
Quý khách hàng thanh toán đúng hạn**THANH TOÁN TRỰC TUYẾN**Vui lòng truy cập địa chỉ cskh.npc.com.vn
và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ
hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực
tuyến:**THÔNG TIN LIÊN HỆ****Trung tâm CSKH EVNNPC**Thửa số 2, lô VP1, Khu bán đảo Linh
Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng
Mai, TP Hà Nội

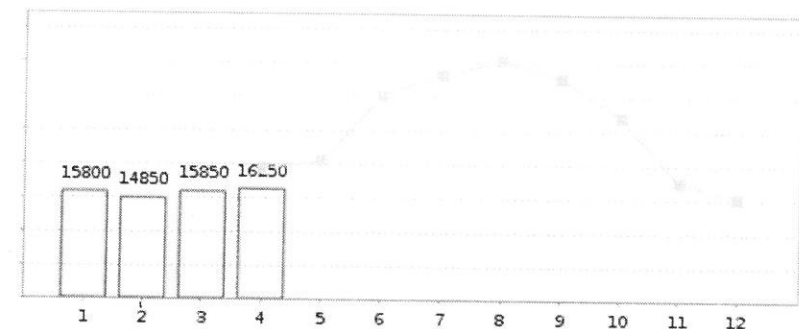
19006769

cskh@npc.com.vn[https://www.facebook.com/
evnnpc.cskh/](https://www.facebook.com/evnnpc.cskh/)zalo.me/evnnpcTải ứng dụng CSKH trên IOS và
Android

iOS



Android

☐ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ☐ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước**TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN**

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Toàn thời gian	1.771	10.000	17.710.000
Toàn thời gian	1.771	3.850	6.818.350
Toàn thời gian	1.771	2.400	4.250.400
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		16.250	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			28.778.750
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			2.302.300
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			31.081.050

Bằng chữ: Ba mươi một triệu không trăm tám mươi một nghìn không trăm năm mươi
đồng.GIÁM ĐỐC
ĐIỆN LỰC
PHÚ LƯƠNG
CÔNG TY ĐIỆN LỰC
THÁI NGUYÊN
Nguyễn Ngọc Lâm

Thái Nguyên, ngày 12/04/2022



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Công ty Điện lực Thái Nguyên-Chỉ nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Bắc

Số 31 - Hoàng Văn Thụ - TP.Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên

MST: 0100100417006

19006769

Mẫu số: 01GKT0/004

Ký hiệu: DG/22E

Số: 0103281

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Khách hàng

Trung tâm y tế huyện Phú Lương

Địa chỉ

TDP Cầu Trắng, Thị trấn Đu, Phú Lương, Thái Nguyên

Điện thoại

0977906650

Email

Mã số thuế

Địa chỉ sử dụng điện

TDP Cầu Trắng, Thị trấn Đu, Phú Lương, Thái Nguyên

Mục đích sử dụng điện

100 % Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông
- Giờ bình thường
100 % Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông
- Giờ cao điểm
100 % Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông
- Giờ thấp điểm

Cấp điện áp sử dụng

Dưới 380V

Mã khách hàng

PA04PL1027471

Số tiền thanh toán

33.280.632 đồng

Hạn thanh toán

20/05/2022

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

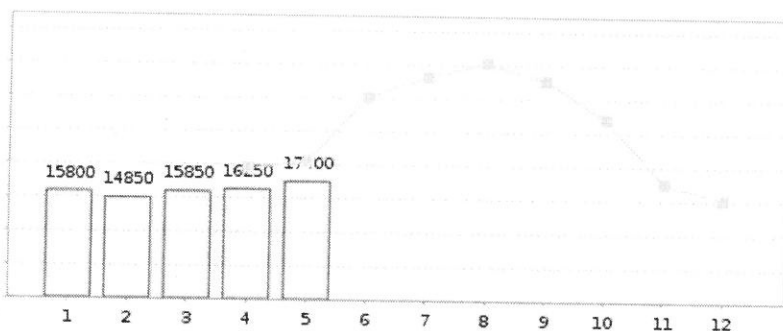
Vui lòng truy cập địa chỉ cskh.npc.com.vn và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Tháng 5/2022 (30 ngày từ 11/04/2022 đến 10/05/2022)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
20686998				
Khung giờ thấp điểm	50	1.019	963	2.800
Khung giờ cao điểm	50	1.352	1.276	3.800
Khung giờ bình thường	50	3.848	3.632	10.800
				Tổng: 17.400



☐ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ☐ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Toàn thời gian	1.771	10.800	19.126.800
Toàn thời gian	1.771	3.800	6.729.800
Toàn thời gian	1.771	2.800	4.958.800
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		17.400	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			30.815.400
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			2.465.232
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			33.280.632

Bằng chữ: Ba mươi ba triệu hai trăm tám mươi nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNNPC

Thửa số 2, lô VP1, Khu bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội

19006769

cskh@npc.com.vn

<https://www.facebook.com/evnnpc.cskh/>

zalo.me/evnnpc

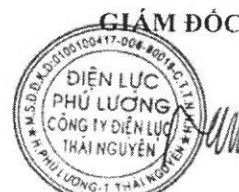
Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android



Nguyễn Ngọc Lâm

Thái Nguyên, ngày 13/05/2022

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC**

Công ty Điện lực Thái Nguyên-Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Bắc

Số 31 - Hoàng Văn Thụ - TP.Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên
MST: 0100100417006

19006769

Mẫu số: 01GTKT0/004
Ký hiệu: DG/22E
Số: 0130593**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)**

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Khách hàng

Địa chỉ

Điện thoại

Email

Mã số thuế

Địa chỉ sử dụng điện

Mục đích sử dụng điện

Trung tâm y tế huyện Phú Lương

TDP Cầu Tráng, Thị trấn Đu, Phú Lương, Thái Nguyên

0977906650

TDP Cầu Tráng, Thị trấn Đu, Phú Lương, Thái Nguyên

100 % Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông
- Giờ bình thường
100 % Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông
- Giờ cao điểm
100 % Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông
- Giờ thấp điểm

Cấp điện áp sử dụng

Dưới 380V

Mã khách hàng

PA04PL1027471

Số tiền thanh toán

44.278.542 đồng

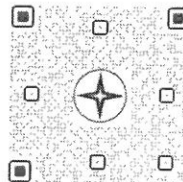
Hạn thanh toán

21/06/2022

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm
hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị
Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

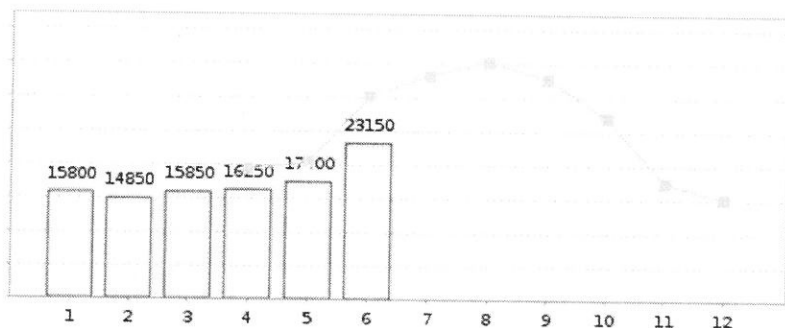
THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ cskh.npc.com.vn
và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ
hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực
tuyến:

**TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG**

Kỳ hóa đơn: Tháng 6/2022 (31 ngày từ 11/05/2022 đến 10/06/2022)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	DIỆN TIÊU THỤ (kWh)
20686998				
Khung giờ bình thường	50	4.134	3.848	14.300
Khung giờ cao điểm	50	1.450	1.352	4.900
Khung giờ thấp điểm	50	1.098	1.019	3.950
				Tổng: 23.150



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại □ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Toàn thời gian	1.771	14.300	25.325.300
Toàn thời gian	1.771	4.900	8.677.900
Toàn thời gian	1.771	3.950	6.995.450
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		23.150	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			40.998.650
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			3.279.892
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			44.278.542

Bằng chữ: Bốn mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm bốn mươi hai đồng.

THÔNG TIN LIÊN HỆ**Trung tâm CSKH EVNNPC**Thửa số 2, lô VP1, Khu bán đảo Linh
Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng
Mai, TP Hà Nội

19006769

cskh@npc.com.vn

<https://www.facebook.com/evnnpc.cskh/>

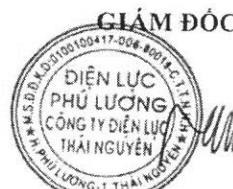
zalo.me/evnnpc

Tải ứng dụng CSKH trên iOS và
Android

iOS



Android



Nguyễn Ngọc Lâm

Thái Nguyên, ngày 14/06/2022



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-006

Địa chỉ (Address): Số 31, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phú Lương - Số TK: 8503201000204 - Tại NH: NH NN và PTNT VN(AGRIBANK)



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 14 tháng (month) 07 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22TPG

Số (No): 8643

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Trung tâm y tế huyện Phú Lương

Mã số thuế (Tax code):

Địa chỉ (Address): TDP Cầu Trắng, Thị trấn Đu, Phú Lương, Thái Nguyên

Mã khách hàng (Customer's Code): PA04PL1027471

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 7 năm 2022 từ ngày 11/06/2022 đến ngày 10/07/2022	kWh	31.050	-	54.989.550
	(kèm theo bảng kê số 1140801734 ngày 14 tháng 07 năm 2022)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					54.989.550
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			4.399.164
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			59.388.714
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm mươi chín triệu ba trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm mười bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 14/07/2022 10:29:42



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-006

Địa chỉ (Address): Số 31, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phú Lương - Số TK: 8503201000204 - Tại NH: NH NN và PTNT VN(AGRIBANK)



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 13 tháng (month) 08 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22TPG

Số (No): 30972

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Trung tâm y tế huyện Phú Lương

Mã số thuế (Tax code):

Địa chỉ (Address): TDP Cầu Trắng, Thị trấn Đu, Phú Lương, Thái Nguyên

Mã khách hàng (Customer's Code): PA04PL1027471

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 8 năm 2022 từ ngày 11/07/2022 đến ngày 10/08/2022	kWh	38.150	-	67.563.650
	(kèm theo bảng kê số 1153248602 ngày 13 tháng 08 năm 2022)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					67.563.650
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.405.092
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 72.968.742
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi hai triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm bốn mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 13/08/2022 15:02:32

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC**

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-006

Địa chỉ (Address): Số 31, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phú Lương - Số TK: 8503201000204 - Tại NH: NH NN và PTNT VN(AGRIBANK)

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 10 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22TPG

Số (No): 76708

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Trung tâm y tế huyện Phú Lương

Mã số thuế (Tax code):

Địa chỉ (Address): TDP Cầu Trắng, Thị trấn Đu, Phú Lương, Thái Nguyên

Mã khách hàng (Customer's Code): PA04PL1027471

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 9 năm 2022 từ ngày 11/08/2022 đến ngày 30/09/2022	kWh	51.986	-	92.067.206
	(kèm theo bảng kê số 1174145331 ngày 03 tháng 10 năm 2022)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					92.067.206
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 7.365.376
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 99.432.582
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi chín triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn năm trăm tám mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 03/10/2022 14:01:19



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-006

Địa chỉ (Address): Số 31, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phú Lương - Số TK: 8503201000204 - Tại NH: NH NN và PTNT VN(AGRIBANK)



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 11 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22TPG

Số (No): 102359

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Trung tâm y tế huyện Phú Lương

Mã số thuế (Tax code):

Địa chỉ (Address): TDP Cầu Trống, Thị trấn Đu, Phú Lương, Thái Nguyên

Mã khách hàng (Customer's Code): PA04PL1027471

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 10 năm 2022 từ ngày 01/10/2022 đến ngày 31/10/2022	kWh	20.605	-	36.491.455
	(kèm theo bảng kê số 1186433926 ngày 02 tháng 11 năm 2022)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					36.491.455
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 2.919.316
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 39.410.771
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba mươi chín triệu bốn trăm mười nghìn bảy trăm bảy mươi một đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 02/11/2022 14:04:45



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-006

Địa chỉ (Address): Số 31, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phú Lương - Số TK: 8503201000204 - Tại NH: NH NN và PTNT VN(AGRIBANK)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 12 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22TPG

Số (No): 128133

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Trung tâm y tế huyện Phú Lương

Mã số thuế (Tax code):

Địa chỉ (Address): TDP Cầu Trống, Thị trấn Đu, Phú Lương, Thái Nguyên

Mã khách hàng (Customer's Code): PA04PL1027471

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 11 năm 2022 từ ngày 01/11/2022 đến ngày 30/11/2022	kWh	19.018	-	33.680.878
	(kèm theo bảng kê số 1198770214 ngày 02 tháng 12 năm 2022)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					33.680.878
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			2.694.470
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			36.375.348
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 02/12/2022 08:31:57



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-006

Địa chỉ (Address): Số 31, đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, TP.Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phú Lương - Số TK: 8503201000204 - Tại NH: NH NN và PTNT VN(AGRIBANK)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 31 tháng (month) 12 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial): 1K22TPG

Số (No): 153905

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Trung tâm y tế huyện Phú Lương

Mã số thuế (Tax code):

Địa chỉ (Address): TDP Cầu Trắng, Thị trấn Du, Phú Lương, Thái Nguyên

Mã khách hàng (Customer's Code): PA04PL1027471

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 12 năm 2022 từ ngày 01/12/2022 đến ngày 31/12/2022	kWh	17.853	-	31.617.663
	(kèm theo bảng kê số 1211418352 ngày 31 tháng 12 năm 2022)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					31.617.663
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 2.529.413
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 34.147.076
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba mươi bốn triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓
Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI NGUYÊN - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 31/12/2022 16:00:57

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- Thừa đất số: 365, tờ bản đồ số: 15
- Địa chỉ: Thị trấn Đu, Huyện Phú Lương, Thái Nguyên
- Diện tích: 11330,6m², (bằng chữ: Mười một nghìn ba trăm ba mươi sáu mét vuông)
- Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- Mục đích sử dụng: Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp
- Thời hạn sử dụng: Lâu dài
- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất

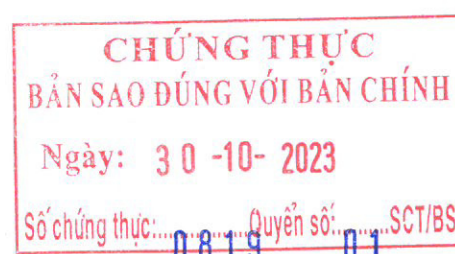
2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác: -/-.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú: Không.



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Thu Thảo

Thái Nguyên, ngày 30.. tháng 6.. năm 2020

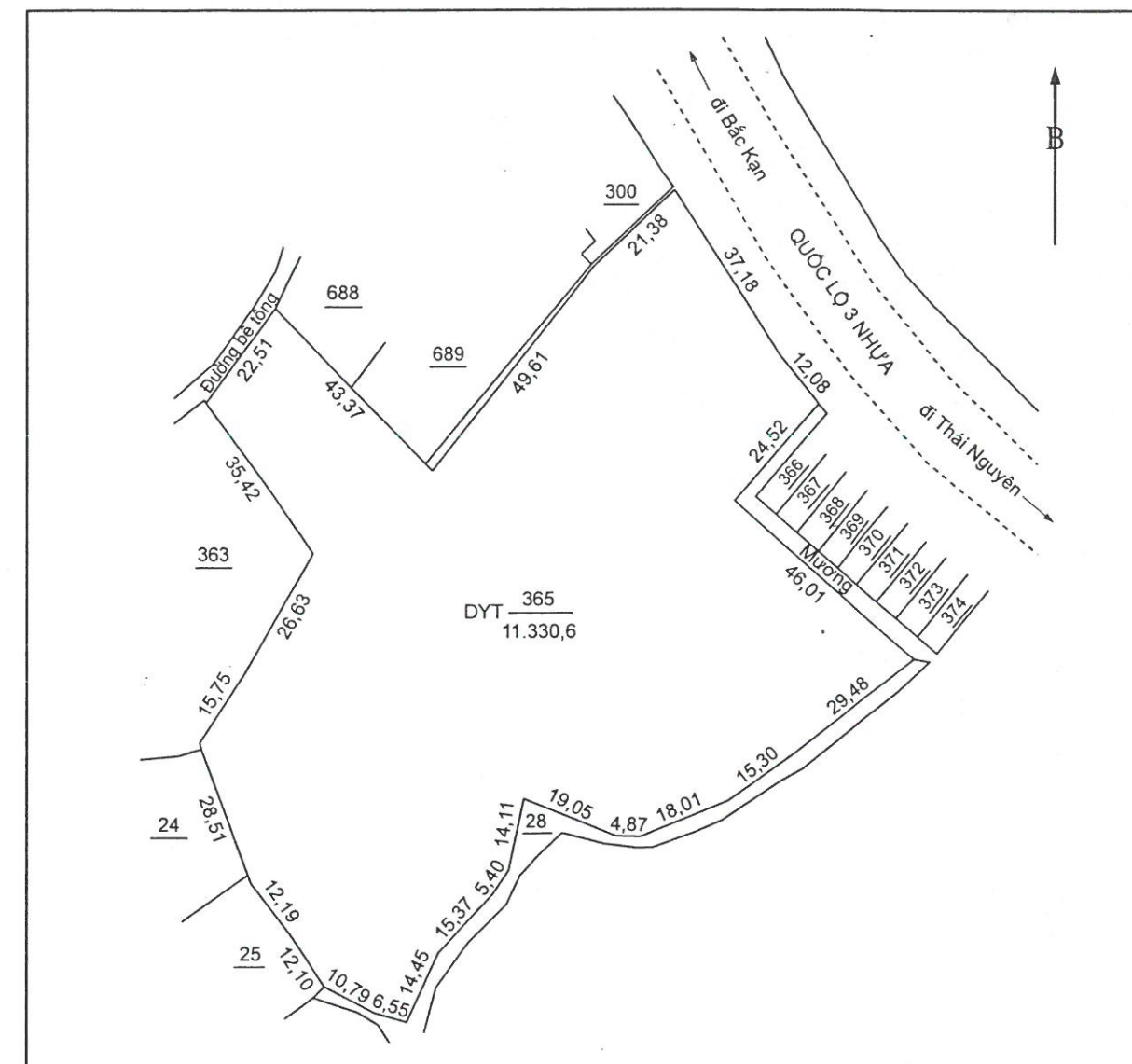
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Loan

Số vào sổ cấp GCN: CT11386

III. Sơ đồ thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
Trung tâm Y tế huyện Phú Lương
Quyết định thành lập số: 1707/QĐ-UBND, cấp ngày 21 tháng 6 năm 2018
Địa chỉ: Thị trấn Đu, Huyện Phú Lương, Thái Nguyên.

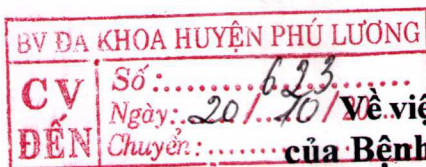
CU 762167

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số **9749**/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày **15** tháng 10 năm 2015



QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết
của Bệnh viện đa khoa huyện Phú Lương tại thị trấn Đu,
huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16/3/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản; Thông tư số 22/2014/TT-BTNMT ngày 05/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Quy định và hướng dẫn thi hành Nghị định số 35/2014/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 16/5/2012 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thành lập Đoàn kiểm tra công tác bảo vệ môi trường phục vụ phê duyệt, xác nhận việc thực hiện Đề án bảo vệ môi trường chi tiết trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ biên bản kiểm tra công tác bảo vệ môi trường phục vụ phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Bệnh viện đa khoa huyện Phú Lương ngày 25/5/2015;

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Bệnh viện đa khoa huyện Phú Lương đã được hoàn chỉnh gửi kèm Văn bản số 198/BVPL-KHNV ngày 29/9/2015;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại tờ trình số 400/TTr-STNMT ngày 07/10/2015 về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Bệnh viện đa khoa huyện Phú Lương tại thị trấn Đu, huyện Phú Lương và hồ sơ kèm theo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết (sau đây gọi là Đề án) của Bệnh viện đa khoa huyện Phú Lương (sau đây gọi là cơ sở) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Vị trí, quy mô:

1.1. Vị trí: thị trấn Đu, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; diện tích đất sử dụng: 13.805 m².

1.2. Quy mô: 130 giường điều trị tại các khoa: khoa điều dưỡng; khoa khám bệnh; khoa ngoại sản; khoa nội, nhi, lây, cấp cứu; khoa đông y; khoa cận lâm sàng.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

2.1. Thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong đề án.

2.2. Phải đảm bảo các chất thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi thải ra môi trường.

2.3. Quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải y tế, chất thải nguy hại theo đúng quy định của Bộ Y tế và các quy định pháp luật bảo vệ môi trường đối với quản lý chất thải và phế liệu (Quyết định số 43/2007/QĐ-BYT; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP). Thu gom xử lý lượng chất thải nguy hại đã tự ý chôn lấp trong khuôn viên bệnh viện. Phân tích thành phần bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, tro xỉ lò đốt chất thải rắn y tế để quản lý, xử lý theo đúng quy định. Hợp đồng vận chuyển xử lý chất thải nguy hại với đơn vị đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật.

2.4. Phải hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo các thời hạn như sau:

- Xây dựng bể tự hoại tại các khoa: Khoa Nội - nhi - lây - cấp cứu; khu nhà vệ sinh ngoài trời và các đường ống dẫn nước thải sau xử lý về hệ thống xử lý nước thải tập trung, hoàn thành trong Quý 1 năm 2016.

- Cải tạo nhà chứa chất thải nguy hại và rác thải sinh hoạt thành nhà chứa chất thải nguy hại riêng biệt, hoàn thành trong Quý 1 năm 2016.

- Lắp đặt tủ bảo ôn bảo quản chất thải y tế để lưu trước khi vận chuyển xử lý, hoàn thành trong Quý 4 năm 2015;

- Bổ sung 50 thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt; 04 thùng chứa chất thải nguy hại, hoàn thành trong Quý 4 năm 2015.

- Bổ sung 03 thùng 180 lit để thu gom nước rửa phim X-quang (chất thải nguy hại), hoàn thành trong Quý 4 năm 2015.

3. Các điều kiện kèm theo:

3.1. Thực hiện nghiêm túc chương trình quan trắc môi trường theo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt và các yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước; trong trường hợp số lượng, vị trí, thông số các điểm quan trắc có phát sinh, thay đổi, chủ cơ sở phải báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường và thực hiện việc quan trắc, giám sát theo văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm

quyền. Sau mỗi đợt quan trắc, báo cáo kết quả quan trắc môi trường cho cơ quan quản lý theo quy định.

3.2. Duy trì, vận hành thường xuyên lò đốt chất thải rắn y tế, hệ thống xử lý nước thải; bố trí nguồn kinh phí, cán bộ để duy trì hoạt động của hệ thống lò đốt chất thải rắn y tế, hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo xử lý chất thải, nước thải đạt yêu cầu.

3.3. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác đã bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đề án bảo vệ môi trường của bệnh viện và những yêu cầu bắt buộc trên là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm soát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở. Trong quá trình thực hiện Đề án, nếu có những thay đổi về nội dung của Đề án đã được phê duyệt, Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Phú Lương phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Bệnh viện đa khoa huyện Phú Lương đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu trên.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Y tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương, Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Phú Lương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
 - Lưu: HS, VT, KTN.
- DAT. QĐ. 13/10. 10b



Dương Ngọc Long

Số: 592 /QĐ -SYT

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 03 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch giường bệnh, chỉ tiêu chuyên môn năm 2024

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 09/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 29/04/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc sửa đổi Điều 2 Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 09/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 3368/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2024;

Căn cứ kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sự nghiệp y tế 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024 của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch -Tài chính, Sở Y tế Thái Nguyên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch giường bệnh, chỉ tiêu chuyên môn năm 2024 cho các Bệnh viện, Trung tâm Y tế có giường bệnh trực thuộc Sở Y tế Thái Nguyên (Có biểu chi tiết kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Sở Y tế bao gồm: Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh; Bệnh viện đa khoa các huyện Đại Từ, Phú Bình, Định Hóa; Trung tâm Y tế các huyện Võ Nhai, Phú Lương, Đồng Hỷ, thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công, thành phố Phổ Yên tổ chức thực hiện tốt chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức -Hành chính, Kế hoạch -Tài chính, Nghiệp vụ Y, Nghiệp vụ Dược, Quản lý hành nghề Y-Dược, Thanh tra Sở Y tế, Giám đốc các đơn vị có tên tại Điều 2, Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị y tế liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3(thực hiện);
- Ban giám đốc Sở;
- Phòng Y tế các huyện/thành/thị;
- Lưu: VT, KHTC (hoan).

GIÁM ĐỐC

Đặng Ngọc Huy

PHỤ LỤC: 1

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SỰ NGHIỆP Y TẾ NĂM 2024 (Chỉ tiêu chủ yếu)
BỆNH VIỆN TUYẾN TỈNH
(Kèm theo Quyết định số : 592 /QĐ - SYT ngày 22 / 3 /2024 của Giám đốc Sở Y tế)

TT	Đơn vị	Giường bệnh Đa khoa	Giường bệnh chuyên khoa	Điều trị nội trú (Lượt người)	Xét nghiệm	Chẩn đoán hình ảnh	Phẫu thuật (Loại 1,2,3)	Ngày điều trị nội trú	Ngày điều trị TB / Bệnh nhân
	Đơn vị tính	G	G	BN	Lần	Lần	Lần	Ngày	Ngày
1	Bệnh viện A	750		36.600	2.500.000	120.000	8000	274.500	7,5
2	Bệnh viện C	700		32.846	2.300.000	100.000	4000	256.199	7,8
3	Bệnh viện Gang Thép	500		22.875	900.000	80.000	2.500	183.000	8,0
4	Bệnh viện Phổi		270	7.059	120.000	18.000		98.826	14
5	Bệnh viện YHCT		310	5.972	72.000	5.500		113.460	19
6	Bệnh viện PHCN		130	2.379	20.000	1.000		47.580	20
7	Bệnh viện sức khỏe Tâm thần		150	1.830	12.000	1.000		54.900	30
8	Bệnh viện Mắt		70	4.270	12.000	3000	2200	25.620	6
	Tổng Cộng	1.950	930	113.831				1054.085	

Ghi chú : 1- Chỉ đạo tuyến: Các Bệnh viện tuyến tỉnh, huyện, Trung tâm y tế tiếp tục thực hiện chỉ đạo tuyến, hỗ trợ tuyến dưới theo chỉ đạo của Sở Y tế tại Văn bản số 317/SYT-NVY ngày 24/01/2024.
2- Chỉ tiêu khám bệnh, điều trị ngoại trú, thực hiện các kỹ thuật thăm dò chức năng, các đơn vị tự xây dựng phù hợp theo thực tế nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân; phù hợp số lượng bàn khám, đảm bảo chất lượng khám và điều trị, giải quyết kịp thời yêu cầu của người bệnh; riêng Bệnh viện Mắt chỉ tiêu phẫu thuật tính cả ngoại viện.

PHỤ LỤC 2:

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SỰ NGHIỆP Y TẾ NĂM 2024 (Chỉ tiêu chủ yếu)
TUYỂN HUYỆN, THÀNH PHỐ

(Kèm theo Quyết định số : 592 /QĐ - SYT ngày 22/3/2024 của Giám đốc Sở Y tế)

TT	Đơn vị	Giường KH Bệnh viện	Điều trị nội trú		Ngày điều trị trung bình
			Lượt người	Ngày	
1	TTYT TP Thái Nguyên	150	7.843	54.901	7
2	BVĐK huyện Phú Bình	285	15.340	104.312	6,8
3	TTYT TP Phổ Yên	160	8.366	58.562	7
4	TTYT huyện Võ Nhai	175	9.419	64.049	6,8
5	TTYT huyện Đồng Hỷ	250	13.071	91.497	7
6	BVĐK huyện Đại Từ	250	14.077	91.501	6,5
7	TTYT huyện Phú Lương	170	9.150	62.220	6,8
8	BVĐK huyện Định Hoá	220	11.503	80.521	7
9	TTYT TP Sông Công	130	6.797	47.579	7
	Cộng	1.790	95.566	655.142	

Ghi chú : 1- Các chỉ tiêu hướng dẫn như sau: Chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng, phẫu thuật, xét nghiệm... giao cho lãnh đạo các đơn vị chỉ đạo xây dựng và giao chỉ tiêu cho các khoa, phòng phân đầu thực hiện, làm cơ sở cho việc bình xét thi đua khen thưởng.
2- Chỉ tiêu khám bệnh và điều trị ngoại trú các đơn vị tự xây dựng phù hợp theo thực tế nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân, phù hợp số lượng bàn khám, đảm bảo chất lượng khám và điều trị, giải quyết kịp thời yêu cầu của người bệnh.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 09 tháng 11 năm 2020

BIÊN BẢN SỐ 01/BBNT-TCXD
NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH

Công trình: Cải tạo, nâng cấp Trạm xử lý và hệ thống thu gom nước thải của trung tâm Y tế huyện Phú Lương

Địa điểm xây dựng: Thị trấn Du huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

1. Thành phần tham gia nghiệm thu:

a, Đại diện Chủ đầu tư: Trung tâm Y tế huyện Phú Lương

- Ông: Dương Văn Thanh Chức vụ: Giám đốc
- Ông: Phan Văn Năng Chức vụ: Cán bộ

b, Đại diện ban quản lý dự án: Công ty CP xây dựng số II Thái Nguyên

- Ông: Đàm Tiến Dũng Chức vụ: P.Giám đốc
- Ông: Lê Hoàng Lương Chức vụ: Cán bộ

b, Đại diện đơn vị tư vấn giám sát thi công: Công ty CP Tư vấn và Đầu tư xây dựng Thái Nguyên

- Ông: Bùi Việt Dũng Chức vụ: Phó Giám đốc
- Ông: Hoàng Thái Cường Chức vụ: Tư vấn giám sát trưởng

d, Đại diện đơn vị thi công: Công ty CPTV đầu tư và xây dựng Thăng Long

- Ông: Trang Đức Hùng Chức vụ: Giám đốc
- Ông: Hà Đức Vinh Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

2. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu: 9 giờ 00 phút, ngày 09 tháng 11 năm 2020.

Kết thúc: 11 giờ 00 phút, ngày 09 tháng 11 năm 2020.

Tại: Công trình trung tâm Y tế huyện Phú Lương

3. Đánh giá công việc xây dựng đã thực hiện:

a, Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu.
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được phê duyệt và những thay đổi thiết kế được Chủ đầu tư chấp thuận.
- Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng: Các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành.
- Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng xây dựng:

- Hợp đồng thi công xây dựng số 07/2020/HĐXL ngày 17 tháng 8 năm 2020 giữa Trung tâm Y tế huyện Phú Lương và Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Thăng Long về việc thi công xây dựng Gói thầu xây lắp công trình: Cải tạo, nâng cấp Trạm xử lý và hệ thống thu gom nước thải của Trung tâm Y tế huyện Phú Lương.

- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị được thực hiện trong quá trình xây dựng.

- Nhật ký thi công.

- Hồ sơ quản lý chất lượng công trình.

- Các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.

b, Khối lượng công việc thi công hoàn thành :

Hạng mục : Cải tạo, nâng cấp Trạm xử lý và hệ thống thu gom nước thải của Trung tâm Y tế huyện Phú Lương.

c, Chất lượng công việc thi công hoàn thành :

- Đáp ứng các yêu cầu theo hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt, những thay đổi được Chủ đầu tư chấp thuận. Đảm bảo chất lượng, kỹ, mỹ thuật của công trình.

d, Các ý kiến khác : Không.

4. Kết luận:

Các bên nhất trí nghiệm thu chất lượng và khối lượng công việc hoàn thành làm cơ sở cho thanh toán khối lượng.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



GIÁM ĐỐC
Dương Văn Thanh

ĐẠI DIỆN BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
KS: Đàm Tiến Dũng

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ GIÁM SÁT



PHÓ GIÁM ĐỐC
Bùi Việt Dũng

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG



GIÁM ĐỐC
KS. Trương Đức Hùng

Số: *1496* /QĐ-XPFC

Thái Nguyên, ngày *10* tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Điều 57, Điều 62, Điều 63, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-GQXP ngày 13/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 09/BB-VPHC lập ngày 21/4/2025;

Căn cứ Biên bản số 04/BB-XM lập ngày 19/5/2025 xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và môi trường tại Văn bản số 1292/SNNMT-BVMT ngày 22/4/2025 và Văn bản số 1963/SNNMT-BVMT ngày 20/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường đối với tổ chức có tên sau đây:

Tên của tổ chức: Trung tâm Y tế huyện Phú Lương.

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ dân phố Cầu Trắng, thị trấn Du, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Quyết định thành lập: Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 của UBND tỉnh tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Phú Lương trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Y tế huyện Phú Lương và Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Lương trực thuộc Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Tuấn Trung; Giới tính: Nam.

Chức danh: Giám đốc.

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Không có Giấy phép môi trường theo quy định.

3. Quy định tại: Điểm c khoản 3 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ.

4. Tình tiết tăng nặng: Không.

5. Tình tiết giảm nhẹ: Cơ sở đã tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi, tích cực giúp đỡ cơ quan chức năng phát hiện vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính. Cụ thể là đơn vị đã tích cực phối hợp trong quá trình làm việc, lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính.

6. Bị áp dụng các hình thức xử phạt chính, xử phạt bổ sung và khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền với số tiền 320.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm hai mươi triệu đồng chẵn).

b) Hình thức xử phạt bổ sung: Không.

c) Biện pháp khắc phục hậu quả: Không.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông Nguyễn Tuấn Trung là đại diện cho tổ chức vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Trung tâm Y tế huyện Phú Lương phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Trung tâm Y tế huyện Phú Lương không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật và cứ mỗi ngày chậm nộp tiền phạt thì tổ chức vi phạm phải nộp thêm 0,05% tính trên tổng số tiền phạt chưa nộp.

a) Trung tâm Y tế huyện Phú Lương phải nộp số tiền phạt vào Ngân hàng thương mại nơi Kho bạc Nhà nước Khu vực VII mở tài khoản: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh Thái Nguyên theo thông tin nộp ngân sách nhà nước như sau:

Tài khoản: 7111; Mã cơ quan ra quyết định xử phạt H55; Mã chương 405; Mã nội dung kinh tế (mã tiểu mục) 4278; Mã cơ quan quản lý thu 1100881 (Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên) trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

b) Trung tâm Y tế huyện Phú Lương có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc Nhà nước Khu vực VII để thu tiền phạt.

3. Gửi cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thực hiện.

4. Gửi cho Sở Y tế, UBND huyện Phú Lương để biết và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNN&XD.

Manhpn/5/2025

Me

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Loan

Quyết định này đã giao trực tiếp cho người đại diện của Trung tâm Y tế huyện Phú Lương, vào hồi giờ phút, ngày / /2025.

NGƯỜI NHẬN QUYẾT ĐỊNH

Số: *1749* /QĐ-HQĐPT

Thái Nguyên, ngày *06* tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Hoãn thi hành quyết định phạt tiền

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Điều 76 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Quyết định số 1496/QĐ-XPHC ngày 20/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh xử phạt vi phạm hành chính đối với Trung tâm Y tế huyện Phú Lương;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-GQXP ngày 13/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Xét Văn bản số 518/TTYT-ĐK ngày 30/5/2025 của Trung tâm Y tế huyện Phú Lương về việc xin hoãn chấp hành xử phạt vi phạm hành chính được Sở Y tế xác nhận tại Văn bản số 2539/SYT-KHTC ngày 30/5/2025 về việc hoãn thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và môi trường tại Văn bản số 2458/SNNMT-TTr ngày 06/6/2025 (kèm theo Biên bản làm việc ngày 06/6/2025).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Hoãn thi hành quyết định phạt tiền theo Quyết định số 1496/QĐ-XPHC ngày 20/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh đối với tổ chức có tên sau đây:

Tên của tổ chức: Trung tâm Y tế huyện Phú Lương.

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ dân phố Cầu Trắng, thị trấn Du, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Quyết định thành lập: Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 của UBND tỉnh tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Phú Lương trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Y tế huyện Phú Lương và Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Lương trực thuộc Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tuấn Trung; Giới tính: Nam.

Chức danh: Giám đốc.

2. Thời gian hoãn thi hành quyết định phạt tiền từ ngày 06/6/2025 đến 06/9/2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông Nguyễn Tuấn Trung là đại diện cho tổ chức được hoãn thi hành quyết định phạt tiền có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

a) Tổ chức được hoãn thi hành quyết định phạt tiền có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định này.

Hết thời gian hoãn thi hành quyết định phạt tiền quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định này, Trung tâm Y tế huyện Phú Lương phải tiếp tục chấp hành quyết định phạt tiền, nếu không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

b) Trung tâm Y tế huyện Phú Lương có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thực hiện.

3. Gửi cho UBND huyện Phú Lương, Sở Y tế, Kho bạc Nhà nước Khu vực VII để biết và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNN&XD.

Manhpn/6/2025

Mu

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

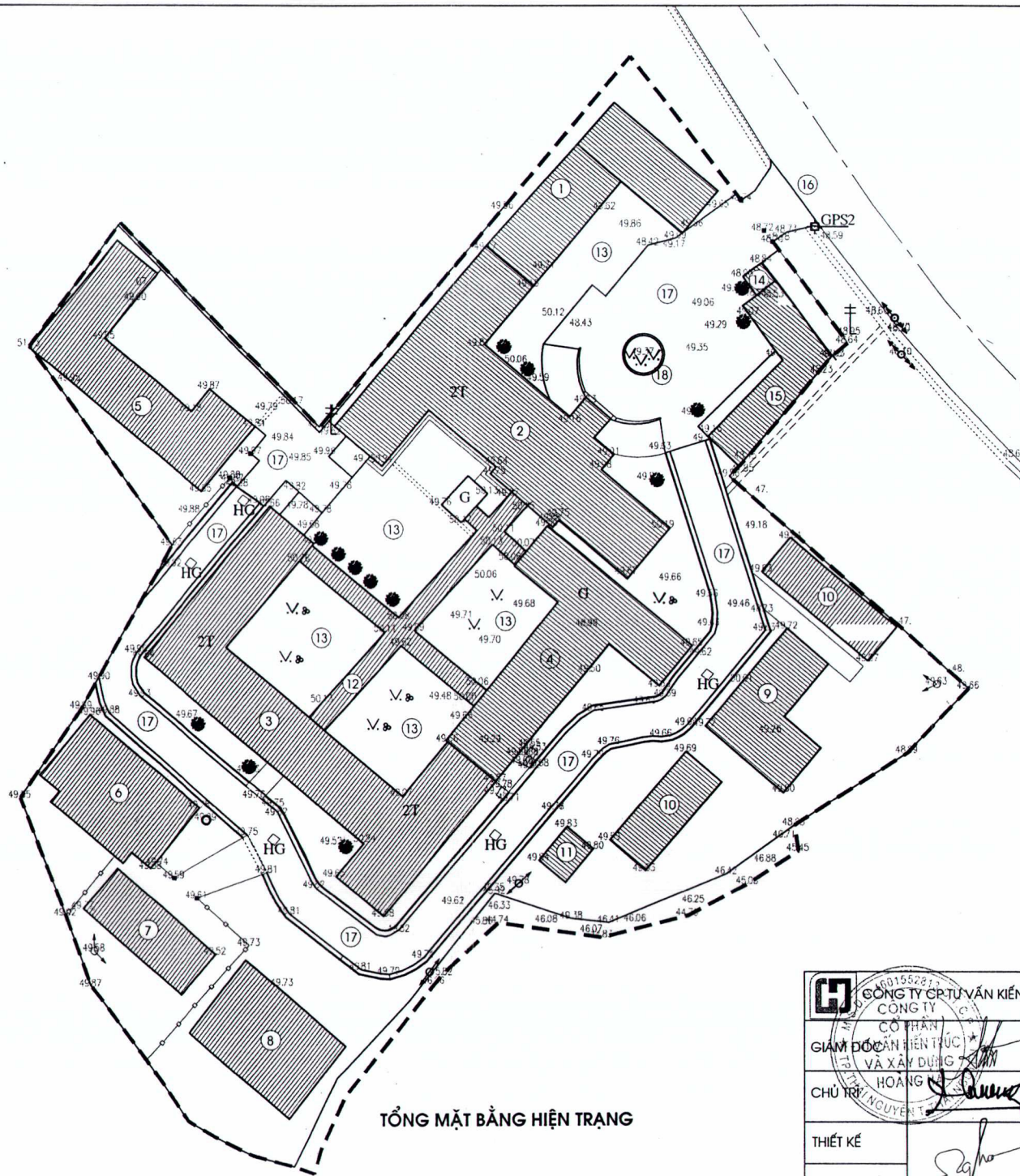


Nguyễn Thị Loan

Quyết định này đã giao trực tiếp cho người đại diện của Trung tâm Y tế huyện Phú Lương được hoãn thi hành quyết định phạt tiền vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 09/6/2025.

NGƯỜI NHẬN QUYẾT ĐỊNH


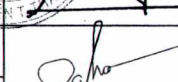
Nguyễn Văn Quốc Huy
Nguyễn Văn Quốc Huy

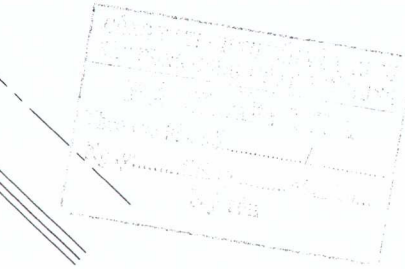
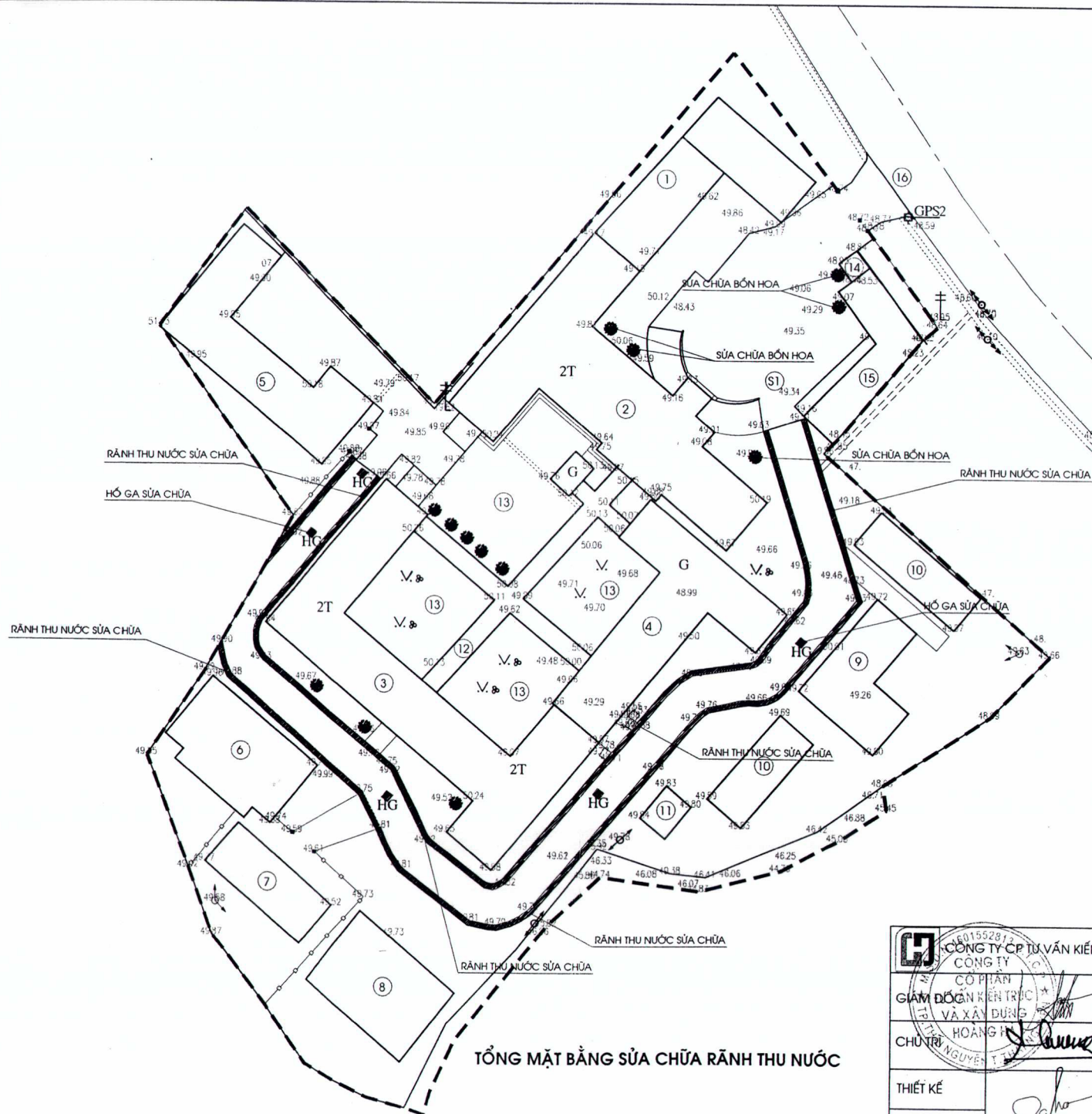


CHỖ ĐẶT MÃ SỐ VÀ ĐẶT TÊN
MÃ SỐ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ
BÊN TRÁI THIA
Thước kẻ:
Ngày tháng năm 20...
Ký tên:


SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số. /... ..
Ngày tháng năm 20...
Ký tên:

TỔNG MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG

 CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG HOÀNG HÀ		SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN PHÚ LƯƠNG			
GIÁM ĐỐC AN HIỆN TRÚC VÀ XÂY DỰNG		KS: HOÀNG NGỌC TÚ	CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, BẢO DƯỠNG SÀN ĐƯỜNG NỘI BỘ, HỆ THỐNG RÀNH THOÁT NƯỚC - TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN PHÚ LƯƠNG		
CHỦ TRƯỞNG		KTS. CAO DUY HOÀNG			
THIẾT KẾ		KS: NGUYỄN QUỐC NGHĨA	TÊN BẢN VẼ: TMB HIỆN TRẠNG		
QL KỸ THUẬT			TỶ LỆ: 1/....	TK. BVTC	BẢN VẼ
			KT BẢN VẼ: A3	NĂM 2024	TMB 01



SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
THẨM ĐỊNH
 Theo văn bản số. /
 Ngày tháng năm 20...
 Ký tên:

<div><div>601552812 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG HOÀNG HÀ CÔNG TY</div></div>			SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN PHÚ LƯƠNG		
GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT VÀ XÂY DỰNG HOÀNG HÀ		KS. HOÀNG NGỌC TỬ	CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, BẢO DƯỠNG SÀN DƯỠNG NỘI BỘ, HỆ THỐNG RÃNH THOÁT NƯỚC - TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN PHÚ LƯƠNG		
CHỦ TRÌ		KTS. CAO DUY HOÀNG			
THIẾT KẾ		KS. NGUYỄN QUỐC NGHĨA	TÊN BẢN VẼ: TMB RÃNH THU NƯỚC		
QL KỸ THUẬT			TỶ LỆ: 1/....	TK. BVTC	BẢN VẼ
			KT BẢN VẼ: A3	NĂM 2024	TMB 04